

Số: 298./PTSHT-HĐQT-TB

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 488/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/10/2026)

A. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- Tên viết tắt: PTS Hà Tây
- Địa chỉ trụ sở chính: Km 17 Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024 33535228 Số fax: 024 33531214

Website: ptshatay.petrokimex.com.vn

- Vốn điều lệ: 35.031.640.000 đồng. (Ba mươi lăm tỷ không trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

6. Mã cổ phiếu: PTH

7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Số hiệu tài khoản: 999668669

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 10 năm 2025 (do cập nhật địa chỉ trụ sở chính trên đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ người đại diện theo pháp luật của Công ty).

- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649
2	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm;	6622
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
4	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Dịch vụ ăn uống	5629
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
6	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932



Người ký: NGUYỄN TỪ BÌNH

Email:

BinhNT.PTShatay@petrolimex.com.vn

Ký ngày: 12/10/2026 11:09:19

	Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ;	
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu	8299
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, vecni;	4673
9	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4772
10	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;	9531
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe;	5221
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;	4299
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Tổng đại lý bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác	4671
14	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4730

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: Tổng đại lý bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác – Mã ngành 4671

9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Giấy phép hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 1778 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 9 năm 2015, cấp lần thứ 2 ngày 27 tháng 12 năm 2021.

II. Mục đích chào bán:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được dùng để mua 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m³ vận chuyển xăng dầu.

III. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 1.751.582 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 1.751.582 cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.

4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.

5. Tổng giá trị vốn huy động: 17.515.820.000 đồng, trong đó:



* - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 17.515.820.000 đồng;

- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.

6. Phương thức phân phối: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu với tỷ lệ 2:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)

7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không quy định

8. Thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu:

- Ngày chốt danh sách cổ đông nhận quyền mua cổ phiếu: Ngày 26/10/2026

- Thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu: Từ ngày 29/10/2026 đến ngày 19/11/2026

- Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 29/10/2026 đến ngày 12/11/2026

9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây – Địa chỉ trụ sở: Km 17 Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 29/10/2026 đến ngày 19/11/2026

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số tài khoản: 999668001

- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

12. Các tổ chức liên quan:

- **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: 028 6291 0607



Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446

Fax: 0236 3553 888

- TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437958705

Fax: 024.6278.2905

Email: anviet@anvietcpa.com

Website: www.anvietcpa.com

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Bản cáo bạch được cung cấp tại địa chỉ: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây – Địa chỉ trụ sở: Km 17 Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và được đăng tải trên website của Công ty <https://ptshatay.petrolimex.com.vn>, Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội <https://cims.hnx.vn> và <https://www.hnx.vn>.

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



LÊ TỰ CƯỜNG



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 10 năm 2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 488 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07... tháng 10... năm 2026)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 07... / 10... / 2026 tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Trụ sở chính: Km 17 Quốc lộ 6, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 33535228

Fax: 024 33531214

Website: <https://ptshatay.petrolimex.com.vn>

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Website: <https://www.fpts.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Ông Lê Tự Cường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: (024) 3353 5228

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 10 năm 2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 1.751.582 cổ phiếu <i>(bằng chữ: Một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm tám mươi hai cổ phiếu)</i>
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 17.515.820.000 đồng <i>(bằng chữ: Mười bảy tỷ năm trăm mười lăm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)</i>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0437958705

Fax: 024.6278.2905

Email: anviet@anvietcpa.com

Website: <http://www.anvietcpa.com/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Trụ sở chính: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: <https://www.fpts.com.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	10
1. Rủi ro về kinh tế	10
2. Rủi ro về luật pháp	16
3. Rủi ro đặc thù	16
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	19
5. Rủi ro pha loãng	19
6. Rủi ro quản trị công ty.....	21
7. Rủi ro khác	21
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	22
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	24
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	24
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	25
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	26
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	27
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	37
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ.....	38
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	43
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	43
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	44
10. Hoạt động kinh doanh	44
11. Chính sách đối với người lao động.....	77
12. Chính sách cổ tức	79
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	80
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	80
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ..	80

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích.....	80
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	80
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	80
2. Tình hình tài chính.....	83
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán.....	90
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	90
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP, CỔ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	94
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	94
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	94
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.....	101
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	122
1. Loại cổ phiếu.....	122
2. Mệnh giá cổ phiếu:.....	122
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	122
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	122
5. Giá chào bán dự kiến.....	122
6. Phương pháp tính giá.....	122
7. Phương thức phân phối.....	122
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	123
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	123
10. Phương thức thực hiện quyền.....	125
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	125
12. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	126
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành....	126
14. Huỷ bỏ đợt chào bán.....	126
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	126
16. Các loại thuế có liên quan.....	126
17. Thông tin về các cam kết.....	128
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	128

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	128
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	128
1. Trình tự triển khai việc mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m ³	129
2. Thông tin về tài sản: 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m ³ vận chuyển xăng dầu.....	130
3. Thông tin đối tác:.....	135
4. Chi phí mua dự kiến	138
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	139
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	139
XII. PHỤ LỤC.....	141

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quá trình tăng vốn.....	39
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty	43
Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm theo hoạt động dịch vụ.....	48
Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm theo hoạt động dịch vụ.....	48
Bảng 5. Tài sản cố định của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026 ...	49
Bảng 6. Danh sách tài sản có giá trị lớn của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026.....	50
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm theo thị trường hoạt động chính.....	52
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm theo thị trường hoạt động chính.....	54
Bảng 9. Danh mục đầu tư đã được quyết toán trong năm 2024	56
Bảng 10. Danh mục đầu tư đã được quyết toán trong năm 2025	56
Bảng 11. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty	57
Bảng 12. Bảng các hợp đồng đầu vào lớn trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026	59
Bảng 13. Bảng các hợp đồng đầu ra lớn trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026	61
Bảng 14. Danh sách các khách hàng lớn của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026.....	65
Bảng 15. Danh sách nhà cung cấp lớn của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026.....	67
Bảng 16. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động với các doanh nghiệp trong ngành	71
Bảng 17. Cơ cấu lao động trong giai đoạn 2024 đến thời điểm 30/06/2026.....	77
Bảng 18. Tình hình chi trả cổ tức qua các năm	79
Bảng 19. Kết quả hoạt động kinh doanh	80
Bảng 20. Vốn điều lệ	83
Bảng 21. Vốn kinh doanh.....	83
Bảng 22. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh	84
Bảng 23. Mức lương bình quân.....	85
Bảng 24. Tình hình công nợ	86
Bảng 25. Các khoản phải thu.....	86
Bảng 26. Các khoản phải trả.....	87
Bảng 27. Các khoản phải nộp theo luật định.....	88
Bảng 28. Tình hình trích lập các quỹ theo luật định.....	88
Bảng 29. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	89

Bảng 30. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	90
Bảng 31. Thông tin về cổ đông lớn là tổ chức.....	95
Bảng 32. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan.....	96
Bảng 33. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan.....	97
Bảng 34. Danh sách Ban kiểm soát.....	111
Bảng 35. Danh sách Ban Giám đốc.....	116
Bảng 36. Lịch trình dự kiến phân phối chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2026.....	124

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm	11
Biểu đồ 2. Tỷ lệ CPI bình quân giai đoạn 2015 - 2025	13
Biểu đồ 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	26
Biểu đồ 4. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty	27

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY****Ông Lê Tự Cường**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Từ Bình

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Bà Ngô Thị Vui

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**Đại diện được ủy quyền: **Bà Nguyễn Thu Hiền**

Chức vụ: Phó Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Giấy ủy quyền số 27-2026/UQ/FPTS ngày 31/03/2026 của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của CTCP Chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 70/2026/FPTS/FCF-HN/PTH ký ngày 02/03/2026 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây cung cấp.

Phản này được cố ý để trống

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cần xem xét các tác động từ kinh tế vĩ mô, bao gồm các yếu tố quan trọng như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát và sự biến đổi của lãi suất. Những yếu tố này ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế và có tác động trực tiếp đến hiệu quả và triển vọng kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty cần có dự báo và điều chỉnh kịp thời trước những biến động trong môi trường kinh tế vĩ mô, nhằm giảm thiểu rủi ro và tăng cường hiệu quả kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

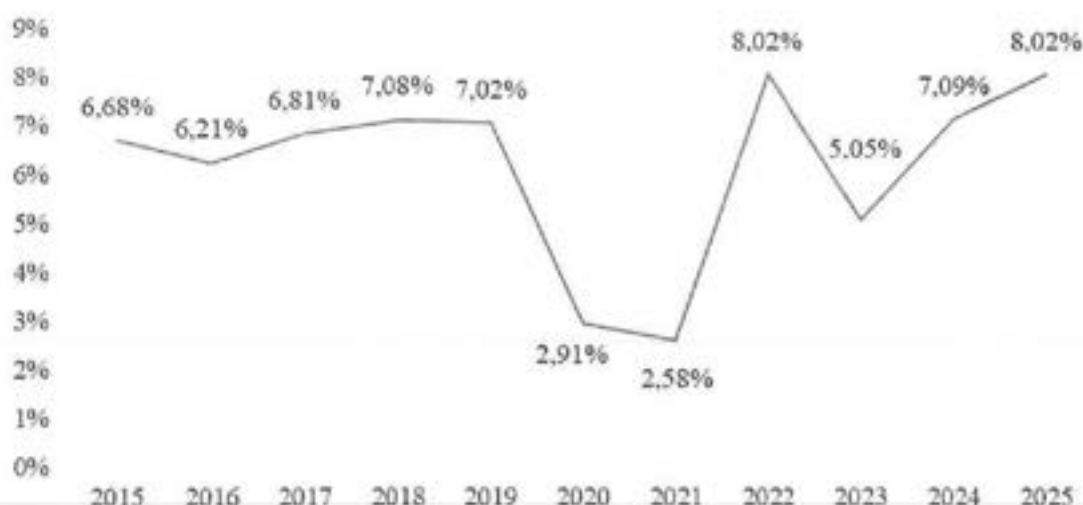
Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến đa số các thành phần kinh tế là tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhìn chung, một nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng tốt sẽ thúc đẩy nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ của xã hội, khuyến khích gia tăng sản lượng công nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng hoạt động và nâng cao quy mô thị trường.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, năm 2024 tiếp tục chứng kiến nhiều biến động phức tạp và khó dự báo. Đặc biệt, căng thẳng địa chính trị gia tăng tại nhiều khu vực đã làm gia tăng mức độ bất ổn của nền kinh tế thế giới. Xung đột Nga – Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, trong khi căng thẳng giữa Israel và Hamas tiếp tục leo thang, làm dấy lên lo ngại về khả năng lan rộng của xung đột với sự tham gia của các cường quốc như Mỹ, Iran hoặc các quốc gia vùng Vịnh, qua đó tiềm ẩn nguy cơ gây xáo trộn thị trường năng lượng toàn cầu, đặc biệt là thị trường dầu mỏ.

Trước thế giới diễn biến đầy phức tạp và khó lường như vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực và ổn định. Năm 2024, GDP của Việt Nam tăng 7,09% so với cùng kỳ, vượt mục tiêu 6,0 – 6,5% do Chính phủ đề ra, đồng thời ở mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011–2024, chỉ thấp hơn các năm 2018, 2019 và 2022. Động lực thúc đẩy chính chủ yếu đến từ khu vực Công nghiệp và Xây dựng với mức tăng 8,24%, đóng góp 45,17% vào tăng trưởng GDP chung. Khu vực công nghiệp ghi nhận sự phục hồi rõ nét, được hỗ trợ bởi nhu cầu nhập khẩu thiết bị điện tử gia tăng tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ và Trung Quốc. Khu vực Dịch vụ tăng trưởng 7,38%, đóng góp 49,46% vào GDP, phản ánh xu hướng phục hồi của tiêu dùng và du lịch. Đáng chú ý, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng mạnh 9,76%, trong bối cảnh lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt gần 18 triệu lượt, tương đương mức trước đại dịch năm 2019. Bên cạnh đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng trưởng 3,27% trong năm 2024, bất chấp những tác động bất lợi từ thiên tai và bão lũ. Sản lượng nhiều mặt hàng nông sản tiếp tục gia tăng, hoạt động chăn nuôi phát triển ổn định, trong khi sản lượng nuôi trồng thủy sản ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, góp phần củng cố nền tảng ổn định cho toàn bộ nền kinh tế.

Phần này được cố ý để trống

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bước sang năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp, với tốc độ phục hồi chậm, cùng với đó là căng thẳng địa chính trị kéo dài và cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến giảm nhẹ từ mức 3,3% năm 2024 xuống còn 3,2% trong năm 2025, phản ánh xu hướng suy giảm tốc độ tăng trưởng trong bối cảnh rủi ro bất ổn gia tăng và chủ nghĩa bảo hộ có dấu hiệu quay trở lại. Cụ thể, các chính sách thuế quan tại Hoa Kỳ, xu hướng cắt giảm đáng kể các chương trình hỗ trợ quốc tế dành cho các nền kinh tế đang phát triển, cùng với việc gia tăng các rào cản nhập cư lan rộng sang một số nền kinh tế phát triển khác, đang tạo ra áp lực đáng kể lên triển vọng tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, việc triển khai các gói kích thích tài khóa quy mô lớn tại một số nền kinh tế lớn đã làm gia tăng lo ngại về tính bền vững của tài khóa công và nguy cơ lan truyền rủi ro trên phạm vi quốc tế. Trước tình hình như vậy, các nền kinh tế, tổ chức tài chính và thị trường toàn cầu đang từng bước điều chỉnh để thích ứng với xu hướng gia tăng bảo hộ và phân mảnh kinh tế, trong khi triển vọng tăng trưởng trung hạn được đánh giá là kém khả quan, đòi hỏi sự điều chỉnh linh hoạt và thận trọng trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô.

Với tình hình đó, nền kinh tế Việt Nam năm 2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực và ổn định. Theo Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý IV và cả năm 2025 của Tổng cục Thống kê, năm 2025, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt 8,02%, phản ánh sự phục hồi vững chắc và mở rộng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh. So với năm 2024, cơ cấu đóng góp vào tăng trưởng có sự dịch chuyển rõ nét. Trong đó, khu vực dịch vụ trở thành động lực chính với mức tăng 8,62%, đóng góp 51,08% vào GDP, nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động thương mại và du lịch. Đặc biệt, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt mức cao nhất từ trước đến nay, góp phần thúc đẩy tiêu dùng và các ngành dịch vụ liên quan. Bên cạnh đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, ghi nhận mức tăng cao nhất kể từ năm 2019, đóng góp 43,62% vào GDP, được hỗ trợ bởi tiến độ giải ngân đầu tư công đạt kỷ lục và sự phục hồi tích cực của thị trường bất động sản. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt khoảng 12.847,6 nghìn tỷ đồng (tương đương 514 tỷ USD), tăng 38 tỷ USD so với năm 2024; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 125,5 triệu đồng/người (tương đương 5.026 USD), tăng 326 USD so với năm trước.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP ước tăng 8,18%, cao hơn mức tăng 7,63% của cùng kỳ năm 2025. Động lực tăng trưởng đến từ cả ba khu vực kinh tế, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; và khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%, phản ánh sự phục hồi đồng đều và bền vững của nền kinh tế. Trong khoảng thời gian 6 tháng đầu năm, khu vực công nghiệp và xây dựng là động lực tăng trưởng quan trọng nhờ nhu cầu xuất khẩu phục hồi, các động lực sản xuất được củng cố và hiệu quả lan tỏa từ hoạt động đầu tư công. Giá trị tăng thêm của toàn ngành công nghiệp trong sáu tháng đầu năm 2026 tăng 9,86% so với cùng kỳ, đóng góp 40,35% vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Đối với khu vực dịch vụ, sự gia tăng của nhu cầu tiêu dùng trong nước cùng với hoạt động thương mại, vận tải và du lịch diễn ra sôi động đã tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng. Giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2026 tăng 8,09% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan, bao gồm: bán buôn và bán lẻ tăng 9,67%, đóng góp 13,51%; vận tải và kho bãi tăng 10,18%, đóng góp 7,73%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,97%, đóng góp 4,71%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,05%, đóng góp 2,73%; và hoạt động hành chính, dịch vụ hỗ trợ tăng 8,99%, đóng góp 1,81%. Diễn biến tích cực của khu vực dịch vụ cho thấy sức cầu trong nước tiếp tục được cải thiện, đồng thời phản ánh sự phục hồi của các hoạt động kinh tế sau giai đoạn tăng tốc đầu tư và mở rộng sản xuất.

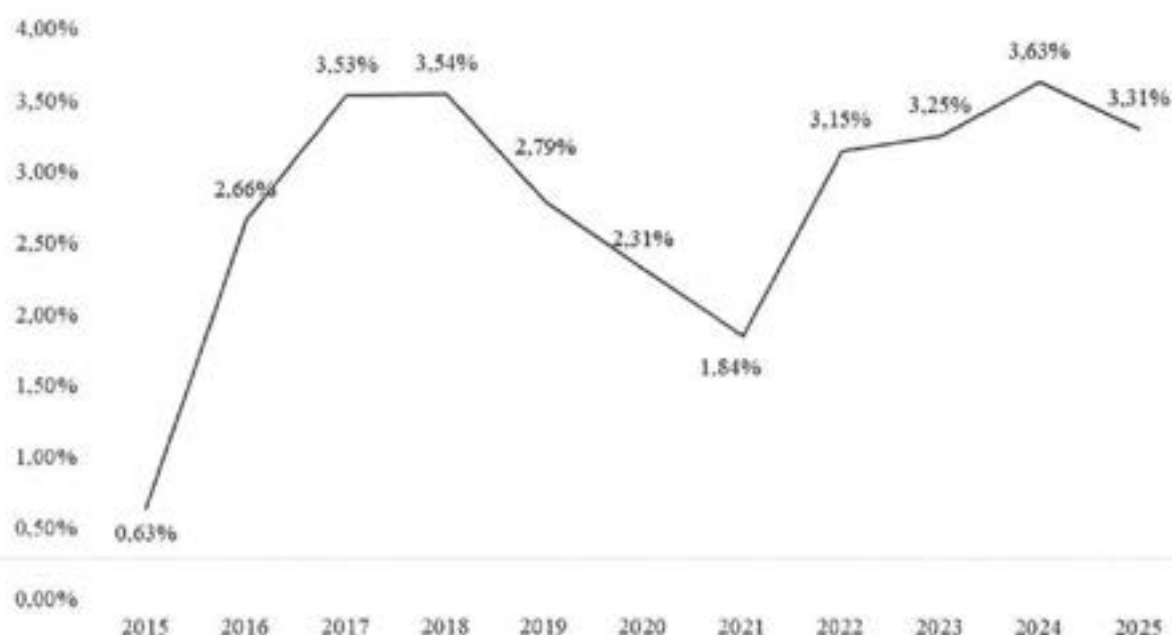
Giai đoạn 2024 đến nay chứng kiến đà tăng trưởng tích cực, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước gia tăng, đặc biệt từ các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây dựng, vận tải và du lịch. Đây là yếu tố thuận lợi đối với Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây trong việc mở rộng sản lượng vận chuyển và cải thiện hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, Công ty cũng đối mặt với một số thách thức như biến động giá nhiên liệu, chi phí vận hành và logistics có xu hướng gia tăng, cũng như áp lực từ môi trường lãi suất còn ở mức cao. Do đó, việc nâng cao hiệu quả quản trị chi phí, tối ưu hóa năng lực vận hành và chủ động thích ứng với biến động thị trường sẽ là những yếu tố then chốt nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững.

1.2. Rủi ro lạm phát

Bước sang năm 2024 và kéo dài đến hết quý IV/2025, thị trường hàng hóa toàn cầu tiếp tục vận động trong bối cảnh đan xen nhiều yếu tố bất định xuất phát từ kinh tế, chính trị và môi trường. Mặc dù áp lực lạm phát toàn cầu đã có dấu hiệu hạ nhiệt so với giai đoạn đỉnh 2022–2023, nhờ việc duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều nền kinh tế lớn và nhu cầu toàn cầu yếu hơn, song mặt bằng giá hàng hóa vẫn tiềm ẩn nhiều biến động khó lường. Các rủi ro địa chính trị kéo dài, xung đột thương mại gia tăng, cùng với tình trạng gián đoạn cục bộ trong chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gây sức ép lên giá các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là nhóm nguyên vật liệu đầu vào và chi phí logistics, khiến xu hướng ổn định giá trong dài hạn gặp nhiều thách thức. Bên cạnh đó, tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu và sự gia tăng tần suất các hiện tượng thời tiết cực đoan đang ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và khai thác tài nguyên tại nhiều khu vực trên thế giới. Những yếu tố này không chỉ làm gián đoạn nguồn cung nguyên vật liệu mà còn kéo dài tiến độ triển khai các dự án xây dựng và hạ tầng, qua đó làm gia tăng chi phí đầu vào và rủi ro vận hành đối với doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp buộc phải nâng cao năng lực quản trị rủi ro, chủ động thích ứng với biến động thị trường và tối ưu hóa chuỗi cung ứng nhằm duy trì hiệu quả hoạt động và đảm bảo tính bền vững trong dài hạn.

Với đặc thù là nền kinh tế có độ mở lớn, các biến động từ thị trường quốc tế tiếp tục lan tỏa nhanh chóng và tác động đa chiều đến nền kinh tế Việt Nam. Song hành với đà tăng trưởng tích cực là áp lực lạm phát vẫn hiện hữu, đòi hỏi sự điều hành linh hoạt và thận trọng của Chính phủ. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024; riêng quý IV/2025 tăng 3,44% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy mặt bằng giá cả duy trì ở mức cao hơn so với giai đoạn trước đại dịch, nhưng vẫn nằm trong mục tiêu kiểm soát lạm phát đã đề ra. Động lực chính thúc đẩy CPI đến từ nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng với mức tăng 6,08%, đóng góp 1,38 điểm phần trăm vào CPI chung, trong đó đáng chú ý là giá nhà ở thuê và chi phí vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng mạnh, cùng với việc điều chỉnh giá điện sinh hoạt theo nhu cầu sử dụng thực tế. Bên cạnh đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,27%, đóng góp 1,17 điểm phần trăm vào CPI, phản ánh xu hướng phục hồi tiêu dùng và gia tăng chi tiêu ngoài gia đình. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế ghi nhận mức tăng cao 13,07%, chủ yếu do điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định, góp phần làm CPI tăng thêm 0,61 điểm phần trăm. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác, giáo dục, cũng như thiết bị và đồ dùng gia đình đều ghi nhận mức tăng nhất định, góp phần tạo áp lực chung lên mặt bằng giá.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ CPI bình quân giai đoạn 2015 - 2025



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2026 tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh mặt bằng giá tiêu dùng tiếp tục chịu tác động từ sự gia tăng của chi phí ở hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ. Theo đó, cả 11 nhóm hàng tiêu dùng chính đều ghi nhận mức tăng giá, trong đó nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng có mức tăng cao nhất, đạt 7,17%, làm CPI chung tăng 1,63 điểm phần trăm. Mức tăng này chủ yếu xuất phát từ việc giá thuê nhà và giá các dịch vụ sửa chữa nhà ở tiếp tục tăng. Bên cạnh đó, nhóm giao thông tăng 5,29%, góp phần làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu là giá nhiên liệu tăng 8,97%, phản ánh xu hướng tăng của giá xăng dầu trong nước theo diễn biến của giá nhiên liệu trên thị trường thế giới. CPI tháng 6/2026 tăng 4,69%. Cả 11 nhóm hàng tiêu dùng chính đều tăng giá. Đà tăng này xuất phát chủ yếu từ các nhóm ngành như Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 7,17%, tác động làm CPI chung tăng 1,63 điểm phần trăm, nguyên nhân chủ yếu do giá thuê nhà và dịch vụ sửa chữa đều tăng. Nhóm giao thông tăng 5,29%, tác động làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm, trong đó

giá nhiên liệu tăng 8,97% chủ yếu do tăng giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới.

Với diễn biến lạm phát như trên, Công ty xác định áp lực gia tăng chi phí đầu vào là yếu tố trọng yếu tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động và biên lợi nhuận. Sự leo thang giá thành của các nhóm mặt hàng chiến lược như điện năng, vật liệu xây dựng và hệ thống dịch vụ thiết yếu đã làm phát sinh đáng kể chi phí vận hành thường xuyên, đồng thời đẩy cao ngân sách cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện và đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật. Đối với Công ty, những biến số này không chỉ làm gia tăng tổng chi phí khai thác mà còn ảnh hưởng đến tiến độ tái đầu tư hạ tầng vận tải. Bên cạnh đó, mặt bằng lạm phát duy trì ở mức cao còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa đến chi phí nhân công thông qua việc điều chỉnh tiền lương nhằm đảm bảo tính cạnh tranh của thị trường lao động, đồng thời gây áp lực lên chi phí tài chính khi lãi suất vay chưa có xu hướng giảm rõ rệt. Những thách thức này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản trị chi phí, đòi hỏi Công ty phải quyết liệt hơn trong việc tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài sản và nâng cao năng suất vận hành. Theo đó, khả năng kiểm soát chặt chẽ các yếu tố đầu vào và sự thích ứng linh hoạt trước những biến động vĩ mô sẽ đóng vai trò then chốt trong việc bảo toàn năng lực tài chính, duy trì hiệu quả kinh doanh bền vững và năng lực cạnh tranh cốt lõi của Công ty trên thị trường.

1.3. Chính sách tiền tệ

Hệ thống ngân hàng giữ vai trò trung tâm trong nền kinh tế với chức năng dẫn vốn, cung ứng tín dụng và tạo tiền cho nền kinh tế. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước sử dụng nghiệp vụ thị trường mở như một công cụ điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm kiểm soát cung tiền, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống tổ chức tín dụng và ổn định thị trường tiền tệ. Thông qua kênh này, NHNN có thể kịp thời can thiệp để hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng thương mại khi cần thiết, đồng thời chủ động hút bớt tiền đồng ra khỏi hệ thống nhằm giảm áp lực lên lạm phát và tỷ giá. Trong giai đoạn từ năm 2024 đến nay, công cụ này được NHNN sử dụng thường xuyên với tần suất và quy mô lớn nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống trước những biến động phức tạp của kinh tế trong nước và quốc tế. Cụ thể, NHNN triển khai phát hành tín phiếu với các kỳ hạn ngắn như 7 ngày, 14 ngày và 28 ngày để hút bớt thanh khoản dư thừa trong những giai đoạn cần thiết, đồng thời thực hiện các giao dịch cho vay cầm cố giấy tờ có giá nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng khi lãi suất liên ngân hàng xuất hiện biến động mạnh, đặc biệt tại các thời điểm cuối năm hoặc giai đoạn nhu cầu vốn ngắn hạn gia tăng. Bên cạnh đó, áp lực điều hành chính sách tiền tệ tiếp tục gia tăng khi đồng USD duy trì xu hướng mạnh lên trên thị trường quốc tế dưới tác động của bất ổn địa chính trị và việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì mặt bằng lãi suất cao trong thời gian dài do lạm phát tại Mỹ chưa trở về mức mục tiêu. Điều này khiến chênh lệch lãi suất giữa VND và USD duy trì ở mức cao, qua đó tạo áp lực lên tỷ giá và dòng vốn trên thị trường tài chính. Trong bối cảnh đó, NHNN đã chủ động điều tiết thanh khoản theo hướng linh hoạt hơn nhằm hỗ trợ ổn định thị trường tiền tệ, kiểm soát áp lực tỷ giá và góp phần duy trì mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức phù hợp với mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô.

Bên cạnh công tác điều hành chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục yêu cầu các tổ chức tín dụng triển khai nghiêm túc các chỉ đạo liên quan đến hoạt động tiền tệ và tín dụng, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định về cấp tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm an toàn hệ thống và duy trì ổn định thị trường tiền tệ. Định hướng điều hành tín dụng của NHNN tập trung vào tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững, qua đó hạn chế nguy cơ gia tăng nợ xấu và bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng. Theo đó, dòng vốn tín dụng được định hướng ưu tiên vào các lĩnh vực sản xuất – kinh doanh, các ngành nghề ưu tiên

và các lĩnh vực đóng vai trò động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, NHNN tiếp tục yêu cầu kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nhằm hạn chế các nguy cơ mất cân đối trên thị trường tài chính. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất huy động được định hướng duy trì ổn định, trong khi các tổ chức tín dụng được khuyến khích tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm tạo dư địa giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn với chi phí hợp lý hơn. Theo số liệu công bố của NHNN, đến ngày 31/12/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 18,58 triệu tỷ đồng, tăng 19,01% so với cuối năm 2024. Như vậy, xét theo giá trị tuyệt đối, quy mô tín dụng của nền kinh tế đã tăng thêm khoảng 2,97 triệu tỷ đồng trong năm 2025, phản ánh xu hướng mở rộng tín dụng tích cực nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nổi tiếp đà tăng trưởng, đến ngày 29/6/2026, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 20,03 triệu tỷ đồng, tăng 7,73% so với cuối năm 2025, bổ sung cho nền kinh tế khoảng 1,4 triệu tỷ đồng so với cuối năm 2025.

Do đặc thù kinh doanh xăng dầu giá trị hợp đồng lớn, Công ty thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn để tài trợ nguồn vốn lưu động, hoạt động Công ty bị ảnh hưởng khá nhiều từ những sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường. Trước dự báo lãi suất sẽ còn biến động trong giai đoạn tới, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí tài chính, sử dụng linh hoạt các nguồn vốn chiếm dụng, tận dụng các nguồn vốn khác với chi phí thấp hơn.

1.4. Rủi ro tỷ giá

Dù Công ty không trực tiếp thực hiện hoạt động xuất khẩu, biến động tỷ giá có thể tác động đến giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, nhu cầu vốn lưu động cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh giá xăng dầu thế giới biến động mạnh, việc đồng Việt Nam mất giá so với USD có thể làm gia tăng đáng kể chi phí nhập khẩu xăng dầu, qua đó gây áp lực lên biên lợi nhuận và khả năng kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.

Giai đoạn 2024 đến nay, đặc biệt là năm 2025, được đánh giá là giai đoạn thị trường ngoại hối Việt Nam chịu nhiều áp lực khi đồng Việt Nam ghi nhận xu hướng mất giá tương đối rõ nét so với đồng USD. Theo đó, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng tăng khoảng 3,4% so với thời điểm đầu năm. Diễn biến này phản ánh áp lực gia tăng trên thị trường ngoại hối trong bối cảnh môi trường tài chính quốc tế tiếp tục duy trì nhiều yếu tố bất ổn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chênh lệch lãi suất giữa USD và VND duy trì ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm 2025. Trong khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tín dụng, thì Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn duy trì lãi suất điều hành ở mức cao đến hết tháng 9/2025 nhằm kiểm soát lạm phát. Điều này làm gia tăng sức hấp dẫn của đồng USD trên thị trường quốc tế, qua đó tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND và xu hướng dịch chuyển dòng vốn sang các tài sản định danh bằng USD. Bên cạnh đó, hoạt động mua ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước cũng là yếu tố góp phần làm gia tăng áp lực lên nguồn cung USD trong nước. Trong năm 2025, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện mua vào hơn 2,29 tỷ USD, cao hơn tổng lượng mua của năm trước. Mặc dù hoạt động này góp phần củng cố dự trữ ngoại hối quốc gia và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài, việc gia tăng nhu cầu mua ngoại tệ đồng thời cũng làm suy giảm nguồn cung USD trên thị trường trong ngắn hạn, qua đó tạo thêm áp lực tăng tỷ giá. Việc tỷ giá USD/VND duy trì ở mức cao có thể tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty do giá nhập khẩu xăng dầu và các chi phí liên quan có xu hướng tăng theo biến động tỷ giá. Đồng thời, yếu tố này cũng có thể làm gia tăng áp lực chi phí vốn và ảnh hưởng

đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong trường hợp giá bán trong nước chưa phản ánh kịp thời biến động của thị trường quốc tế và tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán cùng các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn liên quan. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh có tính quản lý cao, mọi thay đổi trong khung pháp lý và chính sách điều hành của cơ quan quản lý nhà nước đều có thể tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí vận hành cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật Việt Nam tiếp tục được rà soát, sửa đổi và hoàn thiện nhằm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, Công ty có thể đối mặt với các rủi ro pháp lý phát sinh từ việc chậm cập nhật, áp dụng chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời các quy định mới. Các rủi ro này đặc biệt đáng lưu ý đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu – ngành nghề chịu sự quản lý chặt chẽ về điều kiện kinh doanh, dự trữ hàng hóa, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, điều hành giá và quản lý hệ thống phân phối.

Trong giai đoạn 2024 đến nay, một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xăng dầu đã được ban hành như Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025, Công văn số 9673/BTC-QLG ngày 30/06/2025, Công văn số 15141/BTC-QLG ngày 30/09/2025, Công văn số 15694/BTC-QLG ngày 09/10/2025, Công văn số 8493/BCT-TTTN ngày 30/10/2025,... của Bộ Công Thương, cùng nhiều quy định hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý, điều hành thị trường xăng dầu. Việc các cơ quan quản lý tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hành theo hướng minh bạch hóa thị trường, tăng cường kiểm soát hoạt động kinh doanh, điều hành giá bán và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia có thể làm gia tăng yêu cầu tuân thủ đối với doanh nghiệp trong ngành.

Những thay đổi về chính sách và quy định pháp lý nêu trên có thể ảnh hưởng đến quy trình hoạt động, chi phí tuân thủ, kế hoạch đầu tư cũng như chiến lược kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn. Do đó, Công ty luôn thường xuyên theo dõi, cập nhật và chủ động thích ứng với các thay đổi của hệ thống pháp luật nhằm hạn chế rủi ro pháp lý, bảo đảm hoạt động kinh doanh ổn định và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro đặc thù ngành xăng dầu

Hoạt động vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy, cùng với hoạt động kinh doanh xăng dầu, sản phẩm hóa dầu là những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty, có tiềm năng thị trường lớn nhờ nhu cầu ổn định và xu hướng tăng trưởng của hoạt động vận tải và tiêu thụ nhiên liệu trong nền kinh tế. Các lĩnh vực này không chỉ đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu mà còn giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh xăng dầu hiện chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu, do đó biến động giá xăng dầu trên thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo thống kê của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV), giá dầu thế giới trong năm 2025 giảm khoảng 20%, ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ giai đoạn đại dịch Covid-19. Mặc dù thị trường liên tục chịu tác động từ các căng thẳng địa chính trị như xung đột Nga – Ukraine, bất ổn tại Trung Đông hay căng thẳng giữa Israel và Iran, giá dầu chỉ tăng trong thời gian ngắn trước khi nhanh chóng quay trở lại

xu hướng giảm. Điều này cho thấy áp lực dư cung trên thị trường dầu mỏ toàn cầu đang chiếm ưu thế so với các yếu tố hỗ trợ giá mang tính ngắn hạn. Theo đánh giá của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu tiêu thụ dầu toàn cầu trong năm 2025 chỉ tăng khoảng 700.000 – 800.000 thùng/ngày, thấp hơn đáng kể so với giai đoạn phục hồi mạnh sau đại dịch Covid-19. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc hiệu quả sử dụng nhiên liệu được cải thiện, xu hướng tiết kiệm năng lượng gia tăng và quá trình chuyển dịch sang các phương tiện sử dụng năng lượng sạch, đặc biệt là xe điện, ngày càng diễn ra mạnh mẽ tại nhiều quốc gia. Trong khi đó, nguồn cung dầu tiếp tục duy trì ở mức cao khi Mỹ giữ sản lượng khai thác khoảng 14 triệu thùng/ngày; các dự án khai thác mới tại Brazil, Guyana và Canada bổ sung thêm gần 800.000 thùng/ngày; đồng thời liên minh OPEC+ từng bước nới lỏng hạn ngạch sản xuất, nâng tổng sản lượng lên khoảng 43,5 – 44 triệu thùng/ngày. Việc nguồn cung tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nhu cầu tiêu thụ đã tạo áp lực giảm giá kéo dài đối với thị trường dầu mỏ trong năm qua.

Tuy nhiên, bước sang Quý I/2026, thị trường dầu mỏ thế giới chứng kiến biến động đảo chiều khi giá dầu Brent tại thời điểm 31/03/2026 đạt 118,35 USD/thùng, tăng hơn 80% so với đầu năm 2026. Diễn biến này chủ yếu xuất phát từ căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông, nguy cơ gián đoạn hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz cùng những bất ổn trong quan hệ Mỹ – Iran, qua đó làm gia tăng lo ngại về nguồn cung năng lượng toàn cầu. Biến động của giá dầu thế giới đã tác động trực tiếp đến thị trường xăng dầu trong nước. Tại thời điểm cuối quý I năm 2026, giá xăng tăng khoảng 26,75% và giá dầu diesel tăng hơn 90% so với đầu năm 2026.

Từ cuối tháng 3/2026, giá dầu thế giới bắt đầu điều chỉnh giảm khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông có dấu hiệu hạ nhiệt và hoạt động lưu thông qua Eo biển Hormuz từng bước được khôi phục. Bên cạnh đó, nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc – quốc gia nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới – giảm khoảng 40% trong giai đoạn từ tháng 2 đến tháng 5/2026 do tác động của việc gián đoạn vận chuyển qua Eo biển Hormuz trước đó. Điều này góp phần làm suy giảm nhu cầu dầu thô trên thị trường quốc tế và tạo áp lực giảm lên giá dầu. Mặc dù giá nhiên liệu đã hạ nhiệt so với giai đoạn đỉnh điểm, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường do chịu tác động từ các rủi ro địa chính trị và sự mất cân đối cung – cầu. Đối với Công ty, biến động giá xăng dầu có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu vào, giá trị hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động và biên lợi nhuận, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh và vận tải xăng dầu. Đồng thời, sự biến động của giá dầu cũng có thể tác động đến kế hoạch nhập hàng, chính sách dự trữ và hiệu quả quản trị dòng tiền.

Trước bối cảnh đó, Công ty định hướng tiếp tục duy trì chính sách quản trị tài chính thận trọng, chủ động cân đối nguồn vốn lưu động, theo dõi sát diễn biến thị trường để tối ưu kế hoạch nhập hàng và dự trữ, đồng thời xây dựng cơ chế thanh toán phù hợp với nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, hạn chế tác động của biến động giá nhiên liệu và nâng cao khả năng thích ứng trước những thay đổi của thị trường năng lượng toàn cầu. Bên cạnh yếu tố thị trường, hoạt động kinh doanh xăng dầu còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ cơ chế điều hành và chính sách quản lý của Nhà nước. Trong bối cảnh cơ chế quản lý thị trường xăng dầu vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động kinh doanh của Petrolimex nói chung và của Công ty nói riêng vẫn phụ thuộc nhất định vào các chính sách điều hành giá, nguồn cung và quy định quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính chủ động trong hoạt động kinh doanh cũng như biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành. Thị trường nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ như Việt Nam có nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu không ngừng tăng cao trong những năm qua, tạo động lực thúc đẩy cho các ngành kinh tế phát triển, đặc biệt đối với lĩnh vực vận tải xăng dầu. Bên cạnh cầu tăng cao là bộ phận cung cấp trở nên ồ ạt của nhiều thành phần kinh tế tràn vào thị trường bán lẻ xăng dầu, sự phát triển thiếu quy hoạch và quản lý yếu kém đã dẫn đến những gian lận thương mại trong lĩnh vực này như: Bán xăng dầu kém chất lượng, gian lận đồng hồ đo đếm, găm hàng để đẩy giá...

Bên cạnh những cơ hội mở ra cho Công ty thì áp lực cạnh tranh đang dần trở nên gay gắt khi ngày càng có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải xăng dầu. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi công ty phải có chính sách đầu tư phù hợp, đẩy mạnh đầu tư vào máy móc, con người để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, đồng thời có chiến lược hợp lý để tăng quy mô vốn hoạt động nhằm tăng khả năng tài chính, nâng cao hiệu quả cạnh tranh, hiệu quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty luôn phải chủ động hơn trong việc xác định khối lượng và thời điểm nhập xăng dầu cũng như việc xác định giá bán ra thị trường một cách linh hoạt vì sự cạnh tranh sẽ quyết liệt hơn rất nhiều bởi hiện nay, giá xăng trong hệ thống của Tập đoàn luôn được định giá bởi Nhà nước.

3.3. Rủi ro kinh doanh

Đối với lĩnh vực hoạt động vận tải và kinh doanh xăng dầu, yếu tố chi phí đầu vào như chi phí xăng và các sản phẩm hóa dầu khác có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận. Trong khi đó, phần lớn khối lượng xăng dầu tiêu thụ ở nước ta vẫn phải nhập khẩu, cấu thành một bộ phận chi phí khá lớn trong giá thành dịch vụ vận tải. Đáng chú ý, nhập khẩu xăng dầu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 5,53 triệu tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước, với kim ngạch đạt 5,87 tỷ USD, tăng mạnh 73,5%. Trong cơ cấu nhập khẩu, dầu diesel đạt 2,92 triệu tấn, tăng 18,3% và chiếm khoảng 53% tổng lượng xăng dầu nhập khẩu; trong khi xăng đạt 1,25 triệu tấn, tăng 6,4% và chiếm khoảng 23% tổng lượng nhập khẩu. Diễn biến này cho thấy nhu cầu nhập khẩu xăng dầu vẫn ở mức cao nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, đồng thời phản ánh tác động của mặt bằng giá năng lượng quốc tế đối với giá trị nhập khẩu.

Trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều biến động và Việt Nam tiếp tục phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung xăng dầu nhập khẩu, chi phí nhập hàng, vận chuyển và phân phối có thể tiếp tục chịu áp lực. Điều này không chỉ làm gia tăng nhu cầu vốn lưu động mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng duy trì biên lợi nhuận của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xăng dầu. Vì vậy, việc chủ động xây dựng kế hoạch nhập hàng, tối ưu tồn kho và kiểm soát chi phí vận hành sẽ là những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng ứng phó trước biến động của thị trường năng lượng. Bên cạnh đó, trong hoạt động vận tải, chất lượng cầu đường, bến bãi và các dịch vụ hỗ trợ sẽ có tác động đáng kể đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Thực tế hiện nay, mạng lưới giao thông đường bộ ở Việt Nam còn nhiều bất cập, phân bố chưa hợp lý. Hơn nữa, do tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế trong những năm gần đây nên một số tuyến đường đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng về thời gian và phát sinh chi phí ngoài dự tính.

3.4. Rủi ro về công nghệ

Nhu cầu về nhiên liệu, vật liệu ngày càng tăng, về mặt quản lý về độ an toàn vận chuyển và lưu trữ cũng được thắt chặt. Trước tình hình như vậy, ngành Xăng dầu cũng cần có giải pháp về các yếu tố chất lượng dịch vụ, đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng được

nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó áp dụng công nghệ mới sẽ giúp cho chu trình quản lý bên trong doanh nghiệp trở nên nhẹ nhàng hơn, phát huy mặt mạnh vốn có của doanh nghiệp, xây dựng mô hình doanh nghiệp hiện đại có sức cạnh tranh trên thị trường và trong khu vực và sử dụng hợp lý các nguồn lực của doanh nghiệp. Đồng thời việc áp dụng công nghệ giúp doanh nghiệp mở rộng quy mô tiết kiệm thời gian và chi phí.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi trên thì việc ứng dụng công nghệ mới vẫn tiềm ẩn những khó khăn và rủi ro nhất định. Rủi ro về công nghệ có thể gây nên những hậu quả rất nghiêm trọng cho doanh nghiệp như những tổn thất hay mất mát về tài sản, nhân lực.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như diễn biến của thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành, tình hình kinh tế vĩ mô, xu hướng dòng tiền trên thị trường, tâm lý nhà đầu tư cũng như mức độ hấp dẫn của cổ phiếu Công ty. Bên cạnh đó, do đợt chào bán không có tổ chức bảo lãnh phát hành, Công ty có thể đối mặt với rủi ro không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo kế hoạch. Trong trường hợp đó, Hội đồng quản trị sẽ chủ động cân nhắc và tìm kiếm các nguồn vốn thay thế phù hợp nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ kế hoạch đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục đích sử dụng vốn đã đề ra.

Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, khoảng 17,52 tỷ đồng, sẽ được sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Khoản đầu tư này được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao năng lực vận chuyển, cải thiện hiệu quả vận hành và tối ưu chi phí khai thác thông qua việc sử dụng các phương tiện mới có hiệu suất hoạt động cao hơn, tiết kiệm nhiên liệu và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về an toàn kỹ thuật trong vận tải xăng dầu.

Tuy nhiên, việc gia tăng quy mô đầu tư vào tài sản cố định cũng có thể làm phát sinh một số rủi ro đối với Công ty. Cụ thể, chi phí khấu hao, chi phí bảo trì, bảo dưỡng phương tiện và áp lực sử dụng tài sản hiệu quả có thể gia tăng trong các kỳ hoạt động tiếp theo. Trong bối cảnh nhu cầu vận tải và sản lượng tiêu thụ xăng dầu có thể biến động theo tình hình kinh tế và diễn biến thị trường năng lượng, hiệu suất khai thác phương tiện thực tế có thể thấp hơn kỳ vọng, từ đó ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn đầu tư và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, việc đầu tư mở rộng và hiện đại hóa đội xe được đánh giá phù hợp với định hướng phát triển hoạt động cốt lõi của Công ty trong dài hạn. Việc sở hữu đội phương tiện vận tải có quy mô lớn, đồng bộ và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ, mà còn tạo lợi thế cho Công ty trong việc duy trì quan hệ hợp tác với các đơn vị trong hệ thống Petrolimex, đồng thời mở rộng tệp khách hàng ngoài hệ thống và gia tăng khả năng tham gia các hợp đồng vận tải có quy mô lớn trong tương lai.

5. Rủi ro pha loãng

Khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS (Earnings per share)
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BV (Book value)
- Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm

5.1. Rủi ro pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loãng} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS_{pha loãng}: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn

5.2. Rủi ro pha loãng BV

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 với giá 10.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) có thể giảm nếu tốc độ tăng của tổng số cổ phiếu đã chào bán cao hơn tốc độ tăng của nguồn vốn chủ sở hữu

5.3. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

5.4. Rủi ro pha loãng của giá cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá tham chiếu cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh trong trường hợp, giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền lớn hơn giá chào bán đối với quyền mua cổ phiếu, theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times 1)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{tc}: Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1}: Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I: Tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 1.751.582 cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu/ 3.503.164 cổ phần đang lưu hành tại thời điểm chào bán

PR: Giá chào bán đối với quyền mua cổ phiếu (PR = 10.000 đồng/cổ phiếu)

6. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa HĐQT, Ban Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát của công ty. Tuy nhiên, những rủi ro xuất phát từ sự quản trị yếu kém là những rủi ro tiềm ẩn nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty, gây thiệt hại cho các cổ đông.

Đối với đợt phát hành này, Hội đồng quản trị Công ty đã đề xuất phương án tăng vốn khả thi và được đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông và tính khả thi của phương án đề ra đối với sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị. Trên thực tế, kết quả kinh doanh những năm gần đây của Công ty chịu tác động chủ yếu từ biến động thị trường. Tuy vậy, nhờ sự thống nhất trong chỉ đạo, hoạt động điều hành vẫn duy trì ổn định, do đó rủi ro quản trị được đánh giá là không lớn.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro, Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và thời tiết của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành Công ty một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư các dịch vụ mà Công ty đang cung cấp cho phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Phần này được cố ý để trống

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Bản cáo bạch	: Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Công ty/ PTS Hà Tây/ PTH	: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

ATVSLĐ	: An toàn vệ sinh lao động
BCTC	: Báo cáo tài chính
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BKS	: Ban kiểm soát
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CHXD	: Cửa hàng xăng dầu
CNCH	: Cứu nạn cứu hộ
CN	: Chi nhánh
CP	: Cổ phiếu
CTCP	: Công ty cổ phần
CTHDQT	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
DHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
E-HSDT	: Hồ sơ dự thầu điện tử
GD	: Giám đốc
HDQT	: Hội đồng quản trị
KH	: Kế hoạch
KTTC	: Kế toán tài chính
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
NHNN	: Ngân hàng nhà nước
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
PCTT	: Phòng chống thiên tai

PGĐ	: Phó giám đốc
QLKT	: Quản lý kỹ thuật
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TCPH	: Tổ chức phát hành
TH	: Thực hiện
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TP	: Thành phố
TTS	: Tổng tài sản
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Phần này được cố ý để trống

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành**

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- Tên viết tắt: PTS Hà Tây
- Tên công ty bằng tiếng Anh: Petrolimex HaTay Transportation and Service Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 10 năm 2025
- Địa chỉ trụ sở chính: Km 17 Quốc lộ 6, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024 33535228
- Số fax: 024 33531214
- Website: <https://ptshatay.petrolimex.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 35.031.640.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ không trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649
2	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm;	6622
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
4	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Dịch vụ ăn uống	5629
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
6	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ;	4932
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu	8299
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, vecni;	4673
9	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	
10	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;	9531
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe;	5221
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;	4299
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Tổng đại lý bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác	4671 (Chính)
14	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4730

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Lê Tự Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - + Nguyễn Tử Bình – Giám đốc
- Mã cổ phiếu: PTH
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, tên viết tắt PTS Hà Tây được ra đời trên cơ sở quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 14 tháng 11 năm 2000, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây chính thức được thành lập, là thành viên của Petrolimex Việt Nam với số vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng. Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 21.894.780.000 đồng, đồng thời vốn Nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ tại Công ty.

Năm 2001, Công ty thành lập chi nhánh tại Hòa Bình (Phú Thọ).

Năm 2002, Công ty thành lập chi nhánh tại Hà Nội.

Năm 2003, Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 6.500.000.000 đồng thông qua việc chuyển giao tài sản từ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.

Tháng 5/2006, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 10.000.000.000 đồng.

Năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ lên 16.000.000.000 đồng bằng phương thức chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Ngày 14/01/2010, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 12/2010/GCNCP-VSD ngày 14/01/2010 với mã chứng khoán là PTH. Năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đồng/cổ phiếu.

Năm 2017, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ 16 tỷ đồng lên 18.399.750.000 đồng.

Năm 2018, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ 18.399.750.000 đồng lên 21.894.780.000 đồng và đã chấm dứt hoạt động chi nhánh tại Hà Nội kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 do nằm trên cùng địa bàn hoạt động với Công ty.

Năm 2019, Công ty chào bán 1.313.686 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 35.031.640.000 đồng và hoàn thành đợt chào bán vào năm 2020

Công ty PTS Hà Tây hoạt động đa dạng trên nhiều lĩnh vực kinh doanh như: Vận tải xăng dầu, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu, vật tư thiết bị xăng dầu chuyên dụng, ... Đến nay Công ty tập trung kinh doanh 2 mảng chính là Vận tải xăng dầu và Kinh doanh xăng dầu.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Biểu đồ 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

3.1. Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây sở hữu và vận hành 11 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phân bố trên địa bàn Hà Nội và Hòa Bình (Phú Thọ). Trong năm 2025, sản lượng bán lẻ xăng dầu của Công ty đạt 29.006 m³, tương đương 99% kế hoạch đề ra và bằng 94% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự ổn định trong hoạt động kinh doanh bán lẻ trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

3.2. Đội xe vận tải

Công ty hiện quản lý 04 đội xe với tổng số 111 đầu xe phục vụ hoạt động vận tải. Trong đó, 105 phương tiện thuộc sở hữu của Công ty với tổng dung tích đạt 1.899 m³, cùng với 06 phương tiện thuê từ nội bộ Tập đoàn và các đối tác bên ngoài, có tổng dung tích 190 m³. Với năng lực vận tải này, sản lượng vận tải năm 2025 của Công ty đạt 100.738.021 m³.km, hoàn thành 106% kế hoạch và tăng trưởng 127% so với cùng kỳ, cho thấy hiệu quả khai thác và nhu cầu vận chuyển gia tăng rõ rệt.

3.3. Các phòng nghiệp vụ

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 05 phòng nghiệp vụ chuyên môn, thực hiện các chức năng quản trị, điều hành và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần đảm bảo vận hành hiệu quả và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống.

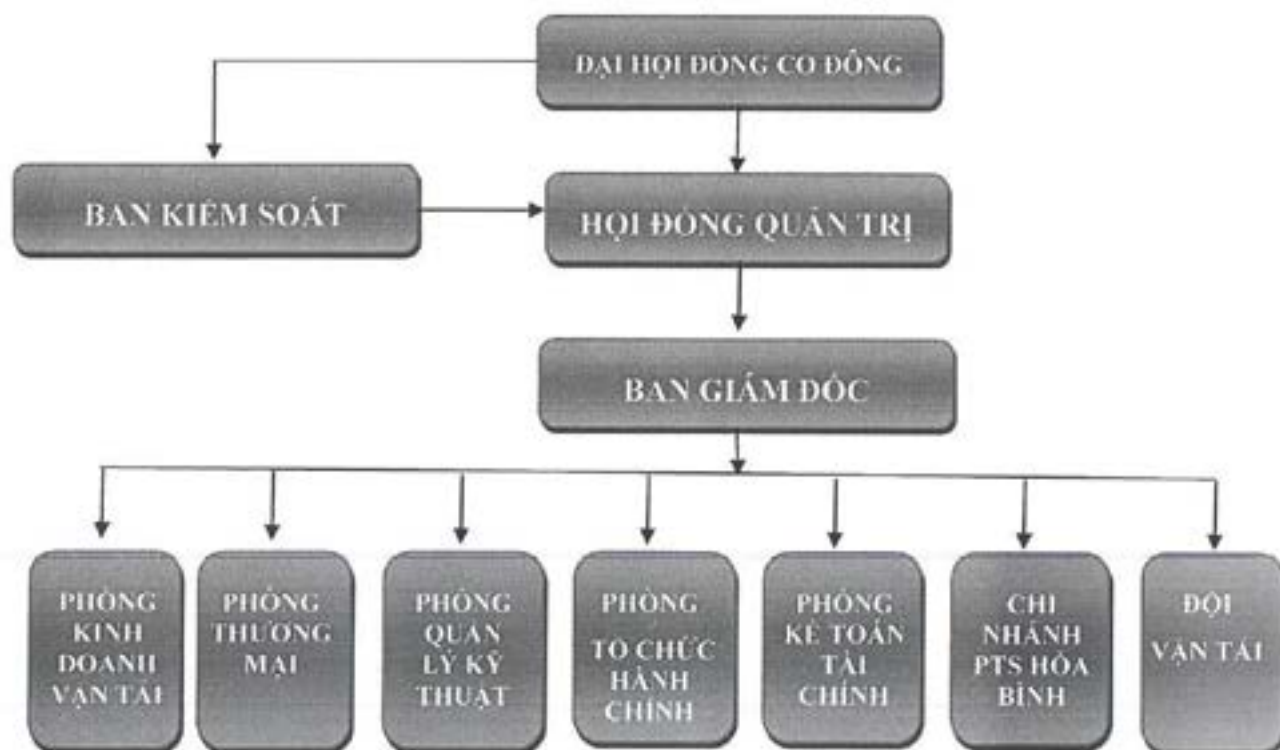
3.4. Chi nhánh trực thuộc

Hiện Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình (Phú Thọ). Chi nhánh có địa chỉ tại Km 47+800, Quốc lộ 6, Xã Lâm Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hoà Bình (nay là Km 47+800, Quốc lộ 6 xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ). Hoạt động kinh doanh chủ yếu của chi nhánh là mua bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, đóng vai trò là đầu mối quan trọng trong việc mở rộng mạng lưới phân phối và gia tăng doanh thu của Công ty tại khu vực.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

Biểu đồ 4. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau đây:

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền hạn khác do Điều lệ Công ty quy định.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

4.4. Ban giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

4.4.1. Giám đốc

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

4.4.2. Phó Giám đốc

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

4.4.3. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê.

4.5. Các phòng, ban chức năng Công ty

4.5.1. Phòng kinh doanh vận tải

Chức năng:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về xây dựng kế hoạch, cơ chế chính sách trong lĩnh vực kinh doanh vận tải xăng dầu, công tác phát triển thị trường vận tải xăng dầu;
- Tham mưu cho Lãnh đạo công ty và phối hợp với các phòng nghiệp vụ công ty trực tiếp chỉ đạo tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động vận tải của công ty;
- Tổ chức quản lý khai thác có hiệu quả phương tiện vận tải của công ty, bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận tải cho các đơn vị được giao nhiệm vụ vận chuyển.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh vận tải hàng năm trên cơ sở thị trường vận tải được giao nhiệm vụ vận chuyển và thị trường vận tải công ty khai thác;
- Xây dựng cơ chế kinh doanh vận tải nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ khảo sát định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí vận tải nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Nghiên cứu đường vận động hàng hoá, tổ chức điều độ phương tiện vận tải đảm bảo, đáp ứng nhu cầu lấy hàng của khách hàng, đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Cân đối năng lực vận tải để đề xuất công ty đầu tư, thay thế phương tiện phù hợp với nhu cầu thị trường cũng như đặc thù của luồng tuyến vận chuyển;
- Thường xuyên cập nhật các quy định của Nhà nước, của ngành về các điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ để đề xuất công ty trang bị công cụ, dụng cụ, các giấy phép đảm bảo đủ điều kiện về kinh doanh vận tải xăng dầu theo quy định của Nhà nước;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ, các Đội vận tải công ty, xây dựng kế hoạch thi đua khen thưởng trong từng giai đoạn, gắn liền và phù hợp điều kiện kinh doanh sản xuất của công ty;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ về công tác quản lý, điều độ, vận hành phương tiện, chấp hành luật pháp, nội quy quy định...trong hoạt động kinh doanh vận tải. Đề xuất khen thưởng đối với cá nhân có thành tích cao, chấp hành kỷ luật tốt vận hành năng suất, hiệu quả phương tiện và xử lý kỷ luật cá nhân vi phạm nội quy quy định của công ty, Nhà nước (nếu có);
- Thường xuyên liên hệ với khách hàng để nắm bắt thông tin phản hồi từ khách hàng để điều chỉnh, tổ chức kinh doanh nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Tìm hiểu, cập nhật thông tin để tìm kiếm khách hàng phát triển mở rộng thị trường vận tải;
- Phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát các tuyến đường mới phát sinh, thống nhất cự ly, đơn giá cước với khách hàng; chủ trì đàm phán, dự thảo hợp đồng vận tải với các đơn vị khách hàng;
- Tổ chức nghiệm thu, đối chiếu sản lượng vận tải, phối hợp phòng Kế toán Tài chính để thu hồi công nợ từ khách hàng;
- Thực hiện cấp nhiên liệu cho xe ô tô sitec theo đúng định mức, quyết toán các khoản chi phí khoán vận tải cho lái xe theo quy định;
- Tổ chức mối quan hệ với các đơn vị đầu mối để việc cấp và nhận hàng được đảm bảo an toàn, thuận tiện và thông suốt;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

4.5.2. Phòng thương mại**Chức năng:**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty về xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách, quản lý và điều hành trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dịch vụ hàng hoá khác thuộc ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu, đề xuất cho Lãnh đạo Công ty và phối hợp cùng các phòng chức năng xây dựng các đề án, dự án phát triển kinh doanh nhằm phục vụ mục tiêu phát triển chung của Công ty trong từng giai đoạn, thời kỳ.
- Trực tiếp theo dõi, quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc công ty, bán kinh doanh các mặt hàng xăng dầu và các sản phẩm hàng hóa khác.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dịch vụ hàng hoá khác của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm.
- Chủ trì xây dựng chính sách bán hàng áp dụng đối với khối các Cửa hàng trực thuộc Công ty và Chi nhánh. Xây dựng nội dung quảng cáo, khuyến mại, chi phí tiếp thị, quản lý nhận diện thương hiệu và các văn bản quản lý khác trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu của Công ty, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, của nhà nước và quy định của Tập đoàn và của Công ty.
- Trực tiếp xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, và các sản phẩm hóa dầu tại khối văn phòng Công ty. Đề xuất giao kế hoạch và giám sát việc thực hiện về các chỉ tiêu: sản lượng, lãi gộp, định mức hao hụt của các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty và Chi nhánh.
- Tổ chức tạo nguồn hàng, công tác bán hàng, theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn hàng hóa tại các CHXD, quản lý thu hồi công nợ khách hàng. Bám sát diễn biến thị trường, giá cơ sở, chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu, theo dõi tổng hợp thông kê hàng hoá tồn kho thời điểm thay đổi giá để báo cáo Ban lãnh đạo chỉ đạo kịp thời.
- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ khác để hướng dẫn và kiểm tra các cửa hàng xăng dầu và Chi nhánh về việc thực hiện cơ chế kinh doanh, các quy định về quản lý hàng hóa, tiền bán hàng và nghiệp vụ kinh doanh của các cửa hàng và Chi nhánh.
- Soạn thảo các quyết định thay đổi giá xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; gửi các quyết định thay đổi giá bán lẻ báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo liên quan đến lĩnh vực kinh doanh thương mại theo quy định của Tập đoàn và của Công ty Hạch toán thống kê, tổng hợp, đối chiếu, báo cáo các số liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dịch vụ hàng hoá khác và các nghiệp vụ quản lý khác. Cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực kinh doanh thương mại để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của công ty; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của Công ty và Tập đoàn.
- Chủ trì/phối hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty thực hiện/tham gia công tác phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn thành phố Hà Nội và các Tỉnh/Thành phố về vị trí xây dựng cửa hàng, vị thế thương mại và dự kiến sản lượng bán ra.
- Là đầu mối quản lý trực tiếp nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu và hàng hoá khác đối với các CHXD trực thuộc Công ty, chỉ đạo nhập hàng, bán hàng, đảm bảo tồn kho, quản lý hàng, tiền hàng, hao hụt, công nợ, văn minh thương mại tại các CHXD.
- Xây dựng phương án, tờ trình về kinh doanh các sản phẩm hàng hoá dịch vụ khác trình Lãnh đạo công ty phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Đề xuất triển khai ứng dụng phần mềm tin học tiên tiến để phục vụ công tác quản lý kinh doanh, quản trị đơn vị. Quản lý, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, các văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng theo quy định của Nhà Nước, Công ty và Tập đoàn.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

4.5.3. Phòng Quản lý kỹ thuật:

Chức năng:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về việc triển khai chỉ đạo các lĩnh vực công tác gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật, công tác tư vấn quy trình đấu thầu mua sắm. Tư vấn đầu tư, đấu thầu công trình xây dựng theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- Công tác đất đai phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu, công tác đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cửa hàng xăng dầu.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng cháy chữa cháy & cứu nạn cứu hộ, bảo vệ môi trường, phòng chống bão lụt.
- Công tác quản lý xe ô tô xi téc, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức hao hụt xăng dầu, vận chuyển, bể chứa, đường ống công nghệ.
- Một số công tác khác: Bảo hiểm, tin học, đo lường chất lượng.

Nhiệm vụ:

a) Lĩnh vực đầu tư, xây dựng:

- Tổ chức thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn công tác đấu thầu mua sắm xe ô tô xi téc, thiết bị, đấu thầu công trình xây dựng theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- Nghiên cứu, tìm kiếm đất đai phát triển mạng lưới xây dựng CHXD, Lập dự án đầu tư xây dựng CHXD;
- Thực hiện thi công xây dựng cửa hàng xăng dầu, thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa nâng cấp CHXD, nhà xưởng, trụ sở văn phòng làm việc công ty;
- Thực hiện công việc sửa chữa cột bơm, điện, nước nhằm đảm bảo tốt công tác bán hàng thường xuyên liên tục không bị gián đoạn tại các cửa hàng xăng dầu;
- Triển khai lắp đặt hệ thống biển hiệu, nhận diện thương hiệu Petrolimex tại các cửa hàng xăng dầu;
- Kết hợp với phòng Kế toán tài chính trong việc Lưu giữ hồ sơ quản lý đất đai tại văn phòng công ty và các cửa hàng xăng dầu;
- Cung cấp thông tin, lập báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định/yêu cầu của các công tác khi có yêu cầu của lãnh đạo cấp trên hoặc cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu, Tập đoàn và Công ty;
- Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật, tổ chức, thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, quy định, quy phạm, chỉ tiêu, định mức kỹ thuật liên quan đến công tác đầu tư, mua sắm, xây dựng, sửa chữa.

b) Lĩnh vực quản lý xe ô tô xi téc:

- Lập định mức Kinh tế – Kỹ thuật phương tiện vận tải của Công ty;
- Xây dựng quy trình bảo dưỡng, sửa chữa ô tô xi téc;
- Lập, kiểm tra và giám sát, theo dõi, thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, thay dầu, thay lốp, sửa chữa xe ô tô xi téc;
- Lập và quản lý hồ sơ xe ô tô xi téc;
- Đảm bảo các điều kiện để xe ô tô xi téc hoạt động;

- Đăng ký, đăng kiểm xe ô tô xi téc mới đầu tư;
 - Chủ trì phối hợp với Đội vận tải giải quyết các vụ tai nạn, sự cố xe ô tô xi téc;
 - Theo dõi, lập phương án mua các loại Bảo hiểm theo quy định;
 - Giải quyết các thủ tục bảo hiểm: Thủ tục ban đầu, thủ tục thanh toán bồi thường,);
 - Lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý kỹ thuật đối với xe ô tô xi téc;
 - Theo dõi, giám sát việc xuất kho (dầu mỡ nhớt, bầu lọc, trang thiết bị PCCC, ...);
 - Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác kỹ thuật xe ô tô sitec, PCCC và CNCH khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên.
- c) *Lĩnh vực phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH):*
- Đảm bảo các điều kiện PCCC&CNCH cho các CHXD, xe ô tô xi téc, Xưởng sửa chữa và khu vực Văn phòng Công ty, gồm:
 - + Quản lý hồ sơ PCCC&CNCH
 - + Duy trì hiệu lực các loại giấy tờ về PCCC&CNCH
 - + Lập kế hoạch trang cấp thiết bị PCCC&CNCH
 - + Đo điện trở tiếp địa tại các CHXD và khu vực văn phòng Công ty.
 - Trực tiếp làm việc với các đoàn thanh kiểm tra về công tác PCCC&CNCH;
 - Định kỳ liên hệ với cơ quan phòng cháy mở các lớp huấn luyện PCCC&CNCH cho CBCNV theo quy định;
 - Giải quyết các sự cố liên quan đến công tác PCCC&CNCH;
 - Lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về PCCC tại các Đơn vị;
 - Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác PCCC&CNCH khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên.
- d) *Lĩnh vực bảo vệ môi trường (BVMT):*
- Đảm bảo các điều kiện về BVMT cho các CHXD, xe ô tô xi téc, Xưởng sửa chữa và khu vực Văn phòng Công ty, gồm:
 - + Quản lý hồ sơ BVMT
 - + Duy trì hiệu lực các loại giấy tờ về BVMT
 - + Lập kế hoạch trang cấp thiết bị BVMT cho các Đơn vị
 - + Liên hệ với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của nhà nước.
 - Trực tiếp làm việc với các đoàn thanh kiểm tra về công tác BVMT;
 - Định kỳ liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ BVMT cho CBCNV theo quy định;
 - Giải quyết các sự cố liên quan đến công tác BVMT;
 - Lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác BVMT tại các Đơn vị;
 - Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác BVMT khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên.
- e) *Lĩnh vực đo lường, chất lượng (ĐLCL):*
- Xây dựng định mức hao hụt xăng dầu để áp dụng cho các CHXD của toàn Công ty;
 - Trực tiếp làm việc với các đoàn thanh kiểm tra về công tác đo lường, chất lượng;
 - Giải quyết các sự cố liên quan đến công tác đo lường, chất lượng;
 - Lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác đo lường, chất lượng tại các Đơn vị;
 - Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác đo lường, chất lượng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên.

f) Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ):

- Xây dựng các quy trình sản xuất an toàn;
- Lập mạng lưới an toàn vệ sinh trong toàn Công ty;
- Đảm bảo các điều kiện về ATVSLĐ tại các Đơn vị;
- Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác ATVSLĐ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên;
- Trực tiếp làm việc với các đoàn thanh kiểm tra về công tác ATVSLĐ;
- Định kỳ mở các lớp huấn luyện ATVSLĐ cho CBCNV theo quy định;
- Giải quyết tai nạn, sự cố liên quan đến công tác ATVSLĐ;
- Lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác ATVSLĐ tại các Đơn vị.

g) Lĩnh vực phòng chống lụt bão thiên tai (PCTT):

- Lập phương án PCTT tại các đơn vị;
- Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác PCTT khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên;
- Tham gia, xử lý khi có sự cố thiên tai xảy ra;
- Lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác PCTT tại các Đơn vị;
- Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác PCTT khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan quản lý cấp trên.

h) Lĩnh vực tin học:

- Đảm bảo duy trì vận hành hệ thống tin học mạng Internet hoạt động thường xuyên ổn định thông suốt;
- Cập nhật, cài đặt, sửa chữa, và hướng dẫn sử dụng các phần mềm công ty gồm: Phần mềm kế toán và kinh doanh các sản phẩm xăng dầu (PBM); Phần mềm quản lý CHXD (EGAS); Phần mềm tự động hóa cột bơm xăng dầu (AGAS); Phần mềm Hóa đơn điện tử.
- Lưu trữ dữ liệu máy chủ Công ty hàng ngày, sửa chữa hệ thống camera an ninh tại các CHXD, Đăng tin, bài viết tại Website của Công ty;

*i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.***4.5.4. Phòng tổ chức hành chính****Chức năng của Phòng Tổ chức Hành chính**

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý, điều hành trong các lĩnh vực:

- Công tác tổ chức, cơ cấu bộ máy, tái cấu trúc; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật lao động; các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác an toàn, vệ sinh lao động (Quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Công ty; trang cấp bảo hộ lao động, cấp phát hiện vật bồi dưỡng độc hại cho người lao động).
- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quân sự, quốc phòng, dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật; công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.
- Công tác quản trị hành chính văn phòng; công tác văn thư, lưu trữ; giúp việc công tác Đảng, đoàn thể trong Công ty.

Nhiệm vụ của Phòng Tổ chức Hành chính*a) Công tác tổ chức, cán bộ*

- Đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện: Công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty; phân công chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Công ty theo quy định.
- Tham gia thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác tổ chức bộ máy (thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên,...) trong Công ty.
- Đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, nghỉ hưu, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật, của Tập đoàn và của Công ty.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và tổng hợp công tác nhận xét, đánh giá CBCNV theo phân cấp quản lý.
- Quản lý và lưu giữ hồ sơ nhân sự của CBCNV toàn Công ty; thực hiện khai thác sử dụng hồ sơ nhân sự của CBCNV Công ty trên phần mềm.
- Xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, công tác tuyển dụng, đào tạo, tiền lương.
- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội quy, quy chế, quy định liên quan đến chức năng của Phòng (Điều lệ Công ty; Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế công tác tổ chức cán bộ; Quy chế trả lương người lao động; Quy chế đào tạo; Quy chế tuyển dụng; Quy định về công tác văn thư, lưu trữ; Quy chế thi đua khen thưởng...).
- b) *Công tác lao động, tiền lương và đào tạo, bồi dưỡng*
 - Xây dựng kế hoạch của Công ty về lao động, tiền lương; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và lao động trình Giám đốc Công ty phê duyệt để tổ chức thực hiện.
 - Đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện, kiểm tra thực hiện các quy định quản lý về lao động, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động (đào tạo, bố trí, sử dụng lao động; phân phối tiền lương, tiền thưởng, chi phúc lợi cho người lao động; thực hiện chế độ nâng lương; lập hồ sơ tham gia BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định; chi ăn ca, bồi dưỡng độc hại,... cho người lao động) trong Công ty.
 - Báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về tình hình thay đổi lao động, khai trình việc sử dụng lao động và lập sổ quản lý lao động theo quy định.
- c) *Công tác hành chính quản trị văn phòng*
 - Hướng dẫn, triển khai các đơn vị thuộc Công ty thực hiện công tác văn thư, lưu trữ theo quy định của Nhà nước và Công ty. Trực tiếp thực hiện công tác văn thư, lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
 - Thực hiện công tác quản trị hành chính văn phòng (quản lý thiết bị văn phòng, phục vụ hội nghị, các cuộc họp của Công ty; trang cấp, quản lý việc sử dụng công cụ dụng cụ; quét dọn vệ sinh; sử dụng điện, nước, chăm sóc cây cảnh Khu vực văn phòng Công ty; quản lý điều hành, theo dõi hành trình, cấp phát nhiên liệu theo đúng định mức quy định, theo dõi việc bảo dưỡng sửa chữa đối với xe ô tô con phục vụ công tác...).
- d) *Công tác pháp chế, thanh tra, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự, quốc phòng.*
 - Đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra trong Công ty theo đúng quy định pháp luật và quy định của Công ty.
 - Phối hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty xây dựng kế hoạch kiểm tra và tiến hành tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động của Công ty theo quy định của pháp luật lao động.

- Tham mưu giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo; tổ chức kiểm tra, xác minh vụ việc; hướng dẫn, triển khai thực hiện quy trình, thủ tục xử lý kỷ luật lao động.
 - Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bảo vệ kinh tế, tài sản của Công ty.
 - Xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện và kiểm tra công tác an ninh trật tự; quy định nề nếp, trật tự tại nơi làm việc trong Công ty. Quan hệ tốt với chính quyền, công an địa phương để phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý hành chính, bảo vệ an ninh trật tự của Công ty.
 - Phối hợp với cơ quan chức năng xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch về công tác quân sự, quốc phòng (dẫn quân tự vệ, đăng ký và thực hiện nghĩa vụ quân sự...).
- e) Công tác an toàn, vệ sinh lao động*
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động nhằm cải thiện điều kiện làm việc, ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn, sức khỏe cho CBCNV Công ty.
 - Quan trắc môi trường lao động; quản lý, chăm sóc sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV theo quy định; tham gia giải quyết các chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động, trang cấp bảo hộ lao động; mua hiện vật và cấp phát cho người lao động trực tiếp làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
- f) Công tác khác*
- Quản lý, chỉ đạo đối với Tổ bảo vệ công ty, Tổ bảo vệ văn phòng khu B-Đồng Mai và Nhà ăn công ty.
 - Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở CBCNV trong việc chấp hành chủ trương chính sách, quy chế, nội quy, quy định tại các đơn vị trực thuộc Công ty.
 - Giúp việc công tác Đảng, đoàn thể trong nội bộ Công ty;
 - Chủ động quan hệ công tác với các cơ quan chức năng, đơn vị khác để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

4.5.5. Phòng kế toán tài chính

Chức năng:

- Chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực về công tác: Tài chính, kế toán; quản lý vốn, tài sản; kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ; quản lý chi phí và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Chức năng cung cấp thông tin: Cung cấp thông tin tài chính, kế toán cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty; Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex; các cơ quan quản lý Nhà nước. Cùng với các phòng, đơn vị, bộ phận khác của Công ty tạo nên mạng lưới quản lý thông tin quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả.
- Tham mưu giúp Giám đốc quản lý vốn, tài sản, công nợ, nghiệp vụ tài chính, kế toán, ngân hàng theo quy định của Nhà nước.

Nhiệm vụ:

a) Công tác tài chính:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm, ngắn hạn, dài hạn phù hợp với kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đảm bảo an toàn, hiệu quả;

- Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch tài chính đã được phê duyệt và đề xuất biện pháp điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty tại các thời điểm;
 - Quản lý tài sản, nguồn vốn và các nguồn lực tài chính của Công ty;
 - Lập và trình duyệt kế hoạch cân đối vốn theo định kỳ hoặc đột xuất để đảm bảo cân đối vốn phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty từng thời kỳ;
 - Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các giải pháp huy động vốn dài hạn, trung hạn, ngắn hạn dưới các hình thức được pháp luật cho phép để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Quản lý, tổ chức thực hiện các hợp đồng vay vốn, hợp đồng ký cược của Công ty bao gồm các khâu: sử dụng vốn vay, vốn ký cược; rút vốn vay, vốn ký cược; tính lãi vay, lãi ký cược; trả lãi và gốc vay, ký cược đối với từng hợp đồng vay vốn, hợp đồng ký cược;
 - Đề xuất và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty trong trường hợp cần thiết;
 - Phối hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty: Lập và tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty; Giao kế hoạch tài chính hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Công ty; Tham gia đàm phán, dự thảo các hợp đồng kinh tế do Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các điều khoản của hợp đồng liên quan đến tài chính;
 - Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành, hiệu quả kinh doanh của Công ty. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn;
 - Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế tài chính, quy chế quản lý công nợ ở các bộ phận, đơn vị trực thuộc.
- b) Công tác kế toán:*
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, công tác thống kê và bộ máy kế toán, thống kê theo Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán, các quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống sổ sách, báo cáo, thống kê kế toán trong toàn Công ty; Theo dõi ghi chép và giám sát chặt chẽ việc thu, chi và quá trình nhập, xuất tài sản, vật tư, hàng hóa của Công ty;
 - Tổ chức và hướng dẫn các đơn vị thực hiện kiểm kê định kỳ, đột xuất, phản ánh kịp thời, chính xác tình trạng tài sản, vật tư, hàng hóa của Công ty và đề xuất các giải pháp xử lý tài sản, vật tư, hàng hóa hao hụt, mất mát, kém/mất phẩm chất sau kiểm kê;
 - Thực hiện công tác lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu kế toán khoa học, có hệ thống theo đúng quy định pháp luật hiện hành, giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu;
 - Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán theo quy định hiện hành của pháp luật, Tập đoàn và của Công ty;
 - Lập và tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo kiểm kê văn phòng Công ty và toàn Công ty. Kiểm soát và chủ trì xét duyệt việc lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các báo cáo khác của chi nhánh;
 - Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Công ty theo quy định hiện hành;
 - Tham gia công tác thanh, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty; phổ biến, hướng dẫn các đơn vị thực hiện chế độ thống kê, kế toán theo đúng quy định hiện hành;
- c) Một số công tác khác:*
- Xây dựng các quy chế, quy định, quy trình liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán;

- Chủ động quan hệ công tác với các cơ quan chức năng, đơn vị khác để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát về công tác tài chính kế toán theo chức năng, nhiệm vụ của phòng;
- d) *Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.*

4.5.6. Chi nhánh PTS Hòa Bình

Chi nhánh PTS Hòa Bình đóng vai trò chủ lực trong việc quản lý, vận hành hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu và phân phối các sản phẩm hóa dầu chính hãng như dầu mỡ nhờn, gas Petrolimex trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (Phú Thọ). Với quản lý chi phí, hoạt động kinh doanh hiệu quả, đơn vị luôn duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo cung ứng nguồn nhiên liệu chất lượng cao, an toàn cho nhu cầu đi lại và sản xuất của người dân cũng như các doanh nghiệp vận tải tại địa phương.

4.5.7. Đội vận tải:

Có 04 Đội Vận tải.

Chức năng, nhiệm vụ của Đội Vận tải:

- Quản lý về lao động, phương tiện vận tải được Công ty giao.
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ vận tải xăng dầu bằng ô tô xitec theo kế hoạch vận tải của Công ty.
- Quản lý, chăm sóc đối với người lao động theo đúng quy định.
- Tổ chức kiểm tra người lao động trong Đội chấp hành các nội quy, quy định của Công ty về công tác giao nhận xăng dầu, văn minh thương mại, mặc trang phục bảo hộ lao động, giữ gìn xe tốt, lái xe an toàn, không vi phạm các tệ nạn xã hội...
- Làm thủ tục thanh toán các chế độ đối với người lao động thuộc Đội quản lý theo quy định của Công ty (ăn ca, chế độ bồi dưỡng độc hại, bảo hộ lao động ngắn hạn...)
- Quản lý, theo dõi, nhắc nhở lái xe làm thủ tục đổi các giấy tờ sắp hết hạn sử dụng (Giấy phép lái xe, chứng nhận PCCC, khám lưu hành...)

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

5.1.1. Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex

- Ngày thành lập: 20/09/2017
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108005532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2017, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 10 năm 2025
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải xăng dầu
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại PTH:

Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025 (*)		Tại 30/06/2026	
Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại PTH	Tỷ lệ biểu quyết của Tổng công ty tại PTH	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại PTH	Tỷ lệ biểu quyết của Tổng công ty tại PTH	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại PTH	Tỷ lệ biểu quyết của Tổng công ty tại PTH
51%	51%	0%	0%	0%	0%

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 036/PLX-NQ-HĐQT ngày 06/02/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn thống nhất nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex, Nghị quyết số 01/2025/PLX-NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và hợp đồng sáp nhập số 125/2025/PLX-PTC ngày 01/10/2025 ký giữa Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex, Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex đã chuyển nhượng toàn bộ 1.786.713 cổ phiếu PTH cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

5.1.2. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

- Ngày thành lập: 01/12/1956 (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tiền thân là Tổng công ty Xăng dầu mỡ sau đó được đổi tên thành Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Năm 1995 Công ty sáp nhập với Công ty Dầu lửa Quốc gia và hoạt động dưới tên gọi Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 1995, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 07 năm 2025
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu
- Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại PTH:

Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025 (**)		Tại 30/06/2026	
Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại PTH	Tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại PTH	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại PTH	Tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại PTH	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại PTH	Tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại PTH
0%	0%	51%	51%	51%	51%

(**) Căn cứ theo Nghị quyết số 036/PLX-NQ-HĐQT ngày 06/02/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn thống nhất nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex, Nghị quyết số 01/2025/PLX-NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và hợp đồng sáp nhập số 125/2025/PLX-PTC ngày 01/10/2025 ký giữa Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã nhận chuyển nhượng toàn bộ 1.786.713 cổ phiếu PTH từ Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex.

5.2. Danh sách công ty con, công ty mà tổ chức phát hành đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ

6.1. Thông tin về quá trình giảm vốn điều lệ: Không có

6.2. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1. Quá trình tăng vốn

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	2000	6.000.000.000	6.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
2	2003	500.000.000	6.500.000.000	Nhận chuyển giao TS từ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	Theo chỉ đạo của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam)		Không có
3	5/2006	3.500.000.000	10.000.000.000	Phát hành tăng vốn ưu tiên cho cổ đông nhà nước	Theo chỉ đạo của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên họp ngày 12/5/2006	- Đại hội đồng cổ đông	Không có
4	2009	6.000.000.000	16.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2008 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2008; Nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/8/2008 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2008; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/9/2008 của Đại hội Đồng cổ đông về việc thông qua	- Đại hội đồng cổ đông - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Ủy ban Chứng	Không có

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 366/UBCK-GCN ngày 31/12/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303000011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 01 năm 2009	khoản Nhà nước	
5	2017	2.399.750.000	18.399.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 số 122/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2017 - Văn bản số 2196/UBCK-QLCB ngày 24/04/2017 về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 07 năm	- Đại hội đồng cổ đông - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Không có

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 01 năm 2020		

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

Phần này được cố ý để trống

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm góp vốn: Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	PTH
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu đăng ký giao dịch:	23/03/2010
Tổng số cổ phiếu lưu hành:	3.503.164 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu phổ thông:	3.503.164 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	3.503.164 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu trên số cổ phiếu đang lưu hành (%)
1	Cổ đông trong nước	179	3.503.164	100
	- Cá nhân	178	1.716.451	49
	- Tổ chức	1	1.786.713	51
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% VDL	0	0	0
TỔNG CỘNG		179	3.503.164	100

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 01/06/2026 của PTH do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã thực hiện thủ tục nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây ở mức 0% theo công văn số 4448/UBCK-PTTT ngày 25/05/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ: Không quy định
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0% (Theo Danh sách cổ đông tại ngày 01/06/2026 của PTH do VSDC cung cấp)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay bao gồm: Kinh doanh xăng dầu; kinh doanh vận tải xăng dầu; kinh doanh hàng hoá khác; Đại lý bán bảo hiểm PJICO, nước giặt, dầu mỡ nhớt, cung cấp trạm sạc Vinfast, ...

Sau hơn 25 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã thực hiện vận chuyển cho hơn chục công ty, chi nhánh trên địa bàn Thành phố Hà Nội và 06 tỉnh sau sáp nhập. Bằng sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ công nhân viên, Công ty đã vươn lên trở thành đơn vị hàng đầu về cung cấp xăng dầu và các dịch vụ về xăng dầu trong khu vực.

Kinh doanh xăng dầu

Kinh doanh xăng dầu hiện là lĩnh vực hoạt động cốt lõi, đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty (chiếm khoảng 75% tổng giá trị doanh thu). Hoạt động này được vận hành thông qua hệ thống 11 cửa hàng xăng dầu trực thuộc, tập trung tại các địa bàn trọng điểm là Hà Nội và Hòa Bình (Phú Thọ). Công ty triển khai khai thác thị trường thông qua 01 kênh phân phối chính là kênh bán lẻ phối chín. Kênh này chủ yếu ph P yếu ln phối chín hai thác thị trường thông qua lõi, đóng góp tỷ u cầu tiêu dùng trực tiếp cho phương tiện giao thông và thiết bị sản xuất.

Trong năm 2025, tổng sản lượng xăng dầu tiêu thụ của Công ty đạt 29.006 m³, hoàn thành 99% kế hoạch năm và ghi nhận mức giảm 6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do việc chấm dứt hợp đồng thuê địa điểm và giải thể cửa hàng xăng dầu Việt Zin. Tương ứng với biến động sản lượng, doanh thu từ hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt 476.368.078.499 đồng, hoàn thành 93% kế hoạch năm 2025 và giảm 8,6% so với năm 2024.

Trong giai đoạn tới Công ty tiếp tục chú trọng đầu tư mở rộng và phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu.



Kinh doanh vận tải xăng dầu

Dịch vụ vận tải xăng dầu là lĩnh vực kinh doanh truyền thống, là nền tảng tạo nên Công ty phát triển như ngày hôm nay. Đến nay Công ty sở hữu 105 xe ô tô xi téc, tổng dung tích là 1.899 m³, dung tích bình quân là 18,09 m³/xe. Trong đó bao gồm những chủng loại phương tiện: 03 xe đầu kéo HUYNDAI, 02 xe đầu kéo HINO, 49 xe thân liền HUYNDAI, 27 xe HINO, 21 xe DONGFENG, 1 xe HOWO, 2 xe CAMC. Bên cạnh năng lực tự thân, Công ty còn linh hoạt điều phối thêm 06 xe xi téc thuê ngoài (tổng dung tích 190 m³) để tối ưu hóa hiệu suất vận hành. Đội ngũ phương tiện hiện đại, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe, đảm bảo khả năng cung ứng xăng dầu kịp thời và an toàn trên toàn bộ địa bàn hoạt động.

Công ty hiện là đơn vị đầu mối đảm bảo nguồn cung và vận chuyển cho hệ thống các Công ty xăng dầu thành viên thuộc Tập đoàn (Petrolimex) tại khu vực phía Bắc, bao gồm: Hà Sơn Bình, Hà Nội (Cơ sở 2), Sơn La, Điện Biên, Ninh Bình, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Hưng Yên và Thái Bình.

Năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về nhu cầu tiêu thụ trên thị trường, thúc đẩy sản lượng vận tải của Công ty đạt mức 100.738.021 m³.km. Kết quả này tương ứng với hoàn thành 106% kế hoạch đề ra và tăng trưởng 27% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Petrolimex Sơn La tiếp tục giữ vững vị thế là đơn vị có sản lượng vận tải lớn nhất với 24.171.193 m³.km, vượt 15% kế hoạch và tăng trưởng 9% so với cùng kỳ, khẳng định hiệu quả khai thác tuyến đường vận chuyển chiến lược của Công ty.

Trong giai đoạn tới, việc đầu tư bổ sung, đổi mới phương tiện vận chuyển để đáp ứng nhu cầu vận chuyển, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty là nhiệm vụ quan trọng ưu tiên hàng đầu.



Kinh doanh khác

Bên cạnh hai lĩnh vực hoạt động cốt lõi, Công ty còn đẩy mạnh triển khai kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác như dầu mỡ nhờn, bảo hiểm, nước giặt, dịch vụ trạm sạc xe điện VinFast và cho thuê nhà xưởng nhằm đa dạng hóa nguồn thu, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước mở rộng hiện diện trên thị trường.

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh dầu mỡ nhờn ghi nhận sản lượng tiêu thụ đạt 87.439 lít, hoàn thành 109% kế hoạch và tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm đạt hơn 2.731.000 đồng, tương ứng 105% kế hoạch và tăng 9% so với cùng kỳ. Đối với sản phẩm nước giặt, sản lượng tiêu thụ đạt 3.770 hộp, hoàn thành 108% kế hoạch và tăng 18% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu từ dịch vụ trạm sạc VinFast và hoạt

động cho thuê nhà xưởng lần lượt đạt hơn 127.000.000 đồng và 1.273.000.000 đồng, góp phần tích cực vào cơ cấu doanh thu và hiệu quả hoạt động chung của Công ty.



10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Phần này được cố ý để trống

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm theo hoạt động dịch vụ

Hoạt động, dịch vụ	Năm 2024		Năm 2025		Lấy kế đến Quý II năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)
Kinh doanh Vận tải	160.635.544.460	23,44	184.264.494.151	27,68	117.888.617.401	26,08
Kinh doanh Xăng dầu	521.223.566.656	76,05	476.368.078.499	71,55	330.720.737.477	73,17
Kinh doanh hàng hóa khác	3.033.428.812	0,44	3.459.517.258	0,52	2.261.111.200	0,50
Kinh doanh dịch vụ khác	452.435.168	0,07	1.712.790.140	0,26	1.136.763.208	0,25
Tổng cộng	685.344.975.096	100	665.804.880.048	100	452.007.029.286	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm theo hoạt động dịch vụ

Hoạt động, dịch vụ	Năm 2024		Năm 2025		Lấy kế đến Quý II năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)
Kinh doanh Vận tải	29.958.823.476	49,16	30.933.876.700	50,78	20.519.567.910	44,30
Kinh doanh Xăng dầu	30.303.184.231	49,72	28.089.585.007	46,11	24.720.168.238	53,37
Kinh doanh hàng hóa khác	342.182.255	0,56	388.272.762	0,64	287.594.830	0,62
Kinh doanh dịch vụ khác	343.087.800	0,50	1.502.039.980	2,47	789.647.653	1,71
Tổng cộng	60.947.277.762	100	60.913.774.449	100	46.316.978.631	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

10.2. Tài sản

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu bao gồm phương tiện vận tải, phản ánh đặc thù hoạt động kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu. Với yêu cầu đảm bảo năng lực vận chuyển, tính liên tục trong chuỗi cung ứng cũng như đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn chuyên ngành, Công ty thường xuyên đầu tư vào đội xe vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn từ năm 2024 đến nay, giá trị phương tiện vận tải chiếm khoảng 88% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty, cho thấy đây là nhóm tài sản trọng yếu đóng vai trò trực tiếp trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bảng 5. Tài sản cố định của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Tại thời điểm ngày 31/12/2024			Tại thời điểm ngày 31/12/2025			Tại thời điểm ngày 30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	182.094.448.977	129.286.845.026	52.807.603.951	198.045.071.034	139.495.252.330	58.549.818.704	221.197.880.902	144.809.471.733	76.388.409.169
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.809.853.762	13.324.553.771	1.485.299.991	15.559.740.717	13.675.423.471	1.884.317.246	15.679.093.460	13.573.044.541	2.106.048.919
- Máy móc, thiết bị	6.070.741.161	5.158.181.363	912.559.798	6.905.953.374	4.800.215.509	2.105.737.865	6.745.753.374	4.805.414.635	1.940.338.739
- Phương tiện vận tải	160.920.274.508	110.510.530.346	50.409.744.162	175.111.457.397	120.710.124.190	54.401.333.207	198.305.114.522	126.096.997.131	72.208.117.391
- Thiết bị dụng cụ quản lý	293.579.546	293.579.546	-	467.919.546	309.489.160	158.430.386	467.919.546	334.015.426	133.904.120
- Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Tài sản cố định vô hình	1.265.480.000	696.941.129	568.538.871	1.265.480.000	859.509.701	405.970.299	1.265.480.000	940.793.987	324.686.013
- Giá trị thương hiệu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Quyền sử	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tài sản	Tại thời điểm ngày 31/12/2024				Tại thời điểm ngày 31/12/2025				Tại thời điểm ngày 30/06/2026			
	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
dụng đất												
- Phần mềm máy tính		1.265.480.000	696.941.129	568.538.871		1.265.480.000	859.509.701	405.970.299		1.625.480.000	940.793.987	324.686.013
Tổng cộng	183.359.928.977	129.983.786.155	129.983.786.155	53.376.142.822	199.310.551.034	140.354.762.031	58.955.789.003	222.463.360.902	222.463.360.902	145.750.265.720	76.713.095.182	

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Bảng 6. Danh sách tài sản có giá trị lớn của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026

Đơn vị: Đồng

STT	Tên tài sản	Tại thời điểm ngày 31/12/2024				Tại thời điểm ngày 31/12/2025				Tại thời điểm ngày 30/06/2026			
		Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		14.144.272.545	12.658.972.554	1.485.299.991		14.894.159.500	13.009.842.254	1.884.317.246		15.679.093.460	13.573.044.541	2.106.048.919
1	Nhà điều hành	28	6.630.156.341	6.404.660.429	225.495.912	29	7.380.043.296	6.519.687.949	860.355.347	27	7.338.290.882	6.538.734.955	799.555.927
2	Hệ thống thoát nước	1	193.361.500	193.361.500	-	1	193.361.500	193.361.500	-	1	193.361.500	193.361.500	-
3	Hệ thống nền bãi	10	2.705.713.304	2.568.376.552	137.336.752	10	2.705.713.304	2.602.710.736	103.002.568	11	3.599.399.678	3.140.927.921	458.471.757
4	Tường, rào	5	520.762.818	520.762.818	-	5	520.762.818	520.762.818	-	5	520.762.818	520.762.818	-
5	Bể chứa 100 M3	14	706.323.646	446.905.201	259.418.445	14	706.323.646	475.039.549	231.284.097	12	639.323.646	422.106.723	217.216.923
6	Hệ thống công nghệ	3	304.965.986	304.965.986	-	3	304.965.986	304.965.986	-	3	304.965.986	304.965.986	-

STT	Tên tài sản	Tại thời điểm ngày 31/12/2024				Tại thời điểm ngày 31/12/2025				Tại thời điểm ngày 30/06/2026			
		Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
7	Vật kiến trúc khác	8	3.082.988.950	2.219.940.068	863.048.882	8	3.082.988.950	2.393.313.716	689.675.234	8	3.082.988.950	2.452.184.638	630.804.312
II	Máy móc, thiết bị		6.659.640.560	5.747.080.762	912.559.798		7.494.852.773	5.389.114.908	2.105.737.865		6.745.753.374	4.805.414.635	1.940.338.739
1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy		-	-	-	1	1.457.292.597	2.617.331	1.454.675.266	1	1.457.292.597	75.481.961	1.381.810.636
2	Hệ thống điện	8	732.034.328	667.629.608	64.404.720	9	786.663.958	701.328.925	85.335.033	9	786.663.958	729.182.259	57.481.699
3	Cột bơm xăng dầu	44	5.320.832.070	4.484.214.052	836.618.018	33	4.644.122.056	4.078.394.490	565.727.566	32	3.895.022.657	3.393.976.253	501.046.404
4	Các loại máy móc khác	2	170.000.000	158.462.940	11.537.060	2	170.000.000	170.000.000	-	2	170.000.000	170.000.000	-
5	Hệ thống công nghệ	3	319.341.927	319.341.927	-	3	319.341.927	319.341.927	-	3	319.341.927	319.341.927	-
6	Hệ thống xử lý nước thải	1	117.432.235	117.432.235	-	1	117.432.235	117.432.235	-	1	117.432.235	117.432.235	-
III	Phương tiện vận tải		160.920.274.508	110.510.530.346	50.409.744.162		175.111.457.397	120.710.124.190	54.401.333.207		198.305.114.522	126.096.997.131	72.208.117.391
1	Xe dưới 9 chỗ	4	4.943.656.545	2.925.160.289	2.018.496.256	3	4.358.574.545	2.793.531.635	1.565.042.910	4	5.682.633.090	2.994.410.867	2.688.222.223
2	Xe Xi téc	103	155.412.288.145	107.021.040.239	48.391.247.906	108	170.188.553.034	117.352.262.737	52.836.290.297	112	192.058.151.614	122.538.256.446	69.519.895.168
3	Xe khác	1	564.329.818	564.329.818	-	1	564.329.818	564.329.818	-	1	564.329.818	564.329.818	-
IV	Thiết bị dụng cụ		370.261.364	370.261.364	-		544.601.364	386.170.978	158.430.386		467.919.546	334.015.426	133.904.120

STT	Tên tài sản	Tại thời điểm ngày 31/12/2024				Tại thời điểm ngày 31/12/2025				Tại thời điểm ngày 30/06/2026			
		Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
	quản lý												
1	Máy tính	1	105.384.091	105.384.091	-	1	105.384.091	105.384.091	-	1	105.384.091	105.384.091	-
2	Máy photocopy	1	81.727.273	81.727.273	-	2	187.717.273	95.785.742	91.931.531	2	187.717.273	109.034.492	78.682.781
3	Dụng cụ quản lý khác	3	183.150.000	183.150.000	-	4	251.500.000	185.001.145	66.498.855	3	174.818.182	119.596.843	55.221.339

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

10.3. Thị trường hoạt động

Công ty chủ yếu kinh doanh tại các thị trường như Hà Nội, Điện Biên, Ninh Bình, Phú Thọ,...

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm theo thị trường hoạt động chính

Thị trường	Năm 2024			Năm 2025			Lấy kể đến Quý II năm 2026		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2024	Giá trị	Tỷ trọng	
	(đồng)	(%)	(đồng)	(đồng)	(%)	(%)	(đồng)	(%)	
Kinh doanh Vận tải	160.635.544.460	23,44	184.264.494.151	27,68	14,71	14,71	117.888.617.401	26,08	
Hà Nội	39.054.794.383	24,31	28.307.002.852	15,36	-27,52	-27,52	17.227.118.946	14,61	
Điện Biên	39.130.078.271	24,36	30.779.864.636	16,70	-21,34	-21,34	18.171.195.417	15,41	
Ninh Bình	20.007.603.643	12,46	30.301.596.863	16,44	51,45	51,45	17.578.515.742	14,91	
Thái Bình (Hưng Yên)	4.732.527	0,003	3.153.018.907	1,71	66524,43	66524,43			
Thái Nguyên	6.193.956.056	3,86	12.240.373.384	6,64	97,62	97,62	8.656.965.897	7,34	
Lạng Sơn	9.106.290.895	5,67	11.161.686.630	6,06	22,57	22,57	8.146.496.534	6,91	

Thị trường	Năm 2024		Năm 2025			Lũy kế đến Quý II năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2024	Giá trị	Tỷ trọng
	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)	(%)	(đồng)	(%)
Bắc Ninh	2.451.199.558	1,53	11.321.777.148	6,14	361,89	8.529.549.583	7,24
Sơn La	21.947.921.568	13,66	39.052.168.842	21,19	77,93	28.226.550.251	23,94
Phủ Thọ	22.738.967.559	14,16	17.934.307.113	9,73	-21,13	11.352.225.031	9,63
Hà Tĩnh	-	-	12.697.776	0,01	-	-	-
Kinh doanh Xăng dầu	521.223.566.656	76,05	476.368.078.499	71,55	-8,61	330.720.537.477	73,17
Hà Nội	435.349.433.048	83,52	387.602.136.038	81,37	-10,97	261.197.232.220	78,98
Phủ Thọ	85.874.133.608	16,48	88.765.942.461	18,63	3,37	69.523.305.257	21,02
Kinh doanh hàng hoá khác	3.033.428.812	0,44	3.459.517.258	0,52	14,05	2.261.111.200	0,5
Hà Nội	2.717.668.454	89,59	3.122.985.050	90,27	14,91	1.962.761.197	86,81
Phủ Thọ	315.760.358	10,41	336.532.208	9,73	6,58	298.350.003	13,19
Kinh doanh dịch vụ khác	452.435.168	0,07	1.712.790.140	0,26	278,57	1.136.763.208	0,25
Hà Nội	343.344.259	75,89	1.603.699.231	93,63	367,08	1.082.217.753	95,2
Điện Biên	109.090.909	24,11	109.090.909	6,37	-	54.545.455	4,8
Tổng cộng	685.344.975.096	100	665.804.880.048	100	-2,85	452.007.029.286	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm theo thị trường hoạt động chính

Thị trường	Năm 2024		Năm 2025			Lấy kế đến Quý II năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2024	Giá trị	Tỷ trọng
	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)	(%)	(đồng)	(%)
Kinh doanh Vận tải	29.951.277.112	49,15	30.978.876.700	50,86	3,43	20.519.567.910	44,30
Hà Nội	5.986.054.811	19,99	7.464.846.013	24,10	24,70	3.455.678.803	16,84
Điện Biên	6.807.681.493	22,73	4.292.372.255	13,86	-36,95	2.992.265.001	14,58
Ninh Bình	5.993.876.537	20,01	6.216.148.788	20,07	3,71	3.084.560.269	15,03
Thái Bình (Hưng Yên)	-	-	663.842.170	2,14	-	-	-
Thái Nguyên	553.131.329	1,85	1.094.553.468	3,53	97,88	1.657.767.558	8,08
Lạng Sơn	573.529.524	1,91	987.594.941	3,19	72,20	1.573.838.619	7,67
Bắc Ninh	555.737.316	1,86	1.649.620.099	5,32	196,83	1.383.525.413	6,74
Sơn La	7.392.146.879	24,68	5.261.848.656	16,99	-28,82	4.559.516.236	22,22
Phủ Thọ	2.089.119.223	6,98	3.345.539.098	10,80	60,14	1.812.416.011	8,83
Hà Tĩnh	-	-	2.511.212	0,01	-	-	-
Kinh doanh Xăng dầu	30.303.184.231	49,73	28.089.585.007	46,11	-7,30	24.720.168.238	53,37
Hà Nội	22.283.950.275	73,54	20.126.420.647	71,65	-9,68	17.476.244.532	70,70
Phủ Thọ	8.019.233.956	26,46	7.963.164.360	28,35	-0,70	7.243.923.706	29,30
Kinh doanh hàng hoá khác	342.182.255	0,56	388.272.762	0,64	13,47	287.594.830	0,62
Hà Nội	265.020.646	77,45	321.873.997	82,90	21,45	233.559.326	81,21
Phủ Thọ	77.161.609	22,55	66.398.765	17,10	-13,95	54.035.504	18,79
Kinh doanh dịch vụ khác	343.087.800	0,56	1.502.039.980	2,47	337,80	789.647.653	1,70

Thị trường	Năm 2024		Năm 2025			Lũy kế đến Quý II năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2024	Giá trị	Tỷ trọng
	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)	(%)	(đồng)	(%)
Hà Nội	233.996.891	68,20	1.392.949.071	92,74	495,29	735.102.198	93,09
Điện Biên	109.090.909	31,80	109.090.909	7,26	-	54.545.455	6,91
Tổng cộng	60.939.731.398	100	60.913.774.449	100	-0,05	46.316.978.631	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Phần này được cố ý để trống

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư

Xuất phát từ đặc thù hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu, Công ty tập trung đầu tư trọng điểm vào đội xe bồn chuyên dụng vận chuyển xăng dầu cùng các tài sản phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Việc đầu tư đồng bộ vào hệ thống phương tiện vận tải chuyên dụng không chỉ góp phần nâng cao năng lực vận chuyển, tối ưu hiệu quả khai thác mà còn đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong vận chuyển xăng dầu.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối. Cụ thể, Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu Đại Đồng hiện đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư đối với Công ty theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2025. Công ty đang tiến hành các thủ tục xin UBND thành phố Hà Nội chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy phép để xây dựng cửa hàng xăng dầu và dự kiến sẽ hoàn thành xây dựng trong năm 2026. Việc xây dựng và đưa vào vận hành các cửa hàng xăng dầu mới tại các địa bàn tiềm năng, qua đó từng bước gia tăng độ phủ thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Bảng 9. Danh mục đầu tư đã được quyết toán trong năm 2024

TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng TH	KH 2024 (đồng)	TH 2024 (đồng)	TH/KH (%)
	Tổng giá trị đầu tư:		10.480.000.000	9.513.000.000	90,7
1	Xe ô tô 07 chỗ	01	2.439.000.000	2.150.000.000	88,1
2	Xe ô tô sitec chở xăng dầu	03	7.873.000.000	7.210.000.000	91,6
3	Bể chứa xăng dầu	03	168.000.000	153.000.000	91

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Bảng 10. Danh mục đầu tư đã được quyết toán trong năm 2025

TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng TH	KH 2025 (đồng)	TH 2025 (đồng)	TH/KH (%)
	Tổng giá trị đầu tư:		10.350.000.000	17.212.000.000	166,30
1	Xe ô tô sitec chở xăng dầu	05	10.350.000.000	14.776.000.000	142,76
2	Hệ thống PCCC khu B	01		1.225.000.000	
3	Bể 100m ³ chứa nước PCCC	01		232.000.000	
4	Dãy nhà làm việc cấp 4	01		750.000.000	
5	Máy phát điện	01		55.000.000	
6	Máy Photo	01		106.000.000	

7	Bộ sofa	01	68.000.000	
---	---------	----	------------	--

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Dự án xây dựng Cửa hàng Xăng dầu Đại Đồng

- Vốn đầu tư dự án: khoảng 14,9 tỷ đồng
- Nguồn vốn: tự có 2,98 tỷ đồng, vay 11,92 tỷ đồng
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm
- Địa điểm thực hiện dự án: Km34+700 Quốc lộ 32, xã Thạch Thắt, thành phố Hà Nội
- Tiến độ thực hiện dự án: Quý I/2025 – Quý IV/2026
- Giá trị đã ghi nhận vào tài sản dở dang/tài sản cố định
 - Tại ngày 31/12/2024: 6.404.834.750 đồng
 - Tại ngày 31/12/2025: 6.404.834.750 đồng
 - Tại ngày 30/06/2026: 6.797.751.416 đồng

10.4.2. Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 11. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Vận tải xăng dầu				
Sản lượng	M ³ km	79.094.129	100.738.021	105.100.000
Doanh thu	đồng	160.635.544.460	184.264.494.151	196.800.000.000
Bán xăng dầu				
Sản lượng	M ³	29.198	29.006	30.000
Doanh thu	đồng	521.223.566.656	476.368.078.499	496.550.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn từ 2024 đến nay cho thấy Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu, đồng thời từng bước mở rộng quy mô hoạt động, tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định và bền vững trong các năm tiếp theo.

Đối với hoạt động vận tải xăng dầu, sản lượng vận chuyển năm 2025 đạt 100,74 triệu m³km, tăng khoảng 27,36% so với năm 2024. Cùng với sự gia tăng về sản lượng, doanh thu từ hoạt động vận tải xăng dầu đạt hơn 184,26 tỷ đồng, tăng 14,71% so với năm trước. Kết quả này phản ánh nhu cầu vận chuyển xăng dầu tiếp tục tăng trưởng, đồng thời cho thấy Công ty đã từng bước nâng cao hiệu quả khai thác đội xe, mở rộng phạm vi hoạt động và phát huy hiệu quả từ các khoản đầu tư vào phương tiện vận tải chuyên dụng trong thời gian qua. Trong năm 2026, Công ty đặt kế hoạch doanh thu từ hoạt động vận tải xăng dầu đạt 196,8 tỷ đồng, tiếp tục duy trì vai trò là mảng kinh doanh chủ lực đóng góp ổn định vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, sản lượng tiêu thụ năm 2025 đạt 29.006 m³, tương đương mức thực hiện năm 2024. Tuy nhiên, doanh thu ghi nhận giảm từ 521,22 tỷ đồng

xuống còn gần 476,39 tỷ đồng, chủ yếu do biến động giá xăng dầu trên thị trường trong kỳ. Mặc dù vậy, hoạt động bán lẻ xăng dầu vẫn duy trì ổn định, đảm bảo nguồn khách hàng và thị phần tại các khu vực kinh doanh hiện hữu. Trong năm 2026, Công ty đặt kế hoạch doanh thu bán xăng dầu đạt 496,55 tỷ đồng, thể hiện định hướng đẩy mạnh mở rộng hệ thống cửa hàng xăng dầu, gia tăng sản lượng tiêu thụ và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Phần này được cố ý để trống

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 12. Bảng các hợp đồng đầu vào lớn trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026

STT	Đối tác	Tên Hợp đồng	Giá trị	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời gian kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, BKS, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
1	Tổng công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	Hợp đồng mua bán dầu mỡ nhóm số 02/2022/PTSHT - PLC	Theo hợp đồng nguyên tắc	Dầu mỡ nhóm Petrolimex	08/01/2022	01/01/2022 - 31/12/2025	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các sản phẩm dầu mỡ nhóm
2	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Hợp đồng nhượng quyền thương mại số 04/NQTM-2024	Theo hợp đồng nguyên tắc	Xăng RON 95-III, Xăng E5 RON 92-II, Diesel 0.05S-II, Diesel 0.001S-V, FO 3,5S, Dầu hỏa	10/01/2024	01/01/2024 - 31/12/2028	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán xăng dầu
3	Công ty Xăng dầu Khu Vực I - Công ty TNHH MTV	Hợp đồng nhượng quyền thương mại số 01 PTSHT/HĐNQTM-2024	Theo hợp đồng nguyên tắc	Xăng RON 95-III, Xăng E5 RON 92-II, Diesel 0.05S-II, Diesel 0.001S-V, FO 3,5S, Dầu hỏa	01/01/2024	01/01/2024 - 31/12/2028	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nhượng quyền thương mại kinh doanh bán lẻ xăng dầu từ nguồn hàng do Công ty xăng dầu Khu Vực I cung cấp và được gắn với quyền sử dụng nhãn hiệu Petrolimex
4	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	Hợp đồng mua bán xăng dầu số 19/HĐBLXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Diesel 0.05S-II, Diesel 0.001S-V	05/06/2024	05/06/2024 - 31/12/2024	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu
5	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Hợp đồng mua bán xăng dầu năm 2023 phương thức bán lẻ trực tiếp số	Theo hợp đồng nguyên tắc	Xăng các loại, dầu Điêzen các loại, dầu mỡ nhóm	30/12/2022	01/01/2023 - 31/12/2027	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu

STT	Đối tác	Tên Hợp đồng	Giá trị	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời gian kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, BKS, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
		360/PLXHHN - HDMB						
6	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Hợp đồng mua bán xăng dầu số 273/HDMBXD (2023-2025)	Theo hợp đồng nguyên tắc	Xăng các loại, dầu Diesel các loại, dầu mỡ nhớt	05/07/2023	05/07/2023 - 31/12/2025	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu để phục vụ sản xuất kinh doanh
7	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Hợp đồng mua bán hàng hóa số BL52.3/HĐ - 2023	Theo hợp đồng nguyên tắc	Dầu Diesel các loại; xăng các loại, hàng hóa dịch vụ Petrolimex khác; Dầu mỡ nhớt, Gas....	10/01/2024	01/01/2024 - 31/12/2027	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu
8	Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam	Hợp đồng mua bán xăng dầu số: 44/PLXHN - DVCL	Theo hợp đồng nguyên tắc	Xăng các loại, dầu Diesel các loại, dầu mỡ nhớt	01/07/2024	01/07/2024 - 31/12/2028	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu
9	Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	Hợp đồng mua bán xăng dầu số 833/PLXNB HDMB	Theo hợp đồng nguyên tắc	Xăng các loại, dầu Diesel các loại, dầu mỡ nhớt	01/12/2025	01/12/2025 - 31/12/2028	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu
10	CN Petrolimex Kinh Bắc	Hợp đồng mua bán xăng dầu số 128/HDBLXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Diesel 0.05S-II, Diesel 0.001S-V	01/10/2025	01/10/2025 - 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu
11	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	Hợp đồng mua bán xăng dầu số 19/HDBLXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Diesel 0.05S-II, Diesel 0.001S-V	05/06/2024	05/06/2024 - 31/12/2024	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng mua bán các mặt hàng xăng dầu
12	Công ty TNHH MTV cơ khí xăng dầu Đồng Nai	Hợp đồng cung cấp hàng hóa: Gói thầu mua sắm 05 xe ô tô sitcom dung tích 22 m ³	17.550.000.000	Gói thầu cung cấp 05 xe ô tô sitcom dung tích 22 m ³	15/5/2026	20 ngày kể từ ngày 18/05/2026 (ngày ký hợp	Công ty TNHH MTV cơ khí xăng dầu Đồng Nai là công ty liên kết với Tổng công ty	Gói thầu cung cấp 05 xe ô tô sitcom dung tích 22 m ³

STT	Đối tác	Tên Hợp đồng	Giá trị	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời gian kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
						đồng)	xây lắp và thương mại Petrolimex (PGCC), PGCC cùng công ty mẹ với Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây.	

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Bảng 13. Bảng các hợp đồng đầu ra lớn trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026

STT	Đối tác	Tên Hợp đồng	Giá trị (đồng)	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời gian kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	Hợp đồng dịch vụ giao nhận, vận tải xăng dầu số: 92/2024/HĐGNVT	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển xăng dầu	01/07/2024	01/07/2024 đến khi hai bên ký hợp đồng mới	Cùng tập đoàn	Vận chuyển xăng dầu
2	Công ty Xăng dầu Điện Biên	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu số 74/2024/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển xăng dầu	19/01/2024	19/01/2024 - 31/12/2024	Cùng tập đoàn	Vận chuyển xăng dầu
3	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu số 34/2025 HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển xăng dầu	01/08/2025	01/08/2025 - 31/12/2025	Cùng tập đoàn	Vận chuyển xăng dầu
4	Công ty Xăng dầu	Phụ lục hợp đồng vận tải số: 06-	Theo hợp đồng	Vận chuyển xăng dầu	02/01/2025	01/01/2025 -	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển xăng

STT	Đối tác	Tên Hợp đồng	Giá trị (đồng)	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời gian kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, BKS, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
				về các điểm giao hàng				nguồn về các điểm giao hàng
9	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu số: 186/2025/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	28/02/2025	01/03/2025 - 31/12/2025	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
10	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu số: 06/2025/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	02/01/2025	01/01/2025 - 30/06/2025	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
11	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu Số 01/2026/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	01/01/2026	01/01/2026 - 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
12	Công ty Xăng dầu Điện Biên	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu Số 10/2026/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	01/01/2026	01/01/2026 - 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
13	Công ty TNHH Petrokimex Ninh Bình	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu Số 09/2026/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	01/01/2026	01/01/2026 - 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
14	Công ty TNHH MTV	Hợp đồng vận chuyển	Theo hợp đồng	Vận chuyển các mặt	01/01/2026	01/01/2026 -	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các

STT	Đối tác	Tên Hợp đồng	Giá trị (đồng)	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời gian kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HĐQT, BKS, TGB, Phó TGB, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng
	Petrolimex Lạng Sơn	xăng dầu Số 01/2026/HĐVCXD- PLXLS-PTSHT	nguyên tắc	hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng		31/12/2026		mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
15	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu Số 01- 2026/HĐVCXD - PTS	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	01/01/2026	01/01/2026 – 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
16	Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu Số 01/2026/HĐVCXDBT	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	01/01/2026	01/01/2026 – 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng
17	Chi nhánh Petrolimex Hòa Bình	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu Số 61/2026/HĐVCXD	Theo hợp đồng nguyên tắc	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng	01/01/2026	01/01/2026 – 31/12/2026	Cùng Công ty mẹ	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại, từ kho dầu nguồn về các điểm giao hàng

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 14. Danh sách các khách hàng lớn của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026

Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, TV BKS, GB, Phó GB, cổ đông lớn
	(đồng)	(%)			
Năm 2024					
Tổng công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex	2.979.720	0,002	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Công ty mẹ
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	56.614.014.838	35,24	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	17.357.010.934	10,81	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Điện Biên	39.130.078.271	24,36	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Thái Bình	4.732.527	0,003	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Bắc Thái	6.193.956.056	3,86	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Bắc	9.106.290.895	5,67	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	2.451.199.558	1,53	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	2.650.592.709	1,65	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	21.947.921.568	13,66	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	2.205.396.045	1,37	01/2024 - 12/2024	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Năm 2025					
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	30.779.864.636	16,70	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Thái Bình	1.120.763.560	0,61	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái	12.240.373.384	6,64	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn

Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, TV BKS, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn
Nguyên					
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	28.478.826.545	15,46	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	18.362.942.281	9,97	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Bắc	11.776.751.979	6,39	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	3.820.511.250	2,07	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	4.000.184.069	2,17	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	39.052.168.842	21,19	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	4.087.154.248	2,22	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	7.938.470.513	4,31	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	6.760.313.314	3,67	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	4.467.917.135	2,42	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	3.554.111.644	1,93	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	3.332.088.905	1,81	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	2.032.255.347	1,10	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	12.697.776	0,007	01/2025 - 12/2025	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Năm 2026 (Tính đến thời điểm 30/06/2026)					
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	15.603.429.990	13,24	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn

Tên Khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HDQT, TV BKS, GB, Phó GB, cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	28.226.550.251	23,94	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	18.171.195.417	15,41	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	17.578.515.742	14,91	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	8.656.965.897	7,34	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	8.146.496.534	6,91	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	8.529.549.583	7,24	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	11.352.225.031	9,63	01/2026-06/2026	Vận chuyển	Cùng tập đoàn

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Bảng 15. Danh sách nhà cung cấp lớn của Công ty trong giai đoạn năm 2024 đến thời điểm 30/06/2026

Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HDQT, TV BKS, GB, Phó GB, cổ đông lớn
Năm 2024					
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP	2.928.180.960	0,54	01/2024 - 12/2024	Dầu nhớt	Cùng tập đoàn

Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, TV BKS, GD, Phó GD, cổ đông lớn
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	402.717.236.593	73,92	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	5.590.639.052	1,03	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Bắc Thái	1.322.196.925	0,24	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Hà Bắc	1.205.513.835	0,22	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bắc Ninh	1.278.677.693	0,23	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam	706.226.272	0,13	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Công ty xăng dầu Khu Vực I	127.392.070.824	23,38	01/2024 - 12/2024	Xăng, dầu	Cùng tập đoàn
Năm 2025					
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	15.000.000	0,003	10/2025 - 31/12/2025	Xăng, dầu	Công ty mẹ
CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	1.229.455	0,0002	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP	5.198.244.200	1,02	01/2025 - 12/2025	Dầu nhờn	Cùng Công ty mẹ
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	279.430.882.933	54,85	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	4.198.581.103	0,82	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa Chất PTN	384.008.478	0,08	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	1.011.745.000	0,20	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	1.212.737.379	0,24	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ

Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, TV BKS, GB, Phó GB, cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	5.241.091	0,001	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty xăng dầu Hà Bắc	535.432.450	0,11	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh	25.315.636	0,005	01/2025 - 12/2025	Dầu Điện	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bắc Ninh	3.052.156.973	0,60	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam	1.502.133.705	0,29	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	20.179.058	0,004	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty xăng dầu Khu Vực I	74.829.632.256	14,69	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vinh Phúc	521.963.388	0,10	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	280.699.461	0,06	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hưng Yên	557.014.288	0,11	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	104.196.449.196	20,45	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	1.561.700.065	0,31	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	2.367.920.725	0,46	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	28.524.496.676	5,60	01/2025 - 12/2025	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Năm 2026 (Tính đến thời điểm 30/06/2026)					
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	3.377.692.623	0,92	01/2026 - 03/2026	Dầu nhờn	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa Chất PTN	136.701.769	0,04	01/2026 - 03/2026	Nước giặt	Cùng Công ty mẹ

Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng trên Doanh thu/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, TV BKS, GD, Phó GD, cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	605.558.684	0,17	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	88.721.141	0,02	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh	37.226.819	0,01	01/2026 - 03/2026	Dầu Diesel	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bắc Ninh	48.821.467.110	13,34	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	219.430.764.033	59,96	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	5.753.699.443	1,57	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	170.878.857	0,05	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	86.163.478.614	23,54	01/2026 - 03/2026	Xăng, dầu	Cùng Công ty mẹ

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Phần này được cố ý để trống

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của Công ty trong ngành

Năm 2025, với đội xe vận tải sở hữu năng lực vận chuyển đạt trên 100 triệu m³km, PTS Hà Tây tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những đơn vị vận tải xăng dầu đường bộ có quy mô lớn trong hệ thống của Petrolimex – doanh nghiệp hiện chiếm khoảng 50% thị phần xăng dầu nội địa tính đến năm 2025. Công ty hiện duy trì thị phần đáng kể trong lĩnh vực vận tải xăng dầu tại khu vực Hà Nội, Điện Biên, Sơn La, Ninh Bình và các địa bàn lân cận.

Hoạt động chính của Công ty là lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và vận tải đường bộ. Ngành kinh doanh xăng dầu là ngành kinh tế quan trọng và có tiềm năng phát triển, cung cấp nhiên liệu cho nhiều ngành kinh tế, trong đó có ngành vận tải. Chính vì thế 2 mảng hoạt động này của Công ty có mối quan hệ mật thiết và hỗ trợ nhiều trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi thế cạnh tranh của PTS Hà Tây đến từ năng lực vận tải lớn, hệ thống phương tiện hiện đại và hoạt động vận hành chuyên nghiệp. Cơ cấu phương tiện đa dạng giúp Công ty đáp ứng linh hoạt nhu cầu vận chuyển xăng dầu về sản lượng, tiến độ giao hàng cũng như tiêu chuẩn an toàn và chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai cơ chế quản lý và khoán chi phí phù hợp nhằm tối ưu hiệu quả khai thác phương tiện, tiết giảm chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường vận tải ngày càng cạnh tranh, đặc biệt từ các doanh nghiệp vận tải tư nhân ngoài ngành, Công ty vẫn chịu áp lực cạnh tranh nhất định về giá cước vận tải. Dù vậy, với lợi thế về kinh nghiệm, quy mô hoạt động và uy tín thương hiệu, PTS Hà Tây vẫn duy trì được vị thế ổn định trên thị trường vận tải xăng dầu khu vực phía Bắc.

So sánh với các doanh nghiệp khác trong ngành

Bảng 16. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động với các doanh nghiệp trong ngành

Đơn vị: Đồng

Doanh nghiệp	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	CTCP Thương mại và Vận tải Hà Nội
Mã chứng khoán	<i>PTH</i>	<i>PTX</i>	<i>PSC</i>	<i>PTS</i>	<i>PJC</i>
Vốn điều lệ	35.031.640.000	64.324.530.000	72.000.000.000	55.680.000.000	73.269.280.000
Doanh thu thuần	665.804.880.048	1.751.272.628.812	795.244.810.400	368.507.737.620	1.289.993.079.464
Lợi nhuận sau thuế	5.376.059.660	18.859.642.743	7.741.077.260	10.828.607.604	36.587.539.076
Tổng tài sản	110.956.726.173	281.662.316.990	281.812.713.826	223.321.957.559	273.838.485.738

Vốn chủ sở hữu	51.924.627.878	103.195.794.062	121.210.929.118	104.451.634.532	162.621.884.308
----------------	----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Nguồn: BCTC tổng hợp/hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của các công ty

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, nhu cầu tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là xăng dầu, được dự báo vẫn giữ xu hướng gia tăng ổn định trong trung và dài hạn, tạo dư địa thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, phân phối và vận tải xăng dầu phát triển. Theo số liệu của Bộ Công Thương, tổng nguồn xăng dầu phục vụ tiêu thụ nội địa năm 2025 ước đạt khoảng 28,6 triệu m³/tấn, tăng 2,14% so với năm 2024. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ quá trình công nghiệp hóa, mở rộng hoạt động logistics, gia tăng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách, cùng với việc đầu tư mạnh vào hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia, đặc biệt là các tuyến cao tốc Bắc – Nam và mạng lưới giao thông liên vùng. Trong giai đoạn tới, thị trường xăng dầu Việt Nam được đánh giá vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng nhờ quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa cao và nhu cầu tiêu dùng năng lượng ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực vận tải, sản xuất công nghiệp và thương mại nội địa tiếp tục đóng vai trò là nền tảng quan trọng thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu truyền thống. Theo định hướng và dự báo của Petrolimex, sản lượng tiêu thụ xăng dầu nội địa trong giai đoạn 2026 – 2030 vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng, dù tốc độ có sự phân hóa theo từng giai đoạn. Cụ thể, trong giai đoạn 2026 – 2027, sản lượng bán hàng được kỳ vọng tăng khoảng 8,5% – 10%/năm nhờ tác động tích cực từ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu đi lại và vận tải hàng hóa gia tăng, cũng như việc nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm đi vào vận hành. Mặc dù xu hướng chuyển đổi sang xe điện bắt đầu rõ nét hơn và các chính sách hạn chế phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch tại đô thị lớn dần được triển khai, thị trường xe sử dụng động cơ đốt trong vẫn chiếm tỷ trọng áp đảo, qua đó giúp nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tiếp tục duy trì ở mức cao trong ngắn hạn. Đồng thời, việc Petrolimex đẩy mạnh mở rộng hệ thống phân phối tại các tuyến cao tốc, khu vực vệ tinh và địa bàn ngoài trung tâm sẽ góp phần hỗ trợ tăng trưởng sản lượng và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường. Bước sang giai đoạn 2028 – 2030, tốc độ tăng trưởng của ngành có thể chậm lại, dự kiến đạt khoảng 6% – 7%/năm, do tác động ngày càng rõ rệt từ xu hướng chuyển dịch năng lượng và phát triển phương tiện sử dụng năng lượng sạch. Sự phổ biến của xe điện, cùng với việc hạ tầng trạm sạc được đầu tư đồng bộ và các chính sách khuyến khích chuyển đổi xanh được thúc đẩy mạnh mẽ hơn, sẽ từng bước làm giảm tốc độ tăng trưởng của nhu cầu tiêu thụ xăng dầu truyền thống, đặc biệt tại các đô thị lớn. Ngoài ra, việc thực thi các chính sách hạn chế phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch nhằm giảm phát thải môi trường cũng sẽ tạo áp lực nhất định lên sản lượng tiêu thụ tại khu vực nội đô. Tuy nhiên, xét trên tổng thể, triển vọng của ngành kinh doanh xăng dầu trong những năm tới vẫn được đánh giá tích cực nhờ nhu cầu năng lượng phục vụ sản xuất, logistics và vận tải đường bộ tiếp tục ở mức cao. Quá trình chuyển dịch sang năng lượng xanh tại Việt Nam được dự báo sẽ diễn ra theo lộ trình dài hạn, do đó xăng dầu vẫn giữ vai trò là nguồn năng lượng chủ đạo trong nền kinh tế trong nhiều năm tới. Điều này tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu ngành như CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tiếp tục duy trì quy mô hoạt động ổn định, đồng thời mở rộng hệ thống phân phối, nâng cao hiệu quả logistics và từng bước thích ứng với xu hướng chuyển đổi năng lượng trong tương lai.

Đối với hoạt động vận tải xăng dầu, Công ty ghi nhận tốc độ tăng trưởng sản lượng vận tải năm 2025 đạt hơn 14% so với năm 2024, phản ánh nhu cầu vận chuyển xăng dầu tiếp tục gia tăng tại các địa bàn hoạt động trọng điểm của Công ty. Trong các năm tới, nhu cầu vận tải xăng dầu được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tối thiểu khoảng 5%/năm. Hoạt động kinh doanh

vận tải của Công ty hiện tập trung chủ yếu tại khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc – địa bàn được đánh giá còn nhiều tiềm năng tăng trưởng về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong bối cảnh Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng giao thông và logistics. Việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia theo Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 với định hướng hình thành các hành lang kinh tế Bắc – Nam đồng bộ với đầy đủ các phương thức vận tải, cùng tiến độ hoàn thiện hệ thống đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông và các tuyến cao tốc kết nối các trung tâm kinh tế lớn, được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động lưu thông hàng hóa, vận tải và tiêu thụ nhiên liệu. Đây là yếu tố thuận lợi hỗ trợ nhu cầu vận tải xăng dầu tại các khu vực hoạt động truyền thống của Công ty tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Với mục tiêu xác định kinh doanh vận tải và xăng dầu là lĩnh vực kinh doanh chính tạo nguồn thu và lợi nhuận cho Công ty, PTS Hà Tây:

- Chỉ đạo công tác bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh là mục tiêu hàng đầu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác an ninh, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu;
- Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, gia tăng sản lượng, năng suất lao động để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực và chất lượng phương tiện vận tải đáp ứng nhu cầu vận tải của Tập đoàn.
- Triển khai ứng dụng rộng rãi phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho hợp lý để giảm thiểu thiệt hại khi giảm giá xăng dầu.
- Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn.
- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận chuyển nhằm tuyệt đối ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, đặc biệt là tình trạng thất thoát, chiếm dụng xăng dầu trong quá trình vận chuyển, qua đó bảo vệ uy tín, hình ảnh và thương hiệu của Petrolimex trên thị trường.

Định hướng phát triển của PTS Hà Tây được đánh giá phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành xăng dầu và vận tải xăng dầu, chủ trương của Nhà nước cũng như xu thế quản trị hiện đại trên thế giới. Việc tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đầu tư phương tiện hiện đại, tăng cường quản trị an toàn, kiểm soát hàng tồn kho và đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt phù hợp với định hướng chuyển đổi số, tối ưu hiệu quả vận hành và phát triển bền vững. Đồng thời, việc chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí và kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận tải cũng thể hiện định hướng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật và bảo vệ uy tín thương hiệu trong bối cảnh yêu cầu về an toàn, minh bạch và hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao.

10.8. Hoạt động marketing

Việc phát triển mạng lưới khách hàng của Công ty chủ yếu được thực hiện qua khai thác từ khách hàng truyền thống và nguồn khách hàng mới do khách hàng truyền thống giới thiệu. Hoạt động Marketing của Công ty thực hiện thông qua 02 bộ phận là phòng thương mại và phòng kinh doanh vận tải:

- Phòng thương mại: Thực hiện các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, phát triển mối quan hệ với các khách hàng công nghiệp nhằm nâng cao sản lượng bán buôn xăng dầu.
- Phòng kinh doanh vận tải: Tổ chức thực hiện công tác thị trường vận tải, công tác chăm sóc khách hàng, thống kê kết quả vận tải.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế:

Công ty hiện đang sử dụng logo mới thuộc bộ nhận diện Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đang đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ với nhãn hiệu sau:



PETROLIMEX

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trên cơ sở công tác điều tra, khảo sát và đánh giá thị trường, các phòng ban chức năng của Công ty đã chủ động nghiên cứu, phát triển và mở rộng hệ thống phân phối thông qua việc đầu tư mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại các địa bàn tiềm năng, qua đó gia tăng độ phủ thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Song song với hoạt động này, Công ty tập trung nâng cao hiệu quả khai thác đội xe vận tải, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị trong và ngoài ngành, góp phần duy trì tính ổn định, liên tục của chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, Công ty đã nghiên cứu, triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị và điều hành nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, bao gồm mở rộng thị trường và phát triển khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện chất lượng dịch vụ, đồng thời tối ưu hóa hoạt động vận tải nhằm tiết giảm chi phí và gia tăng năng suất lao động. Đối với lĩnh vực bán lẻ xăng dầu, Công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai và hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến các dự án đầu tư xây dựng cửa hàng mới, tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các giai đoạn tiếp theo.

Hàng năm, Công ty chú trọng công tác tổng kết, đánh giá và thúc đẩy các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành. Cụ thể:

- Năm 2024: Triển khai lắp đặt phần mềm EGAS tích hợp phần mềm tự động hoá thu nhận tín hiệu cột bơm phục vụ xuất hoá đơn theo từng lần bán hàng theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP
- Năm 2025: Ứng dụng phần mềm EOffice trong quản lý văn bản, hồ sơ hành chính; triển khai, nâng cấp phần mềm ERP bổ sung phân hệ Nhân sự - Tiền lương; triển khai ứng dụng thanh toán QR-Code tại các cửa hàng xăng dầu

Nhìn tổng thể, các chính sách và giải pháp nghiên cứu, phát triển mà Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây triển khai trong thời gian qua đã tạo tác động tích cực và tương đối toàn diện đến tình hình hoạt động kinh doanh. Việc chủ động khảo sát, phát triển mạng

lưới cửa hàng tại các địa bàn tiềm năng giúp Công ty gia tăng độ phủ thị trường, tiếp cận thêm tệp khách hàng mới và nâng cao khả năng cạnh tranh. Điều này góp phần duy trì sản lượng bán lẻ ở mức ổn định, hạn chế tác động tiêu cực từ biến động nhu cầu và cạnh tranh trong ngành. Bên cạnh đó, quá trình triển khai các hệ thống quản lý như ERP, Eoffice và EGAS đã góp phần chuẩn hóa quy trình vận hành, tăng cường minh bạch thông tin và nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ. Nhờ đó, Công ty có thể tối ưu chi phí vận hành, giảm thiểu sai sót thủ công và nâng cao hiệu suất làm việc của bộ máy quản lý. Ngoài ra, ứng dụng công nghệ như thanh toán QR Code và hệ thống xuất hóa đơn tự động không chỉ giúp tuân thủ quy định pháp lý mà còn rút ngắn thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích cho khách hàng, qua đó góp phần nâng cao mức độ hài lòng và khả năng giữ chân khách hàng.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Tổng quan về các chiến lược

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh doanh vận tải và xăng dầu tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu đó, Công ty đã xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh như:

- Chiến lược phát triển hoạt động vận tải theo hướng tối ưu hóa và mở rộng thị trường.

Công ty tập trung nâng cao hiệu quả khai thác đội xe thông qua việc tối ưu công tác điều độ, tăng hệ số sử dụng phương tiện và kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành (đặc biệt là chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng và thuê ngoài). Đồng thời, Công ty chủ động mở rộng thị trường vận tải không chỉ trong hệ thống Tập đoàn mà còn hướng tới khách hàng ngoài ngành, qua đó đa dạng hóa nguồn doanh thu. Song song, Công ty xây dựng các phương án kinh doanh linh hoạt nhằm thích ứng với thay đổi của khung pháp lý và nhu cầu vận chuyển các loại nhiên liệu mới, đồng thời từng bước đầu tư đổi mới đội xe theo hướng hiện đại, dung tích lớn, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ.

- Chiến lược phát triển kinh doanh xăng dầu lấy khách hàng làm trung tâm.

Công ty đẩy mạnh nâng cao chất lượng dịch vụ tại hệ thống cửa hàng bán lẻ, chú trọng cải thiện trải nghiệm khách hàng thông qua phong cách phục vụ chuyên nghiệp và ứng dụng các phương thức thanh toán hiện đại. Đồng thời, triển khai cơ chế kinh doanh linh hoạt, gần quyền lợi người lao động với kết quả kinh doanh nhằm thúc đẩy tăng trưởng sản lượng. Công ty cũng tăng cường công tác tiếp thị, phát triển khách hàng mới, đặc biệt là nhóm khách hàng dịch vụ, song song với việc quản trị chặt chẽ công nợ và rủi ro bán hàng. Ngoài ra, định hướng mở rộng hệ thống phân phối thông qua thuê lại các cửa hàng hiệu quả và hợp tác triển khai các mô hình kinh doanh mới (như trạm sạc xe điện) nhằm gia tăng nguồn thu.

- Chiến lược đảm bảo nguồn cung và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công ty chú trọng công tác dự báo nhu cầu và lập kế hoạch nguồn hàng, bám sát biến động giá xăng dầu trong nước và quốc tế để tận dụng cơ hội kinh doanh và hạn chế rủi ro tồn kho. Đồng thời, linh hoạt điều hành hoạt động kinh doanh nhằm thích ứng với biến động thị trường, qua đó tối ưu hiệu quả và duy trì khả năng cạnh tranh.

- Chiến lược kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả tài chính.

Công ty tập trung quản lý chặt chẽ dòng tiền, công nợ và các khoản chi phí trong toàn bộ chuỗi hoạt động, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn. Việc đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được xác định là giải pháp quan trọng nhằm cải thiện biên lợi nhuận.

- Chiến lược chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành, bao gồm số hóa quy trình, ứng dụng các phần mềm quản trị và hệ thống giám sát, qua đó nâng cao tính minh bạch, hiệu quả điều hành và năng suất lao động.

Thời gian dự kiến thực hiện các chiến lược kinh doanh cụ thể

- Năm 2026: Công ty dự kiến đầu tư bổ sung 07 phương tiện vận tải nhằm nâng cao năng lực vận chuyển và đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh ngày càng tăng. Đồng thời, Công ty sẽ đầu tư 01 xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác điều hành, thực hiện cải tạo Cửa hàng xăng dầu Đồng Mai, sửa chữa sân bãi và trùng tu các xe xi téc nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn kỹ thuật và tối ưu hiệu quả khai thác phương tiện
- Giai đoạn 2026 – 2027: Công ty hoàn thiện việc triển khai Dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu Đại Đồng với tổng mức đầu tư khoảng 14,9 tỷ đồng và đưa vào hoạt động. Dự án được kỳ vọng sẽ góp phần mở rộng mạng lưới phân phối, gia tăng độ phủ thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Nguồn vốn dự kiến cho các chiến lược sẽ bao gồm:

- Vốn tự có của Công ty từ lợi nhuận sau thuế và quỹ đầu tư phát triển;
- Vốn vay ngân hàng và tín dụng thương mại phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Nguồn vốn huy động từ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Nguồn lực dự kiến phân bổ cho các chiến lược:

- Nguồn lực con người
 - + Đội ngũ vận tải (lái xe, điều độ, kỹ thuật): Tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ lái xe nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng vận tải; đồng thời đào tạo chuyên sâu về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và kỹ năng vận hành.
 - + Nhân sự kinh doanh và bán lẻ: Bổ sung nhân sự phụ trách phát triển thị trường, marketing và quản lý khách hàng nhằm gia tăng sản lượng và mở rộng thị phần.
 - + Nhân sự quản trị và tài chính: Nhân sự quản lý được đào tạo để nâng cao năng lực điều hành và ra quyết định trong bối cảnh thị trường biến động.
 - + Nhân sự công nghệ và chuyển đổi số: Bố trí và đào tạo đội ngũ nhân sự có khả năng vận hành các hệ thống công nghệ (ERP, EOffice, GPS, hệ thống điều độ), đồng thời nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho toàn bộ người lao động nhằm phục vụ quá trình chuyển đổi số.
- Nguồn lực vật chất và công nghệ
 - + Phương tiện vận tải: Huy động đội xe vận tải thực hiện hoạt động kinh doanh chính
 - + Hệ thống cửa hàng và cơ sở vật chất bán lẻ: Ứng dụng hệ thống thanh toán, khu vực dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng sản lượng.
 - + Hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý: Áp dụng các hệ thống phần mềm quản lý, hệ thống giám sát hành trình GPS, điều độ trực tuyến và quản lý nhiên liệu, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và minh bạch thông tin.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Giấy phép hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 1778 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/9/2015, cấp lần 2 ngày 27/12/2021.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại

Bảng 17. Cơ cấu lao động trong giai đoạn 2024 đến thời điểm 30/06/2026

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động						
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	67	26,27	72	27,17	72	26,86
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	21	8,24	19	7,17	20	7,46
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	165	64,71	172	64,91	174	64,94
4	Lao động phổ thông	2	0,78	2	0,75	2	0,74
II	Theo đối tượng lao động						
1	Lao động toàn thời gian	255	100	265	100	268	100
2	Lao động bán thời gian	-	-	-	-		
III	Theo giới tính						
1	Nam	179	70,20	190	71,70	196	73,13
2	Nữ	76	29,80	75	28,30	72	26,87
IV	Theo thời hạn HĐLĐ						
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	2	0,78	-	-		
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	55	21,57	41	15,47	49	18,28
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	198	77,65	224	84,53	219	81,72
4	Hợp đồng xác định thời hạn	-	-	-	-		
5	Hợp đồng thử việc	-	-	-	-		
V	Theo loại hình lao động						

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Lao động gián tiếp	79	30,98	84	31,70	86	32,08
2	Lao động trực tiếp	176	69,02	181	68,30	182	67,92
VI	Theo độ tuổi						
1	Từ 18 đến 25 tuổi	5	1,96	6	2,26	0	
2	Từ 26 đến 35 tuổi	50	19,61	48	18,11	45	16,79
3	Từ 36 đến 45 tuổi	114	44,71	125	47,17	131	48,89
4	Trên 45	86	33,73	86	32,45	92	34,32
Tổng cộng		255	100	265	100	268	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

11.2. Chính sách đào tạo, làm việc, lương thưởng với người lao động

11.2.1. Chính sách đào tạo tuyển dụng

Tuyển dụng: Công ty tuyển chọn kỹ càng nhân viên nhằm đáp ứng được năng lực chuyên môn và kinh nghiệm theo yêu cầu công việc. PTS Hà Tây còn chú trọng thu hút người lao động có trình độ, kỹ năng, có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Đào tạo: Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm cử cán bộ tham gia các khóa học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp. Đồng thời Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học để nâng cao trình độ nếu có nguyện vọng.

11.2.2. Chế độ làm việc

Chế độ làm việc: Thời gian làm việc đối với khối văn phòng Công ty, chi nhánh là 8h/ngày, 5 ngày/tuần và nghỉ trưa 1h, được nghỉ vào ngày thứ 7 và chủ nhật, nhưng khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi và đãi ngộ theo quy định của Nhà nước đối với người lao động.

Đối với lao động trực tiếp: Nhân viên bán xăng dầu, bảo vệ: Làm việc theo ca, kíp, giờ làm theo ca của một người không quá 48 giờ, số ngày làm việc không quá 5 ngày/tuần. Lái xe vận chuyển xăng dầu, công nhân sửa chữa, xây dựng: Tùy theo tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và quy định về khoán sản phẩm, do Thủ trưởng đơn vị quy định thời gian làm việc nhưng không quá 5 ngày/tuần.

Điều kiện làm việc: Nhà xưởng, văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, khang trang, hiện đại. Lực lượng lao động được trực tiếp trang bị đầy đủ đồ bảo hộ, học cách thức vệ sinh và nguyên tắc an toàn lao động nghiêm ngặt của Chính phủ.

11.2.3. Chính sách lương thưởng

Chính sách lương: Đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước. Mức lương bình quân của Công ty không thấp hơn mức lương bình quân của các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực; và phân phối tiền lương theo lao động.

Chính sách thưởng: Hàng quý, hàng năm PTS Hà Tây đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Việc xét thưởng được căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc tiết kiệm chi phí, phương pháp tổ chức kinh doanh hiệu quả. Công ty cũng tuân thủ quy định về xử lý, kỷ luật đối với cá nhân có hành vi gây thiệt hại tới tình hình sản xuất kinh doanh và hình ảnh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp được PTS Hà Tây nộp cho Nhà nước theo quy định hiện hành. Công ty cũng bảo đảm chế độ xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động,... Vào các ngày lễ trong năm. Công ty thường tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn doanh nghiệp

11.2.4. Phân phối tiền lương theo lao động

Lao động lái xe Đội vận tải: Thu nhập của lao động trong lĩnh vực này được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính. Tính theo năng suất lao động, cụ thể là được tính theo đơn giá khoán tiền lương (đồng/ m³ km vận chuyển).

Lao động xăng dầu: Thu nhập của lao động trong lĩnh vực này bao gồm tiền lương cố định theo quy định của Bộ Tài chính và lương theo sản lượng bán, cụ thể là được tính theo đơn giá khoán tiền lương (đồng/ lít).

Lao động văn phòng và lao động gián tiếp Đội vận tải: Tiền lương của lao động văn phòng được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính và hưởng từ nguồn lương kinh doanh vận tải.

Lao động bảo vệ: Được phân phối theo quy định của Bộ Tài chính trong tổng nguồn được Công ty khoán trọn gói hàng tháng, nguồn lấy từ nguồn lương kinh doanh vận tải.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (Chương trình ESOP)

Không có

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 18. Tình hình chi trả cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHCĐ thông qua	Hình thức	Thời gian thực hiện
2023	7%	Trả cổ tức bằng tiền	12/06/2024
2024	9%	Trả cổ tức bằng tiền	28/05/2025
2025 (*)	9%	Trả cổ tức bằng tiền	15/06/2026

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 195/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026 đã thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, theo đó phương án chi trả cổ tức năm 2025 của Công ty như sau:

- Tỷ lệ chi trả: 9%
- Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt
- Số tiền chia cổ tức năm 2025: 3.152.847.600 đồng
- Mức chi cổ tức năm 2025: 900 đồng/cổ phiếu

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty không có đợt chào bán nào.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích

Không có

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 19. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm	Lũy kế đến Quý II/2026
Tổng giá trị tài sản	95.531.798.435	110.956.726.173	+16,15%	132.798.151.011
Doanh thu thuần	685.344.975.096	665.804.880.048	-2,85%	452.007.029.286
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.750.660.069	6.660.933.307	+15,82%	6.958.395.446
Lợi nhuận khác	-228.267.838	140.616.308	N/A	40.256.196
Lợi nhuận trước thuế	5.522.392.231	6.801.549.615	+23,17%	6.998.651.642
Lợi nhuận sau thuế	4.176.154.740	5.376.059.660	+28,74%	5.544.763.422
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ	75,50%	65,16%	-13,69%	-

tức				
Tỷ lệ cổ tức	9%	9%	0%	-

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt gần 110,957 tỷ đồng, tăng 16,15% so với năm 2024. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt đạt 31,227 tỷ đồng và 79,729 tỷ đồng, tương ứng tăng 40,02% và 8,88% so với năm trước. Sự gia tăng quy mô tài sản chủ yếu đến từ việc Công ty đẩy mạnh đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cho giá trị tài sản cố định hữu hình tăng 10,87% so với năm 2024. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 88,40%, chủ yếu phát sinh từ doanh thu cước vận tải của các tháng cuối năm, phù hợp với xu hướng gia tăng sản lượng vận chuyển trong kỳ. Điều này cho thấy Công ty đang mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng nhu cầu vốn lưu động để phục vụ tăng trưởng kinh doanh. Đến thời điểm 30/06/2026, tổng giá trị tài sản đạt 132,798 tỷ đồng, tăng 19,69% so với thời điểm cuối năm 2025. Quy mô tài sản tiếp tục mở rộng phản ánh việc Công ty đẩy mạnh đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời gia tăng nhu cầu vốn lưu động trong bối cảnh hoạt động vận tải và kinh doanh xăng dầu duy trì tăng trưởng.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, doanh thu thuần năm 2025 đạt gần 665,805 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,85% so với năm trước, chủ yếu chịu ảnh hưởng từ biến động giá xăng dầu trên thị trường. Tuy nhiên, mặc dù doanh thu suy giảm nhẹ, lợi nhuận của Công ty vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 5,376 tỷ đồng, tăng 28,74% so với năm 2024. Bước sang năm 2026, doanh thu thuần lũy kế đến Quý II/2026 đạt 452 tỷ đồng, tương đương khoảng 67,9% doanh thu thực hiện cả năm 2025. Với đặc thù hoạt động kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu thường có nhu cầu cao trong các tháng đầu năm, kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì ổn định và bám sát kế hoạch đề ra. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 6,958 tỷ đồng, tương đương khoảng 104% mức thực hiện của cả năm 2025. Đồng thời, lợi nhuận trước thuế đạt 6,998 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 5,544 tỷ đồng, lần lượt tương đương khoảng 102,9% và 103,1% kết quả thực hiện của cả năm 2025. Mức tăng trưởng tích cực này phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh tiếp tục được cải thiện, đặc biệt trong bối cảnh Công ty duy trì hiệu quả khai thác vận tải, kiểm soát tốt chi phí hoạt động và tối ưu cơ cấu kinh doanh. Chính sách cổ tức của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định với tỷ lệ cổ tức năm 2024 và năm 2025 đều ở mức 9%, thể hiện định hướng đảm bảo hài hòa giữa nhu cầu tái đầu tư phát triển và lợi ích của cổ đông. Kết quả này phản ánh hiệu quả của các giải pháp quản trị chi phí, tối ưu hóa hoạt động vận hành, nâng cao hiệu quả khai thác phương tiện vận tải và cải thiện cơ cấu doanh thu theo hướng gia tăng hiệu quả sinh lời. Qua đó, Công ty tiếp tục duy trì nền tảng tài chính ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới duy trì tăng trưởng ổn định với GDP toàn cầu đạt khoảng 3,3%, trong khi lạm phát có xu hướng hạ nhiệt. Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục phục hồi tích cực

với mức tăng trưởng GDP đạt 7,09%, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu vận tải, tiêu thụ xăng dầu.

Tuy nhiên, hoạt động của Công ty vẫn chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi. Giá xăng dầu thế giới nhìn chung ổn định nhưng nhu cầu tiêu thụ trong nước tăng chậm do xu hướng chuyển dịch sang năng lượng tái tạo và sự phát triển của thị trường xe điện. Bên cạnh đó, Công ty còn đối mặt với áp lực chi phí khi nhiều phương tiện vận tải đã cũ, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng cao, trong khi hoạt động đầu tư thay thế còn gặp khó khăn về thủ tục. Ngoài ra, chi phí vận hành tăng do yêu cầu quản lý, thanh tra trong lĩnh vực vận tải ngày càng chặt chẽ và việc triển khai quy định xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng.

Năm 2025

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh lạm phát kéo dài và tình hình địa chính trị diễn biến phức tạp. Trong khi đó, kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP tăng 8,02%, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,31%, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu vận tải, tiêu thụ xăng dầu trong nước.

Tuy nhiên, hoạt động của Công ty vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động của thị trường năng lượng. Giá xăng dầu thế giới trong năm 2025 có xu hướng giảm do tình trạng dư cung và nhu cầu tiêu thụ tăng chậm, mặc dù các yếu tố địa chính trị tiếp tục gây biến động ngắn hạn. Đồng thời, xu hướng phát triển phương tiện sử dụng năng lượng sạch, đặc biệt là xe điện, cũng phần nào ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng nhu cầu xăng dầu trong nước.

Bên cạnh đó, Công ty còn đối mặt với áp lực gia tăng chi phí vận hành khi nhiều phương tiện vận tải đã xuống cấp, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng cao, trong khi hoạt động đầu tư thay thế phương tiện còn gặp khó khăn về thủ tục. Ngoài ra, việc tăng cường công tác quản lý, thanh tra trong lĩnh vực vận tải cũng làm gia tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Mặc dù vậy, với sự hỗ trợ từ Tập đoàn, cùng sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Công ty đã chủ động vượt qua khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động và duy trì tình hình tài chính ổn định.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Trong Quý I/2026, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động đáng kể từ biến động tỷ giá và giá dầu thế giới. Tại ngày 30/06/2026, tỷ giá bán ra USD/VND do Ngân hàng Nhà nước công bố đạt 26.315 VND/USD, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước và duy trì ở mức cao do đồng USD tăng giá trên thị trường quốc tế. Diễn biến này chủ yếu xuất phát từ căng thẳng địa chính trị toàn cầu, xu hướng gia tăng nhu cầu nắm giữ USD như tài sản an toàn, cùng khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục duy trì mức lãi suất cao trong bối cảnh áp lực lạm phát gia tăng. Việc tỷ giá USD/VND tăng cao đã làm gia tăng chi phí nhập khẩu xăng dầu, chi phí vốn và tạo áp lực lên hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại thời điểm đầu năm 2026.

Từ đầu năm 2026, thị trường dầu mỏ thế giới ghi nhận diễn biến tăng giá mạnh sau giai đoạn ổn định đầu năm. Tại thời điểm cuối tháng 3, giá dầu Brent đạt 118,35 USD/thùng, tăng hơn 80% so với đầu năm 2026. Đà tăng này chủ yếu xuất phát từ căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông, nguy cơ gián đoạn hoạt động vận chuyển qua Eo biển Hormuz cùng những bất ổn trong quan hệ giữa Mỹ và Iran, làm gia tăng lo ngại về nguy cơ đứt gãy nguồn cung năng lượng toàn cầu. Diễn biến trên nhanh chóng lan tỏa đến thị trường trong nước khi giá xăng tăng khoảng 26,75% và giá dầu diesel tăng hơn 90% so với đầu năm, tạo áp lực đáng kể lên chi phí nhiên liệu của các doanh nghiệp. Sang cuối tháng 3/2026, thị trường năng lượng

toàn cầu dần ổn định trở lại khi căng thẳng địa chính trị có dấu hiệu hạ nhiệt và hoạt động lưu thông qua Eo biển Hormuz từng bước được khôi phục. Đồng thời, nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc – quốc gia nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới – giảm khoảng 40% trong giai đoạn từ tháng 2 đến tháng 5/2026 do ảnh hưởng từ việc gián đoạn vận chuyển trước đó, qua đó góp phần làm suy giảm nhu cầu dầu thô trên thị trường quốc tế và tạo áp lực điều chỉnh giảm đối với giá dầu. Mặc dù vậy, thị trường năng lượng toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định khi chịu tác động đồng thời từ các rủi ro địa chính trị, chính sách của các quốc gia sản xuất dầu và diễn biến cung – cầu trên thị trường thế giới.

Đối với Công ty, biến động của giá xăng dầu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào, giá trị hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động và hiệu quả kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh và vận tải xăng dầu. Bên cạnh đó, sự biến động của giá nhiên liệu cũng có thể tác động đến kế hoạch nhập hàng, chính sách dự trữ, chi phí tài chính và hiệu quả quản trị dòng tiền. Trước bối cảnh này, Công ty tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động điều chỉnh kế hoạch nhập hàng và tồn kho phù hợp, đồng thời tăng cường quản trị nguồn vốn lưu động nhằm hạn chế tác động bất lợi từ biến động giá năng lượng và duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 20. Vốn điều lệ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh: phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định pháp luật

Bảng 21. Vốn kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I. Vốn chủ sở hữu	50.724.722.958	51.924.627.878	52.093.331.640
Vốn góp của chủ sở hữu	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.051.082.000	1.051.082.000	1.051.082.000
Quỹ đầu tư phát triển	10.465.846.218	10.465.846.218	10.465.846.218

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.176.154.740	5.376.059.660	5.544.763.422
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	4.176.154.740	5.376.059.660	5.544.763.422
II. Nợ phải trả	44.807.075.477	59.032.098.295	80.704.819.371
Nợ ngắn hạn	32.918.934.785	47.529.067.956	69.824.008.994
Nợ dài hạn	11.888.140.692	11.503.030.339	10.880.810.377
Tổng nguồn vốn kinh doanh	95.531.798.435	110.956.726.173	132.798.151.011

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Bảng 22. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I. Tài sản ngắn hạn	22.301.813.011	31.227.381.803	37.063.671.413
Tiền và tương đương tiền	1.152.528.774	1.206.133.863	2.746.106.198
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.044.508.652	20.807.704.905	23.530.106.615
Hàng tồn kho	8.539.201.794	7.923.455.655	8.953.630.732
Tài sản ngắn hạn khác	1.565.573.791	1.290.087.380	1.833.827.868
II. Tài sản dài hạn	73.229.985.424	79.729.344.370	95.734.479.598
Tài sản cố định	53.376.142.822	58.955.789.003	76.713.095.182
Tài sản dở dang dài hạn	6.404.834.750	6.404.834.750	6.797.751.416
Tài sản dài hạn khác	13.449.007.852	14.368.720.617	12.223.633.000
Tổng tài sản	95.531.798.435	110.956.726.173	132.798.151.011

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ của Công ty được trích theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ

Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/05/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a) Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với một số tài sản vừa sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vừa để cho thuê, Công ty không tách riêng phần cho thuê để trình bày ở chỉ tiêu bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b) Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp và phần mềm quản lý cửa hàng. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể:

- Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp được khấu hao với thời gian 84 tháng kể từ khi đưa vào sử dụng;
- Phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã khấu hao hết và còn sử dụng.

Doanh nghiệp luôn tuân thủ chính sách trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 23. Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tính đến thời điểm 30/06/2026
----------	----------	----------	----------------------------------

Số lượng người lao động (người)	255	265	268
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	15,95	17	19,31

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Trong giai đoạn 2024 đến thời điểm 30/06/2026, mức lương bình quân của người lao động tại Công ty duy trì xu hướng tăng ổn định, phản ánh sự cải thiện về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chính sách đãi ngộ nhân sự của Công ty. Tính đến thời điểm 30/06/2026, mức lương bình quân tiếp tục tăng lên 19,31 triệu đồng/người/tháng, cao hơn khoảng 13,6% so với mức bình quân năm 2025. Sự gia tăng này phản ánh nhu cầu nhân sự chất lượng cao trong hoạt động vận tải và kinh doanh xăng dầu, đồng thời cho thấy Công ty tiếp tục chú trọng nâng cao chế độ tiền lương, phúc lợi nhằm giữ chân người lao động, nâng cao năng suất lao động và tăng cường tính cạnh tranh trên thị trường lao động. Bên cạnh đó, số lượng lao động của Công ty cũng tăng từ 255 người năm 2024 lên 268 người tại thời điểm 30/06/2026, phù hợp với xu hướng mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty trong giai đoạn gần đây.

So với các doanh nghiệp cùng ngành trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu tại các khu vực như Hà Nội, Hoà Bình (Phú Thọ),..., mức lương bình quân của người lao động tại Công ty được đánh giá ở mức tương đối cạnh tranh và có xu hướng cải thiện tích cực qua các năm.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 24. Tình hình công nợ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng các khoản phải thu	11.044.508.652	20.807.704.905	23.530.106.615
Phải thu ngắn hạn	11.044.508.652	20.807.704.905	23.530.106.615
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng các khoản phải trả	44.807.075.477	59.032.098.295	80.704.819.371
Phải trả ngắn hạn	32.918.934.785	47.529.067.956	69.824.008.994
Phải trả dài hạn	11.888.140.692	11.503.030.339	10.880.810.377

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Công ty đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc.

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 25. Các khoản phải thu

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
----------	------------	------------	------------

I. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.044.508.652	20.807.704.905	23.530.106.615
Phải thu khách hàng	9.978.714.815	18.982.342.832	21.464.295.902
Trả trước cho người bán ngắn hạn	487.679.949	226.685.235	330.266.269
Phải thu ngắn hạn khác	578.113.888	1.598.676.838	1.735.544.444
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
Tổng các khoản phải thu	11.044.508.652	20.807.704.905	23.530.106.615

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Tình hình các khoản phải thu quá hạn: Công ty không có các khoản phải thu quá hạn.

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 26. Các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I. Nợ ngắn hạn	32.918.934.785	47.529.067.956	69.824.008.994
Phải trả người bán ngắn hạn	3.910.137.157	6.585.744.067	28.517.760.825
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	286.940.981	440.581.233	81.238.533
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	-	122.368.550
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	782.262.090	507.857.950	820.278.620
Phải trả người lao động	14.263.454.365	14.450.029.620	12.926.827.301
Chi phí phải trả ngắn hạn	80.683.641	88.586.569	5.191.653.284
Phải trả ngắn hạn khác	246.167.643	392.136.089	534.974.515
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.318.112.685	25.032.032.404	20.493.705.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31.176.223	32.100.024	1.135.202.166
II. Nợ dài hạn	11.888.140.692	11.503.030.339	10.880.810.377
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.888.140.692	11.503.030.339	10.880.810.377
Tổng các khoản nợ phải trả	44.807.075.477	59.032.098.295	80.704.819.371

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Tình hình thanh toán các khoản nợ trong 02 năm gần nhất

- Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính của Công ty đều được thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc trong những năm qua.
- Công ty không có các khoản nợ quá hạn

- Công ty không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 27. Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thuế giá trị gia tăng	484.088.758	174.255.614	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.788.674	145.980.432	716.314.742
Thuế thu nhập cá nhân	56.384.658	187.621.904	103.963.878
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	
Tổng cộng	782.262.090	507.857.950	820.278.620

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Công ty luôn tuân thủ các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật

2.1.8. Trích lập các quỹ

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên hàng năm. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm.

Việc trích lập các quỹ của PTH tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Số dư các quỹ từ năm 2024 đến nay được Công ty trình bày chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 28. Tình hình trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31.176.223	32.100.024	1.135.202.166
Quỹ đầu tư phát triển	10.465.846.218	10.465.846.218	10.465.846.218
Tổng cộng	10.497.022.441	10.497.946.242	11.601.048.384

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,68	0,66	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,42	0,49	
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,47	0,53	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,88	1,13	
3. Năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	7,17	6,45	
- Vòng quay vốn lưu động Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	vòng	32,08	24,88	
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	87,39	73,49	
4. Khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,61	0,81	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	4,31	5,21	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	8,32	10,47	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	900	1.535	

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Khả năng thanh toán

Tại thời điểm 31/12/2025, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty lần lượt ghi nhận ở mức 0,66 và 0,49 lần. Mặc dù các chỉ số này cho thấy những áp lực nhất định trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính tức thời, Công ty vẫn chủ động kiểm soát dòng tiền và duy trì năng lực thanh toán trong ngưỡng an toàn, đảm bảo không phát sinh nợ quá hạn và duy trì uy tín với các đối tác, tín dụng.

- Cơ cấu nguồn vốn và Hệ số nợ

Trong năm 2025, tỷ trọng nợ trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty có xu hướng gia tăng. Cụ thể, tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 đạt 59,032 tỷ đồng, tăng 14,225 tỷ đồng (tương ứng mức tăng khoảng 31,7%) so với năm 2024. Sự thay đổi này dẫn đến việc tăng hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu.

Việc tăng cường sử dụng đòn bẩy tài chính nằm trong chiến lược mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban điều hành cũng nhận định rõ những thách thức về rủi ro tài chính tiềm ẩn trong bối cảnh thị trường và lãi suất có nhiều biến động, từ đó sẽ có các biện pháp điều tiết cấu trúc vốn tối ưu trong giai đoạn tiếp theo.

- Hiệu quả hoạt động và Tỷ suất sinh lời

Kết quả kinh doanh năm 2025 ghi nhận sự cải thiện đáng kể về biên lợi nhuận. Các chỉ tiêu tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đều tăng trưởng so với năm 2024. Sự tăng trưởng này bắt nguồn từ hai yếu tố cốt lõi:

- Chính sách lãi gộp do Tập đoàn giao ổn định và duy trì ở mức bình quân cao.
- Sự bứt phá của doanh thu mảng vận tải nhờ sản lượng vận chuyển tăng mạnh.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

Chỉ số ROE năm 2025 đạt mức tăng trưởng ấn tượng, gấp 1,2 lần so với thực hiện năm 2024. Kết quả tích cực này được củng cố bởi:

- Sản lượng vận tải tăng trưởng vượt bậc (27%) so với cùng kỳ năm trước.
- Hiệu quả từ cơ chế khoán lãi gộp xăng dầu của Tập đoàn giúp Công ty tối ưu hóa chi phí bán hàng, đảm bảo biên lợi nhuận mục tiêu và nâng cao giá trị thặng dư cho cổ đông.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Không có

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt – Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 số 29/2025/KT-AV3-TC: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp”

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt – Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 số 24/2026/KT-AV3-TC: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 30. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (*)	Kế hoạch năm 2026 (**)	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	665.804.880.048	698.400.000.000	4,90%
Lợi nhuận sau thuế	5.376.059.660	5.700.000.000	6,03%
Vốn chủ sở hữu bình quân (***)	51.324.675.418	65.687.647.818	27,98%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,81%	0,82%	1,08%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	10,47%	8,68%	-17,16%
Tỷ lệ cổ tức (****)	9%	8%	-11,11%

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây

(*) Kết quả thực hiện năm 2025 căn cứ theo BCTC năm 2025 đã được kiểm toán

(**) Kế hoạch doanh thu thuần năm 2026 và kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua

(***) Vốn chủ sở hữu bình quân dự kiến trong năm 2026 được tính bằng vốn chủ sở hữu bình quân tại thời điểm 31/12/2025, trừ đi tổng số tiền trả cổ tức năm 2025 và cộng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán trong năm 2026 (Tổng cổ tức năm 2025 chi trả bằng tiền là 3.152.847.600 đồng và Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 17.515.820.000 đồng): $= 51.324.675.418 - 3.152.847.600 + 17.515.820.000 = 65.687.647.818$ đồng

(****) ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua mức chia cổ tức năm 2025 là 9% bằng tiền

4.1. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch cả năm 2026 được xây dựng trên cơ sở định hướng mở rộng thị trường, kiểm soát chi phí và sử dụng vốn hiệu quả. Những yếu tố then chốt giúp Công ty đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận được đặt ra bao gồm:

a) Kết quả hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm căn cứ theo Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2026

Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần của Công ty đạt 452 tỷ đồng, tăng 38,1% so với cùng kỳ năm trước và đạt gần 67,9% so với kết quả thực hiện năm 2025. Kết quả tăng trưởng tích cực này chủ yếu đến từ sự gia tăng doanh thu ở hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là kinh doanh xăng dầu và dịch vụ vận tải, lần lượt chiếm 73,17% và 26,08% doanh thu thuần của Công ty.

Cụ thể, doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu trong 6 tháng đầu năm tăng 39,67%, trong khi doanh thu dịch vụ vận tải tăng 34,01% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng trưởng này chủ yếu nhờ Công ty mở rộng và triển khai thực hiện các hợp đồng mới với nhiều đơn vị trong hệ thống Petrolimex, bao gồm Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình, Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội, Công ty Petrolimex Lạng Sơn, Công ty Petrolimex Bắc Ninh, cùng các chi nhánh và đơn vị liên quan

khác. Điều này cho thấy năng lực khai thác thị trường, uy tín thương hiệu và hiệu quả hoạt động vận tải của Công ty tiếp tục được củng cố.

Trong khi đó, giá vốn hàng bán đạt 405,69 tỷ đồng, tăng 36,9% so với cùng kỳ năm 2025, phù hợp với xu hướng tăng trưởng doanh thu và diễn biến tăng của giá nguyên vật liệu đầu vào. Đặc biệt, chi phí nguyên vật liệu tăng gần 54,34%, lên mức 48,485 tỷ đồng, chủ yếu do biến động mạnh của giá nhiên liệu trên thị trường. Tuy nhiên, nhờ tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn mức tăng chi phí, cùng với việc tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát hoạt động, Công ty vẫn duy trì được tăng trưởng lợi nhuận tích cực. Theo đó, lợi nhuận sau thuế lũy kế đến thời điểm 30/06/2026 đạt gần 5,545 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng mạnh so với số liệu 1,867 tỷ đồng của cùng kỳ năm 2026.

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 cho thấy Công ty có khả năng tiếp tục đà tăng trưởng tích cực trong bối cảnh thị trường xăng dầu vẫn tiềm ẩn nhiều biến động. Trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục tập trung vào công tác điều hành, kiểm soát chi phí, tối ưu hiệu quả khai thác phương tiện và mở rộng nguồn doanh thu nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Giải pháp trọng tâm để ra

- Chỉ đạo công tác bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD là mục tiêu hàng đầu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác an ninh, an toàn tại các CHXD và phương tiện vận tải xăng dầu;
- Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch SXKD;
- Tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, gia tăng sản lượng, năng suất lao động để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực và chất lượng phương tiện vận tải đáp ứng nhu cầu vận tải DOC của Tập đoàn.
- Triển khai ứng dụng rộng rãi phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho hợp lý để giảm thiểu thiệt hại khi giảm giá xăng dầu.
- Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn.
- Triển khai đầu tư thay thế, bổ sung năng lực vận tải; Chỉ đạo thực hiện xây dựng CHXD trên Quốc lộ 32, xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội (nay là Quốc lộ 32, xã Thạch Thất, Hà Nội) ngay sau khi được cấp giấy phép xây dựng; Đầu tư sửa chữa nâng cấp Cửa hàng xăng dầu Đồng Mai.

Các giải pháp Công ty đề ra được đánh giá tương đối đồng bộ, tập trung vào các yếu tố trọng tâm gồm bảo đảm an toàn vận hành, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng lực vận tải và tối ưu hiệu quả quản trị chi phí. Đây là những yếu tố quan trọng hỗ trợ tăng trưởng doanh thu và cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, việc đầu tư

bổ sung phương tiện vận tải, mở rộng và nâng cấp hệ thống cửa hàng xăng dầu sẽ góp phần nâng cao năng lực khai thác, gia tăng sản lượng và củng cố vị thế của Công ty trong hệ thống Petrolimex. Với nền tảng hoạt động ổn định cùng định hướng điều hành phù hợp, Công ty được đánh giá có cơ sở để hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đã đề ra.

4.2. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, FPTIS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Theo đó, chúng tôi nhận định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty được xây dựng theo hướng tăng trưởng thận trọng, phù hợp với bối cảnh thị trường xăng dầu và vận tải vẫn tiềm ẩn nhiều biến động về giá nguyên liệu, tỷ giá và chi phí đầu vào. Các chỉ tiêu kế hoạch được đánh giá có tính khả thi tương đối cao trên cơ sở kết quả hoạt động thực hiện trong năm 2025 và triển vọng thị trường hiện nay.

Cụ thể, Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần năm 2026 đạt 698,4 tỷ đồng, tăng 4,90% so với thực hiện năm 2025. Đây là mức tăng trưởng tương đối phù hợp trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ xăng dầu và vận tải hàng hóa tiếp tục được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế, đầu tư công và sự phục hồi của hoạt động sản xuất, logistics. Đồng thời, kế hoạch này cũng phản ánh định hướng tiếp tục mở rộng hoạt động vận tải và phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu của Công ty trong năm 2026.

Lợi nhuận sau thuế kế hoạch đạt 5,7 tỷ đồng, tăng 6,03% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng doanh thu. Điều này cho thấy Công ty kỳ vọng tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua tối ưu hóa công tác vận tải, nâng cao hiệu suất khai thác phương tiện, kiểm soát chi phí và cải thiện cơ cấu doanh thu. Trong bối cảnh giá dầu và chi phí đầu vào còn biến động, mức tăng trưởng lợi nhuận ở mức vừa phải được đánh giá là tương đối thận trọng và có cơ sở thực hiện.

Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu bình quân năm 2026 dự kiến tăng mạnh 34,13%, chủ yếu phản ánh định hướng tăng cường năng lực tài chính phục vụ hoạt động đầu tư mở rộng đội xe vận tải và triển khai các dự án cửa hàng xăng dầu mới. Tuy nhiên, do quy mô vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn tốc độ tăng lợi nhuận, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) dự kiến giảm từ 10,47% xuống còn 8,28%. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cũng giảm nhẹ từ khoảng 1% xuống 0,82%, cho thấy Công ty vẫn duy trì quan điểm điều hành thận trọng trong bối cảnh biên lợi nhuận ngành xăng dầu và vận tải chịu áp lực từ biến động giá nguyên liệu, tỷ giá và cạnh tranh thị trường.

Ngoài ra, Công ty dự kiến duy trì chính sách cổ tức ở mức 8% trong năm 2026, giảm nhẹ so với mức 9% của năm 2025. Việc điều chỉnh này được đánh giá phù hợp với nhu cầu giữ lại nguồn lực tài chính để phục vụ các kế hoạch đầu tư mở rộng và tăng cường năng lực vận tải trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, nhu cầu vận tải và tiêu thụ xăng dầu được dự báo tiếp tục gia tăng, cùng với lợi thế về hệ thống vận tải, thương hiệu và mạng lưới hoạt động trong hệ sinh thái của Petrolimex, kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty được đánh giá có tính khả thi tương đối cao. Tuy nhiên, kết quả thực tế vẫn có thể chịu ảnh hưởng từ các yếu tố như biến động giá dầu thế giới, tỷ giá USD/VND, chính sách điều hành thị trường xăng dầu và mức độ cạnh tranh trong ngành vận tải.

Chúng tôi lưu ý rằng, các nhận xét trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những thông tin thu thập có chọn lọc, không mang hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán hay tính chắc chắn của các số liệu dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo và nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020, các hạn chế với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Từ lúc Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (14/11/2000) đến nay đã quá thời hạn 3 năm nói trên, nên Bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Cổ đông lớn là cá nhân

Không có

2.2. Cổ đông lớn là tổ chức

Bảng 31. Thông tin về cổ đông lớn là tổ chức

STT	Tên cổ đông	Số Giấy CNDKDN	Năm thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật (tên, chức vụ)	Người đại diện theo ủy quyền của TCPH	Số lượng CP hiện tại (cổ phần)	Tỷ lệ CP nắm giữ, có quyền biểu quyết hiện tại (%)
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (*)	0100107370	1995	12.938.780.810.000	Việt Nam	Số 1, Phố Khâm Thiên, Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám - TP. Hà Nội	Phạm Văn Thanh - CTHĐQT Lưu Văn Tuyền - Tổng giám đốc	Lê Tự Cường - CTHĐQT; Nguyễn Từ Bình - Giám đốc; Nguyễn Tiến Cường - Phó Giám đốc	1.786.713	51

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 036/PLX-NQ-HĐQT ngày 06/02/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thống nhất nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex theo hướng sáp nhập vào Tập đoàn, Nghị quyết số 01/2025/PLX-NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và hợp đồng sáp nhập số 125/2025/PLX-PTC ngày 01/10/2025 ký giữa Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex, vào thời điểm hoàn thành Sáp nhập, Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex chấm dứt sự tồn tại, và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex. Tại thời điểm 21/11/2025, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoàn thành việc nhận chuyển quyền sở hữu 1.786.713 cổ phiếu PTH ngoài hệ thống giao dịch của SGDCXK tại VSDC.

2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

Bảng 32. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan

STT	Tên cổ đông lớn và người có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số lượng tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (cổ phần)	Tỷ lệ CP nắm giữ, có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (%)	Số lượng CP hiện tại (cổ phần)	Tỷ lệ CP nắm giữ, có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (%)	Số lượng CP dự kiến sau đợt chào bán (cổ phần)	Tỷ lệ CP nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán (%)
I	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (*)		1.786.713	51	1.786.713	51	2.680.070	51
1	Lê Tự Cường	Người đại diện vốn	108.743	3,10	108.743	3,10	163.115	3,10
2	Nguyễn Từ Bình	Người đại diện vốn	110.147	3,14	110.147	3,14	165.220	3,14
3	Nguyễn Tiến Cường	Người đại diện vốn	115.024	3,28	115.024	3,28	172.536	3,28

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 01/06/2026 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây do VSDC cung cấp

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 036/PLX-NQ-HĐQT ngày 06/02/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thống nhất nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex theo hướng sáp nhập vào Tập đoàn, Nghị quyết số 01/2025/PLX-NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và hợp đồng sáp nhập số 125/2025/PLX-PTC ngày 01/10/2025 ký giữa Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex, vào thời điểm hoàn thành Sáp nhập, Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex chấm dứt sự tồn tại, và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex. Tại thời điểm 21/11/2025, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoàn thành việc nhận chuyển quyền sở hữu 1.786.713 cổ phiếu PTH ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK tại VSDC.

2.4. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và người có liên quan của họ:

Bảng 33. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan

STT	Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ giữa Cổ đông sở hữu trên 10% với đối tượng giao dịch	Loại hợp đồng, giao dịch	Giá trị hợp đồng, giao dịch (triệu đồng)	Các điều khoản quan trọng khác	Tình trạng hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu	325.000	Mua bán các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
2	Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu	135.000	Mua bán các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
3	Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu	145.000	Mua bán các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
4	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	28.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
5	Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	33.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
6	Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	32.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
7	Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	12.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
8	Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	20.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ

STT	Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ giữa Cổ đông sở hữu trên 10% với đối tượng giao dịch	Loại hợp đồng, giao dịch	Giá trị hợp đồng, giao dịch (dự kiến) (triệu đồng)	Các điều khoản quan trọng khác	Tình trạng hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
	Nguyễn						
9	Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	20.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
10	Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	45.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ
11	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	Cùng Công ty mẹ	Hợp đồng vận chuyển xăng dầu	13.000	Vận chuyển các mặt hàng xăng dầu	Đang thực hiện	ĐHĐCĐ

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Phần này được cố ý để trống

2.5. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Cổ đông được nhận cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hằng năm của Công ty

2.6. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là Khách hàng/ Nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành**2.6.1. Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội**

Hoạt động chính : Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu
Địa bàn hoạt động: Hà Nội, các tỉnh miền Bắc

Mối quan hệ : Công ty con của cổ đông lớn – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

- SLCP mà cổ đông lớn nắm giữ : 3.238.493 cổ phần

- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn : 51,06%

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích : Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoạt động kinh doanh độc lập. Ngoài ra, hai công ty có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với HĐQT và BKS khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. HĐQT có trách nhiệm báo cáo và trình ĐHĐCĐ thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần)

2.6.2. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn

Hoạt động chính : Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu
Địa bàn hoạt động: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng

Mối quan hệ : Công ty con của cổ đông lớn – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

- SLCP mà cổ đông lớn nắm giữ : 5.372.215 cổ phần

- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn : 52,73%

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích : Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoạt động kinh doanh độc lập. Ngoài ra, hai công ty có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với HĐQT và BKS khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. HĐQT có trách nhiệm báo cáo và trình ĐHĐCĐ thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần)

2.6.3. Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng

Hoạt động chính	: Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu Địa bàn hoạt động: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Trị
Mối quan hệ	: Công ty con của cổ đông lớn – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- SLCP mà cổ đông lớn nắm giữ	: 1.122.000 cổ phần
- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn	: 51%
Phương án kiểm soát xung đột lợi ích	: Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoạt động kinh doanh độc lập. Ngoài ra, hai công ty có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với HĐQT và BKS khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. HĐQT có trách nhiệm báo cáo và trình ĐHĐCĐ thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần)

2.6.4. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Hoạt động chính	: Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu Địa bàn hoạt động: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Gia Lai, Khánh Hòa.
Mối quan hệ	: Công ty con của cổ đông lớn – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- SLCP mà cổ đông lớn nắm giữ	: 3.280.587 cổ phần
- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn	: 51%
Phương án kiểm soát xung đột lợi ích	: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoạt động kinh doanh độc lập. Ngoài ra, hai công ty có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với HĐQT và BKS khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. HĐQT có trách nhiệm báo cáo và trình ĐHĐCĐ thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần)

2.6.5. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế

Hoạt động chính	: Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu Địa bàn hoạt động: Huế, Quảng Trị, Đăk Lăk, Lâm Đồng
Mối quan hệ	: Công ty con của cổ đông lớn – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

- SLCP mà cổ đông lớn nắm : 1.377.000 cổ phần giữ

- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn : 51%

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích : Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoạt động kinh doanh độc lập. Ngoài ra, hai công ty có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với HĐQT và BKS khi có phát sinh lợi ích có liên quan với Công ty. HĐQT có trách nhiệm báo cáo và trình ĐHĐCĐ thông qua các hợp đồng, giao dịch theo đúng thẩm quyền (nếu cần)

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Vũ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT
Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Tự Cường – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Lê Tự Cường
Năm sinh	1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Kinh nghiệm công tác	
Thời gian	Chức vụ
- 05/1992 - 12/1993	Nhân viên nghiệp vụ - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1994 - 12/1995	Chuyên viên kinh doanh - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 - 09/1996	Phụ trách phòng KD XN XD K133 - Công ty Xăng

	dầu Hà Sơn Bình
- 10/1996 - 09/1999	Trưởng phòng KD XN XD K133 - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/1999 - 09/2000	Trưởng phòng KD - XN Vận tải & Dịch vụ - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/2000 - 12/2006	Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Kinh Doanh - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2007 - 04/2012	Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 04/2012 - 09/2015	Ủy viên HĐQT - Giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 10/2015 - 04/2016	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 04/2016 - 03/03/2018	Ủy viên HĐQT - Giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 03/03/2018 - 18/09/2020	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 18/09/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại TCPH	- Cá nhân sở hữu: 108.743 cổ phần, tương đương 3,1% VDL - Đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam: 714.685 cổ phần, tương đương 20,4% VDL - Những người có liên quan sở hữu: + Em dâu: Trần Thị Nhung: sở hữu 5,910 cổ phần, tương đương 0,17% VDL
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Trần Thị Nhung (mối quan hệ: Em dâu) là cổ đông của Công ty
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám	Không có

đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 0 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 611.712.000 đồng + Năm 2025: 726.331.273 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 401.796.000 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 95.464.000 đồng + Năm 2025: 131.384.000 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 41.822.452 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 74.347.700 đồng + Năm 2025: 97.868.700 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 92.975.265 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Nguyễn Tử Bình – Thành viên HĐQT, Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Tử Bình
Năm sinh	1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân Kinh tế kế hoạch, Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Kinh nghiệm công tác	
Thời gian	Chức vụ
- 01/1995 - 12/1995	Nhân viên cửa hàng DMN - Gas - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 - 12/1999	Chuyên viên Phòng kinh doanh - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2000 - 11/2000	Chuyên viên Phòng kinh doanh - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- 12/2000 - 12/2006	Đội trưởng Vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 04/2003	Ủy viên BKS - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2007 - 12/2010	Ủy viên BKS - Trưởng phòng KD - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2011 - 18/09/2020	Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 18/09/2020 - nay	Ủy viên HĐQT - Giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại TCPH	- Cá nhân sở hữu: 110.147 Cổ phần, tương đương 3,14% VDL - Đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam: 625.350 cổ phần, tương đương 17,85% VDL - Những người có liên quan sở hữu: + Vợ: Trần Mai Phương, sở hữu 165,385 cổ phần, tương đương 4,72% VDL
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Trần Mai Phương (mối quan hệ: Vợ) là cổ đông của Công ty
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 30.801.600 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 550.540.800 đồng + Năm 2025: 653.817.345 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 352.425.800 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác:

	+ Năm 2024: 87.817.600 đồng + Năm 2025: 120.637.600 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 39.411.207 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 77.102.900 đồng + Năm 2025: 99.132.300 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 94.175.685 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Nguyễn Tiến Cường - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Tiến Cường
Năm sinh	1973
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
– 09/1997 - 05/2000	Nhân viên bán xăng dầu - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
– 06/2000 - 03/2003	Đội phó Vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 04/2003 - 07/2004	Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc - Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình (Phú Thọ)
– 08/2004 - 12/2010	Ủy viên HĐQT - Giám đốc - Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình (Phú Thọ)
– 01/2011 - 05/2013	UV HĐQT - PGĐ GD - Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình (Phú Thọ)
– 06/2013 - nay	UV HĐQT - PGĐ - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 115.024 Cổ phần, tương đương 3,28% VDL - Đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam: 446.678 cổ phần, tương đương 12,75% VDL - Những người có liên quan sở hữu: Không có
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Không có
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 30.801.600 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 495.486.720 đồng + Năm 2025: 593.760.040 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 317.577.180 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 85.930.845 đồng + Năm 2025: 110.515.840 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 37.241.086 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 80.516.800 đồng + Năm 2025: 103.521.600 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 98.345.520 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Vũ Quang Tuấn – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Vũ Quang Tuấn
Năm sinh	1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán, Cử nhân Chính trị, Cử nhân Luật, Thạc sỹ Kinh tế
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
– 1992 - 1996	Chuyên viên Kế toán - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình, Kho xăng dầu K133
– 1996 - 1997	Phó trưởng phòng Kế toán - Xí nghiệp Xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
– 1997 - 1999	Trưởng phòng Kế toán Tài chính - Xí nghiệp Xăng dầu K133 Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
– 10/2000	Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 2000 - 2005	Phó phòng KTTC - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
– 2006 - 2011	Trưởng phòng KTTC - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
– 2012 - 2013	Trưởng phòng Tổng hợp Ban Tài chính kế toán - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
– 01/04/2013 - 30/06/2014	Kiểm soát viên - Các công ty CT khu vực 2, Tây Nam Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An
– 2014 - 2015	Phó giám đốc - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
– 2014 - 2015	Giám đốc - Chi nhánh Xăng dầu Sơn La
– 2016 - 31/5/2025	Chủ tịch - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
– 2016 - 03/03/2018	Chủ tịch HĐQT - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 01/6/2025 - nay	Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội
– 03/03/2018 - nay	Ủy viên HĐQT - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	01/6/2025 - nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng	Cá nhân sở hữu: 125.202 Cổ phần, tương đương

khoản tại tổ chức phát hành	3,57% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: + Vợ: Lê Minh Nguyệt, sở hữu 32.448 cổ phần, tương đương 0,92% VDL
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Lê Minh Nguyệt (mối quan hệ: Vợ) là cổ đông của Công ty
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 99.097.344 đồng + Năm 2025: 95.423.184 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 27.721.440 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 0 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 11.459.900 đồng + Năm 2025: 12.387.168 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 3.906.217 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 87.641.400 đồng + Năm 2025: 112.681.800 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 107.047.710 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Ông Vũ Quang Tuấn là Thành viên HĐQT tại CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, đồng thời là Chủ tịch tại Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội. Thông tin cụ thể về doanh nghiệp như sau: - Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội - Trụ sở chính: Số 26 Đức Giang, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội - Hoạt động chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí

	và các sản phẩm liên quan - Phân khúc khách hàng: Người tiêu dùng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, thương nhân nhượng quyền, thương nhân phân phối - Địa bàn hoạt động: Hà Nội - Sản phẩm, dịch vụ chính: Phân phối bán buôn xăng dầu, xăng dầu hàng không, nhiên liệu bay, nhiên liệu SAF, nhiên liệu sinh học, nhiên liệu tổng hợp, hydro, các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate... và các sản phẩm năng lượng khác - Mối quan hệ của đối tượng này và người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Vũ Quang Tuấn là Chủ tịch tại Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội (cùng thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) - Chức vụ đang nắm giữ: Chủ tịch - Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Ông Vũ Quang Tuấn kê khai đầy đủ, kịp thời các lợi ích liên quan và các chức vụ đang đảm nhiệm tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Vũ Quang Tuấn có trách nhiệm báo cáo và trình HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa 2 công ty theo đúng thẩm quyền (nếu cần)
--	--

Ông Bùi Trung Định – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Bùi Trung Định
Năm sinh	1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản lý Kinh tế
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
- 06/2001 - 03/2003	Nhân viên Đội vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 04/2003 - 12/2006	Đội phó Đội vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2007- 12/2010	Đội trưởng Đội vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2011- 03/2011	Trưởng phòng kinh doanh - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 03/2011 - 2017	Thành viên BKS - CTCP Vận tải và Dịch vụ

	Petrolimex Hà Tây
– 04/2017 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 173.523 Cổ phần, tương đương 4,95% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: + Vợ: Lê Thị Hoàng Yến, sở hữu 22.091 cổ phần, tương đương 0,63% VDL
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Lê Thị Hoàng Yến (mối quan hệ: Vợ) là cổ đông của Công ty
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
– Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
– Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 99.097.344 đồng + Năm 2025: 95.423.184 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 27.721.440 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 0 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 11.459.900 đồng + Năm 2025: 12.387.168 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 3.906.217 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 121.466.100 đồng + Năm 2025: 156.170.700 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 148.362.165 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có
---	----------

3.2. Ban kiểm soát

Bảng 34. Danh sách Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Dương Tú Oanh	Trưởng Ban kiểm soát
Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên Ban kiểm soát
Hoàng Đức Diện	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Bà Dương Tú Oanh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Dương Tú Oanh
Năm sinh	1972
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngành Kế toán doanh nghiệp
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
– 09/1993 - 12/1999	Công nhân xăng dầu - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
– 01/2000 - 09/2000	Chuyên viên kế toán - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
– 10/2000 - 07/2002	Chuyên viên phòng kinh doanh - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 08/2002 - 01/2006	Chuyên viên phụ trách kinh doanh, kế toán - Chi nhánh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
– 02/2006 - 03/2007	Phó Giám đốc - Chi nhánh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
– 04/2007 - 11/2013	Giám đốc - Chi nhánh CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
– 12/2013 - 01/05/2016	Phó Giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex

	Hà Tây
- 01/05/2016 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 61.329 Cổ phần, tương đương 1,75% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: + Chồng: Bùi Quốc Hoài, sở hữu 48.298 cổ phần, tương đương 1,38% VDL
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Bùi Quốc Hoài (mối quan hệ: Chồng) là cổ đông của Công ty
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	❖ Loại giao dịch: Vay tiền + Bên vay: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây + Bên cho vay: Bà. Dương Tú Oanh + Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 + Giá trị giao dịch: 800.000.000 đồng + Các điều khoản quan trọng khác: Không có + Cấp có thẩm quyền chấp thuận: HĐQT ❖ Loại giao dịch: Trả tiền vay + Bên trả: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây + Bên nhận: Bà. Dương Tú Oanh + Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 + Giá trị giao dịch: 1.659.508.793 đồng + Các điều khoản quan trọng khác: Không có + Cấp có thẩm quyền chấp thuận: HĐQT ❖ Loại giao dịch: Lãi vay nhập gốc + Bên trả lãi vay: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây + Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 + Giá trị giao dịch: 92.352.427 đồng + Các điều khoản quan trọng khác: Không có + Cấp có thẩm quyền chấp thuận: HĐQT ❖ Loại giao dịch: Lãi vay nhập gốc + Bên trả lãi vay: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây + Thời gian thực hiện: Trong năm 2024 + Giá trị giao dịch: 72.564.750 đồng + Các điều khoản quan trọng khác: Không có

	+ Cấp có thẩm quyền chấp thuận: HĐQT
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 0 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 495.486.720 đồng + Năm 2025: 567.830.131 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 317.557.180 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 80.935.840 đồng + Năm 2025: 105.805.840 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 37.241.086 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 42.930.300 đồng + Năm 2025: 55.196.100 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 52.436.295 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Ngô Ngọc Vĩnh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Ngô Ngọc Vĩnh
Năm sinh	1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh Thương mại
Kinh nghiệm công tác	
Thời gian	Chức vụ
- 01/1987 -03/1993	Công nhân xí nghiệp in - Tổng cục hậu cần
- 04/1993 - 07/1993	Bảo vệ - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 08/1993 - 06/1994	Đi học nghiệp vụ - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 07/1994 - 04/1996	Công nhân xăng dầu - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 05/1996 - 07/1996	Nhân viên bảo vệ - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

- 08/1996 - 12/1999	Lái xe con - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2000 - 11/2002	Lái xe con - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 12/2000 - 12/2004	Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2005 - 12/2006	Phó Phòng tổ chức hành chính - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2007 - nay	Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Ủy viên BKS - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 7.443 Cổ phần, tương đương 0,21% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: + Vợ: Hồ Thị Phương Hoa, sở hữu 14.153 cổ phần, tương đương 0,4% VDL
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Hồ Thị Phương Hoa (mối quan hệ: Vợ) là cổ đông của Công ty
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 79.277.880 đồng + Năm 2025: 84.820.608 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 24.641.280 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 293.076.000 đồng + Năm 2025: 344.771.145 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 235.939.000 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 28.717.905 đồng

	+ Năm 2025: 16.187.688 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 20.834.974 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 5.210.100 đồng + Năm 2025: 6.698.700 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 6.363.765 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Hoàng Đức Diện – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Hoàng Đức Diện
Năm sinh	1985
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Kỹ sư cơ khí ô tô, Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
– 06/2008 - 06/2009	Cố vấn - Hino motor Việt Nam
– 07/2009 - 11/2018	Chuyên viên - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 12/2018 - nay	Phó phòng QLKT - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 4/2022 – nay	Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng QLKT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 7.729 Cổ phần, tương đương 0,22% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: Không có
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ	Không có

của TCPH	
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 79.277.880 đồng + Năm 2025: 84.820.608 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 24.641.280 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 217.238.545 đồng + Năm 2025: 260.831.626 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 174.183.636 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 28.167.905 đồng + Năm 2025: 13.710.000 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 30.404.974 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 5.410.300 đồng + Năm 2025: 6.956.100 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 6.608.295 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

3.3. Ban Giám đốc

Bảng 35. Danh sách Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Từ Bình	Giám đốc
Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Đỗ Văn Định	Phó Giám đốc

Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc
Ngô Thị Vui	Kế toán trưởng

Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Tử Bình – Giám đốc: xem mục 3.1. Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tiến Cường – Phó Giám đốc: xem mục 3.1. Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Định – Phó Giám đốc

Họ và tên	Đỗ Văn Định
Năm sinh	1972
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
– 02/1993 - 06/1993	Chiến sỹ Đại đội trinh sát vô tuyến điện C25 - Lực lượng vũ trang
– 06/1993 - 02/1994	Học viên - Trường kỹ thuật và Đào tạo lái xe 255
– 02/1994 - 12/1999	Thiếu úy - Đại đội vận tải 25 - Sư đoàn 308
– 01/2000 - 01/2001	Nhân viên vận tải - Xí nghiệp vận tải và dịch vụ - Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
– 01/2001 - 07/2003	Nhân viên vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 07/2003 - 09/2007	Thủ kho - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 09/2007 - 12/2008	Chuyên viên QLKT - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 12/2008 - 06/2010	Đội phó Đội vận tải - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 06/2010 - 01/2011	Đội phó Đội vận tải, Xưởng phó XSC - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 01/2011 - 12/2013	Đội phó Đội vận tải, Xưởng trưởng XSC - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 12/2013 - 12/2018	Bí thư chi bộ 2, Phó phòng QLKT, Xưởng trưởng XSC - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
– 12/2018 - 06/2022	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ 2, Trưởng phòng kinh doanh vận tải - CTCP Vận tải và

	Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 06/2022 - nay	Phó giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 17.742 Cổ phần, tương đương 0,51% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: Không có
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Không có
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 0 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 495.486.720 đồng + Năm 2025: 583.253.240 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 320.742.780 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 80.935.840 đồng + Năm 2025: 105.805.840 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 37.241.086 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 12.419.400 đồng + Năm 2025: 158.967.800 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 15.169.410 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong	Không có

cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành

Ông Lê Hồng Tá – Phó Giám đốc

Họ và tên	Lê Hồng Tá
Năm sinh	1973
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm công tác	
<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
– 07/2003 - 10/2008	Trưởng tàu, Tàu dầu PTS 03 - Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
– 11/2008 - 12/2008	Chuyên viên, Phụ trách kinh doanh - Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
– 01/2009 - 06/2012	Phó giám đốc - Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
– 07/2012 - 05/2013	Phó giám đốc - Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình (Phú Thọ)
– 06/2013 - 05/2022	Giám đốc - Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình (Phú Thọ)
– 06/2022 - nay	Phó giám đốc - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 1.817 Cổ phần, tương đương 0,05% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: Không có
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Không có
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
– Thông tin về các hợp đồng, giao	❖ Loại giao dịch: Vay tiền

dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	+ Thời gian thực hiện: Trong năm 2024 + Giá trị giao dịch: 2.000.000.000 đồng + Giá trị lãi vay nhập gốc: 49.498.229 đồng + Các điều khoản quan trọng khác: Không có + Cấp có thẩm quyền chấp thuận: HĐQT
– Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Loại giao dịch: Trả tiền gốc, lãi vay + Thời gian thực hiện: Trong năm 2024 + Giá trị giao dịch: 2.049.498.229 đồng + Các điều khoản quan trọng khác: Không có + Cấp có thẩm quyền chấp thuận: HĐQT
	❖ Thù lao: + Năm 2024: 0 đồng + Năm 2025: 0 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 0 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 495.486.720 đồng + Năm 2025: 567.830.131 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 327.065.180 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác + Năm 2024: 80.935.840 đồng + Năm 2025: 109.805.840 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 38.441.086 đồng ❖ Cổ tức: + Năm 2024: 1.271.900 đồng + Năm 2025: 1.635.300 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 1.553.535 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Bà Ngô Thị Vui – Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngô Thị Vui
Năm sinh	1973
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ học vấn	Đại học
Năng lực chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp
Kinh nghiệm công tác	
Thời gian	Chức vụ
– 01/1994 - 12/1999	Nhân viên thống kê kế toán - Công ty Xăng dầu Hà

	Sơn Bình
- 01/2000 - 09/2000	Nhân viên KTTC - Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/2000 - 03/2007	Chuyên viên phòng KTTC - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 04/2007 - 04/2016	Phó phòng KTTC - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 05/2016 - nay	Kế toán trưởng - CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành	- Cá nhân sở hữu: 19.105 Cổ phần, tương đương 0,55% VDL - Đại diện theo ủy quyền: Không có - Những người có liên quan sở hữu: Không có
Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH	Không có
Lợi ích liên quan đối với TCPH	
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	❖ Thù lao: + Năm 2024: 63.422.300 đồng + Năm 2025: 77.839.048 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 19.713.024 đồng ❖ Tiền lương: + Năm 2024: 470.712.384 đồng + Năm 2025: 554.099.774 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 307.250.976 đồng ❖ Tiền thưởng và thu nhập khác: + Năm 2024: 77.839.048 đồng + Năm 2025: 107.461.048 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 29.106.481 đồng ❖ Cổ tức:

	+ Năm 2024: 13.373.500 đồng + Năm 2025: 17.194.500 đồng + Lũy kế đến Quý II/2026: 16.334.775 đồng
Các khoản nợ đối với TCPH	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu:

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 1.751.582 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá: 17.515.820.000 đồng (*bằng chữ: Mười bảy tỷ năm trăm mười lăm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

5. Giá chào bán dự kiến

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Phương pháp tính giá cổ phiếu: Bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

7. Phương thức phân phối

7.1. Đối tượng chào bán:

Tất cả cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

7.2. Tỷ lệ chào bán:

Tỷ lệ chào bán: 1:2 (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán)

Tại thời điểm lập phương án này, số cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 3.503.164 cổ phiếu và cổ phiếu quỹ là 0 cổ phiếu, số cổ phiếu đang lưu hành là 3.503.164 cổ phiếu.

7.3. Tỷ lệ thực hiện quyền

Tỷ lệ thực hiện: 2:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 2 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)

7.4. Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) và phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua:

- Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1255 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông sẽ có 1255 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được quyền mua thêm $1255 \times 1/2 = 627,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 627 cổ phiếu. Như vậy cổ đông A được mua 627 cổ phiếu chào bán thêm.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định tiếp tục phân phối cho đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc ra quyết định hủy bỏ số cổ phiếu nêu trên và kết thúc đợt chào bán
- Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

7.5. Phương thức phân phối:

Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu tương ứng tỷ lệ sở hữu của cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu, thời hạn và phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn đăng ký mua: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua sau khi Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.
- Phương thức đăng ký: Thực hiện quyền mua
- Thanh toán tiền mua cổ phiếu: Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện trong Quý III, IV/2026.

Bảng 36. Lịch trình dự kiến phân phối chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2026

STT	Hạng mục	Thời gian
1	Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực	D
2	Công bố thông tin chào bán cổ phiếu Thông báo VSDC về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu	D đến D+7
3	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu (Ngày đăng ký cuối cùng)	D+15
4	Các cổ đông thực hiện đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	D+22 đến hết D+89
5	Xử lý số cổ phiếu không bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua	D+22 đến hết D+89
6	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	D+95
7	Thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	D+100
8	Nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký với VSDC	D+105
9	Nộp hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán	D+105

Ghi chú:

- D là ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực
- Lịch trình phân phối của Công ty ở bảng nêu trên là lịch trình dự kiến. Tùy theo tình hình thực tế Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định về việc phân phối cổ phiếu trong thời hạn 90 ngày.
- Trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán không được phân phối hết, HĐQT Công ty sẽ xin gia hạn việc chào bán tối đa không quá 30 ngày theo quy định. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp với Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) để lập danh sách những người sở hữu cổ phiếu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt chào bán trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách

cổ đông, Công ty phối hợp với VSDC phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu do VSDC cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, VSDC gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu ký cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp sau khi có Giấy chứng nhận chào bán mà tình hình thực tế cần phải thay đổi thời gian dự kiến nêu trên thì Hội đồng quản trị Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Phương thức thực hiện quyền

Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần phổ thông đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

11.1. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.
- Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Để đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

11.2. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2026:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- Số tài khoản: 999668001
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có quy định.

14. Huỷ bỏ đợt chào bán

Không có quy định.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Phương án chi tiết đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây ở mức 0% theo công văn số 4448/UBCK-PTTT ngày 25/05/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo Danh sách cổ đông tại ngày 01/06/2026 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây do VSDC cung cấp như sau:

- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Phương án để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa khi thực hiện việc chào bán như sau:

- Khi thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 2:1 của phương án chào bán cổ phiếu, trường hợp toàn bộ cổ đông thực hiện quyền mua của mình sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại PTH.
- Đối với việc chuyển nhượng quyền mua để đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PTH: Các cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho Nhà đầu tư trong nước.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có): Hội đồng quản trị chỉ thực hiện phân phối tiếp cho Nhà đầu tư trong nước.

16. Các loại thuế có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng ... phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

16.1. Thuế áp dụng với Công ty

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, Công ty đang áp dụng thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế

16.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ, đối với nhà đầu tư cá nhân, thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức được xác định như sau:
 - Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhận với thuế suất 5%; và
 - Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

16.3. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, đối với nhà đầu tư tổ chức, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

Thu nhập tính thuế = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí chuyển nhượng cổ phiếu

Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư (20%)

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

Thu nhập tính thuế = Tổng doanh thu bán Cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng

Thuế suất = 0,1%

17. Thông tin về các cam kết

- Công ty cam kết thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán thành công trên hệ thống giao dịch chứng khoán đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu Kế hoạch
 - Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty thực hiện báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN theo quy định
 - Toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán thành công sẽ được Công ty đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Công ty cam kết: Công ty đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể: “Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích”.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được dùng để mua xe 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m³ vận chuyển xăng dầu.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 09/04/2026, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 17.515.820.000 đồng (tính theo giá chào bán), sẽ được phân bổ sử dụng như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng từ nguồn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Mua xe 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m ³ vận chuyển xăng dầu	17.515.820.000	Quý IV/2026

Tổng	17.515.820.000	
-------------	-----------------------	--

Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu đảm bảo lợi ích của cổ đông và đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp số lượng cổ phần chào bán không phân phối hết theo dự kiến và giá trị vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

1. Trình tự triển khai việc mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³

Căn cứ nhu cầu thực tế cấp bách về việc bổ sung phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã triển khai thực hiện việc mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³ vận chuyển xăng dầu theo trình tự như sau:

- Ngày 24/12/2025: Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương đầu tư phương tiện vận tải tại Nghị quyết số 167/QĐ-HĐQT-PTSHT;
- Từ ngày 05/02/2026 đến 25/04/2026: Công ty thực hiện các thủ tục liên quan để triển khai gói thầu “Mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³” bao gồm: Phê duyệt E-HSMT; Đăng tải và phát hành E-HSMT; Mở thầu trên hệ thống; Đánh giá E-HSDT; Thương thảo hợp đồng với nhà thầu; và lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Ngày 09/4/2026: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại Nghị quyết số 195/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ, theo đó phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán là để mua 05 xe ô tô xi téc sắt xăng dầu phục vụ hoạt động kinh doanh vận chuyển xăng dầu của Công ty;
- Ngày 28/4/2026: Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 198/NQ-HĐQT-PTSHT thông qua giao dịch với bên liên quan là Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai;
- Ngày 15/05/2026: Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 91/QĐ-GĐ-PTSHT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng; cùng ngày, Công ty ban hành Văn bản số 178/GĐ-PTSHT thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai;
- Ngày 18/05/2026: Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai ký Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDDN (Gói thầu: Mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³, tổng giá trị hợp đồng 17.550.000.000 đồng);
- Ngày 25/05/2026 Công ty có nhận được công văn số 0058/PMSĐN-KD ngày 25/05/2026 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai về việc đề xuất thay đổi tên mã hiệu sản phẩm.

Sau khi xem xét đề xuất của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai, nhận thấy (i) việc điều chỉnh tên mã hiệu sản phẩm và một số thông số kỹ thuật liên quan không làm thay

đổi bản chất, chủng loại, công năng, chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm theo Hợp đồng đã ký; (ii) các điều chỉnh về thông số kỹ thuật thuộc trong dung sai cho phép của Hồ sơ mời thầu, phù hợp với các Quy định qui chuẩn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iii) thông số kỹ thuật của mã hiệu sản phẩm mới tối ưu hơn sản phẩm nêu tại hồ sơ dự thầu và đảm bảo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng ngày 25/05/2026, Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai đã thống nhất ký phụ lục điều chỉnh phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN ký ngày 18/5/2026 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai và Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Dịch Vụ Petrolimex Hà Tây (Gói thầu: Mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22 m³).

- Ngày 03/06/2026: Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 204/2026/NQ-HĐQT triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;

- Ngày 12/06/2026 Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai đã tiến hành nghiệm thu, nhận bàn giao 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³ và đưa vào sử dụng.

2. Thông tin về tài sản: 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m³ vận chuyển xăng dầu

- Cơ sở pháp lý
 - Tờ trình Hội đồng quản trị Phương án đầu tư phương tiện vận tải năm 2026 số 363/PTSHT-TT-GĐ ngày 15/12/2025
 - Quyết định số 167/QĐ-HĐQT-PTSHT ngày 24/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt đầu tư phương tiện vận tải
 - Quyết định số 27/QĐ-GĐ-PTSHT ngày 30/01/2026 của Giám đốc về việc phê duyệt dự toán Mua sắm 05 xe ô tô xi téc chở nhiên liệu
 - Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN ngày 18/5/2026
 - Công văn số 0058/PMSĐN-KD ngày 25/05/2026 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai về việc đề xuất thay đổi tên mã hiệu sản phẩm.
 - Phụ lục cho Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN ký ngày 18/5/2026 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai và Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Dịch Vụ Petrolimex Hà Tây (Gói thầu: Mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22 m³) ngày 25/05/2026.
 - Biên bản nghiệm thu bàn giao xe đưa vào sử dụng ngày 12/06/2026
- Giấy chứng nhận đăng ký của 05 chiếc xe ô tô: số 29 00216259; số 29 00216280; số 29 00216258; số 29 00216260 và số 29 00216261.
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới của 5 xe: số 12381/26; số 12379/26; số 12380/26; số 12382/26 và số 12383/26
- Chủng loại, số lượng và thông số kỹ thuật
 - Chủng loại, số lượng

TT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng
1	Xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích 22m ³	Chiếc	05

- Thông số kỹ thuật

TT	Thông số kỹ thuật
----	-------------------

TT	Thông số kỹ thuật	
1	Năm sản xuất	2025
2	Chất lượng	Mới 100%
3	Kích thước tổng thể	
-	Dài (mm)	12.185
-	Rộng (mm)	2.495
-	Cao (mm)	3.330
4	Vết bánh xe trước/sau (mm)	2.060/1.850
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	260
6	Khoảng cách trục Lo (mm)	7.850 (1.700+4.850+1.300)
7	Khối lượng bản thân (kg)	14.100
8	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông không phải xin phép (kg)	15.770
9	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông không phải xin phép (kg)	30.000
10	Khả năng chịu tải lớn nhất trên cụm trục trước/sau của xe cơ sở (kg)	13.100/24.600
11	Số người cho phép chở kể cả người lái (người)	02
12	Loại động cơ	Diesel, 4 kỳ, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước (chất lỏng), phun dầu điện tử
13	Công thức bánh xe	8x4

TT	Thông số kỹ thuật	
14	Tiêu chuẩn khí thải	EURO 5
15	Dung tích xi lanh (cm ³)	9.960
16	Công suất lớn nhất (Kw)/Số vòng quay (vòng/phút)	280/1.900
17	Mô men xoắn lớn nhất (N.m)/số vòng quay (vòng/phút)	1.569/1.100
18	Hệ thống lái	Kiểu trục vít - ê cu bi, dẫn động cơ khí, có trợ lực thủy lực
19	Hệ thống truyền động – chuyển động	
-	Ly hợp	01 đĩa ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực khí nén
-	Loại hộp số	10 số tiến, 02 số lùi, dẫn động cơ khí
-	Cầu xe	Hộp liền; Cầu số 03 và 04
20	Lốp xe	Trục 1,2: Bánh đơn – 12R22.5; Trục 3,4: Bánh đôi – 12R22.5
21	Hệ thống treo	
-	Trục 1,2	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực, thanh cân bằng
-	Trục 3,4	Phụ thuộc, nhíp lá
22	Hệ thống phanh	
-	Phanh chính	Tang trống, dẫn động khí nén
-	Phanh đỗ	Tang trống, khí nén, lò xo tích năng tại các bầu phanh trục 2+3+4

TT	Thông số kỹ thuật	
-	Phanh phụ trợ	Phanh khí xả
23	Cabin	Kiểu lật với cơ cấu thanh xoắn và thiết bị khóa an toàn.
24	Ắc quy	Có
25	Máy phát điện	Có
26	Động cơ khởi động	Có
27	Radio	Có
28	Điều hòa	Có
29	Kính chỉnh điện	Có
30	Phần chuyên dùng	Chuyên chở xăng dầu
30.1	Xi téc	
-	Kiểu loại, dạng kết cấu	Thân téc có dạng elip được liên kết với nhau bằng kết cấu hàn
-	Thể tích xitec (m ³)	21,3
-	Vật liệu thân xi téc	Thép SS400, dày 4 mm
-	Số ngăn	05
-	Kích thước bao	
+	Dài (mm)	8.420/8.120
+	Rộng (mm)	2.400
+	Cao (mm)	1.380
30.2	Chôm và vách ngăn	

TT	Thông số kỹ thuật	
-	Kiểu loại, dạng kết cấu	Loại chòm mo, dạng hình elíp
-	Vật liệu	Thép SS400, dày 4 mm
30.3	Tấm chắn sóng	
-	Kiểu loại, dạng kết cấu	Dạng tấm liên kết bằng mối ghép hàn hoặc bu long
-	Vật liệu	Thép SS400, dày 1,2 mm
30.4	Chân xitec	Thép SS400, dày 5 mm
30.5	Cụm cổ xitec	
-	Cổ xitec	
+	Kiểu loại, dạng kết cấu	Hình trụ tròn, hàn chôn sâu dưới thân xitec
+	Vật liệu	Thép SS400 dày 3 mm
-	Nắp đáy	Kiểu nắp gài, bằng nhôm hoặc tương đương, có gioăng làm kín chịu được xăng dầu
-	Van hô hấp	Có
30.6	Thành bao (be) trên nóc	Thép SS400, dày 1,5 mm
30.7	Hộp để ống mềm	
-	Kiểu loại, dạng kết cấu	Dạng ống tròn
-	Vật liệu	Thép hoặc Nhôm
30.8	Hệ thống chuyên dụng	
-	Đường ống xuất	Ống thép Ø90
-	Van đáy bồn	Van điều khiển hơi

TT	Thông số kỹ thuật	
-	Van khóa đường ống xuất	Van bi mặt bích 3" (Ø90)
-	Các đầu đầu nối xả nhanh (đầu cái)	Theo quy chuẩn của ngành xăng dầu
-	Hệ thống thu hồi hơi	Ống thép Ø60
-	Bơm nhiên liệu	Kiểu cánh gạt, lưu lượng tối đa 30m ³ /h
-	Thùng bảo vệ van xả hàng	Bằng Thép SS400, dày 1,2 mm
30.9	Thiết bị phòng chống cháy nổ	
-	Xích tiếp đất	Có
-	Bình cứu hỏa	Có
-	Bắt tiếp địa	Có
30.10	Các chi tiết khác	
-	Thang leo	Thép ống Ø34
-	Sàn công tác phía trước/ sau	Thép gân nhám dày 4mm
-	Vè chắn bùn	Thép dày 1,5 mm
-	Cản hông	Thép hộp 30x60
-	Cản sau	Thép chắn dập dày 4mm

3. Thông tin đối tác:

- Cơ sở pháp lý
 - Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDDN ngày 18/5/2026
 - Phụ lục cho Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDDN ký ngày 18/5/2026 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai và Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Dịch Vụ Petrolimex Hà Tây (Gói thầu: Mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22 m³) ngày 25/05/2026.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai.
- Tên nhà thầu: Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai

- Địa chỉ: Lô 108-109-110, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3603377717 lần đầu ngày 17/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và thay đổi lần thứ 3 ngày 03/07/2026.
- Người đại diện theo pháp luật: Đoàn Đức Học – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cứu hộ, cứu sinh.
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Cải tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
2512 (Chính)	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: Sản xuất cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
2910	Sản xuất xe có động cơ Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ: xe bồn, xe ben, xe tải thùng, xe ép rác, xe cứu hỏa, xe trộn bê tông, sơ mi - rơ moóc và các loại xe thùng khác (thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
4100	Xây dựng nhà các loại
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô vận tải chuyên dùng
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Bán buôn xăng dầu (chỉ hoạt động khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và phù hợp với quy hoạch mạng lưới xăng dầu của tỉnh)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở công nghiệp, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
4690	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị, vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
3700	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Mối quan hệ giữa công ty với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai và Công ty đều chịu chung sự kiểm soát của Petrolimex, thuộc trường hợp người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán. Cụ thể:
 - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) là công ty mẹ của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
 - Petrolimex sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex (PGCC);
 - PGCC hiện sở hữu 46% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu;
 - Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu là công ty mẹ của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai.

Theo đó, HĐQT Công ty xem xét, thông qua theo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục về giao dịch với bên liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP), cụ thể Công ty đã ban hành Nghị quyết số 198/NQ-HĐQT-PTSHT ngày

28/4/2026 của HĐQT Công ty về việc thông qua giao dịch với bên liên quan là Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai.

4. Chi phí mua dự kiến

- Cơ sở pháp lý
 - Quyết định số 27/QĐ-GD-PTSHT ngày 30/01/2026 của Giám đốc về việc phê duyệt dự toán Mua sắm 05 xe ô tô xi téc chở nhiên liệu
 - Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN ngày 18/5/2026
 - Công văn số 0058/PMSDN-KD ngày 25/05/2026 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai về việc đề xuất thay đổi tên mã hiệu sản phẩm.
 - Phụ lục cho Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN ký ngày 18/5/2026 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai và Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Dịch Vụ Petrolimex Hà Tây (Gói thầu: Mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22 m³) ngày 25/05/2026.
 - Biên bản nghiệm thu bàn giao xe đưa vào sử dụng ngày 12/06/2026
- Giá trị dự toán

Căn cứ Điều khoản E-ĐKC 22 của Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN, Công ty được chậm thanh toán kể từ ngày 12/06/2026 đến hết ngày 30/06/2026 mà không phải chịu chi phí phát sinh; đối với các khoản thanh toán từ ngày 01/07/2026 đến hết ngày 31/12/2026 (thời hạn tối đa Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu là ngày 31/12/2026), ngoài tiền gốc mua xe là 17.550.000.000 đồng, Công ty phải chi trả thêm tiền lãi chậm thanh toán, xác định theo công thức chung:

Tiền lãi phải trả = 17.550.000.000 đồng × 8%/năm × Số ngày chậm trả thực tế (từ 01/07/2026 đến ngày thanh toán thực tế)/365 ngày.

Trường hợp Công ty thanh toán vào ngày chậm nhất theo Hợp đồng (31/12/2026, tương ứng 184 ngày chậm trả), chi phí chậm trả tối đa dự kiến phát sinh là 707.769.863 đồng, khi đó tổng số tiền tối đa Công ty phải thanh toán (gồm cả gốc và lãi) là 18.257.769.863 đồng.

- Phương thức thanh toán:

Căn cứ Điều khoản E-ĐKC 14.2 của Hợp đồng số 18-05-2026/HĐKT/PTSHT-CKXDĐN, phương thức thanh toán được hai bên thỏa thuận là thanh toán 01 lần: Chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu xuất trình đầy đủ chứng từ theo quy định.

- Nguồn vốn:

Công ty cam kết số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này sẽ được sử dụng để mua 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³ vận chuyển xăng dầu theo nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi chậm thanh toán, nếu có). Trường hợp số lượng cổ phần chào bán không phân phối hết theo dự kiến hoặc giá trị vốn huy động được không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phần thiếu hụt, đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

Phần này được cố ý để trống

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437958705

Fax: 024.6278.2905

Email: anviet@anvietcpa.com

Website: <http://www.anvietcpa.com/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT*****Trụ sở chính***

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: <https://www.fpts.com.vn/>

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: 028 6291 0607

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446

Fax: 0236 3553 888

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây như sau:

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu dùng để mua tài sản, cụ thể là mua sắm 05 xe ô tô xi téc sắt dung tích 22m³ là phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 70/2026/FPTS/FCF-HN/PTH ký ngày 02/03/2026 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây cung cấp. Bản cáo bạch này chỉ có giá trị để tham khảo, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

CTCP Chứng khoán FPT khuyến nghị các nhà đầu tư tham khảo thông tin Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây công bố thông tin trước khi quyết định mua cổ phần.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
LÊ TỰ CƯỜNG**GIÁM ĐỐC****NGUYỄN TỬ BÌNH****KẾ TOÁN TRƯỞNG****NGÔ THỊ VUI****ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
PHÓ GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
**NGUYỄN THU HIỀN**

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 10 năm 2025;
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 195/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026; Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 135/PTSHT-BB-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026; Tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu ngày 09/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 204/2026/NQ-HĐQT ngày 03/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
4. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 226/2026/NQ-HĐQT ngày 14/08/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
6. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính quý II năm 2026 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
7. Quyết định số 167/QĐ-HĐQT-PTSHT ngày 24/12/2025 của HĐQT Công ty v/v phê duyệt đầu tư phương tiện vận tải.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0500387891

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 11 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 20 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PETROLIMEX HATAY
TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT-STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PTS HA TAY.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km 17 Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 33535228

Số Fax: 024 33531214

Thư điện tử:

Website:

www.ptshatay.petrokimex.com.vn

3. Vốn điều lệ: 35.031.640.000 đồng.

*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ không trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn
mười nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.503.164

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ TỰ CƯỜNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/10/1969

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001069019969

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: LK 11-28 khu đô thị mới Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN TỬ BÌNH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 07/01/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001071024485

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 4, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Quang Hưng

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 30-06-2026

Số: 20389 Quyển 06 - SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

Số: 195 /PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026



NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần
Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây nhất trí thông qua các nội dung sau (*chỉ tiết các nội dung đính kèm*):

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026.
2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty; Một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng vận tải	M ³ .km	100.738.021	105.100.000
2	Sản lượng bán xăng dầu	M ³	29.006	30.000
3	Doanh thu	Tr đồng	665.985	698.395
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	6.801	7.200
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	5.376	5.700
6	Chia cổ tức	%	9	8
7	Nộp NSNN	Tr đồng	10.050	9.415
8	Tổng giá trị đầu tư trong kỳ	Tr đồng	17.212	36.420

- Trường hợp giá trị đầu tư tăng so với kế hoạch, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các trình tự thủ tục báo cáo Tập đoàn phê duyệt bổ sung kế hoạch trước khi thực hiện.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025.
4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. Trong đó, trả cổ tức năm 2025 với mức 9% bằng tiền.



5. Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2025; trong đó:

- Tổng tiền lương của Người quản lý (Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS) là 3.829.356.000 đồng.

- Tổng thù lao của các thành viên HĐQT không chuyên trách, thành viên BKS không chuyên trách là: 377.913.600 đồng.

6. Phương án về quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2026; trong đó:

- Tổng quỹ tiền lương của Người quản lý (Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS) dự kiến là 4.330.584.000 đồng.

- Tổng thù lao của các thành viên HĐQT không chuyên trách, thành viên BKS không chuyên trách dự kiến là: 659.957.760 đồng.

7. Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty PTS Hà Tây năm 2025. Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong ba đơn vị sau đây thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty PTS Hà Tây năm 2026 đó là:

- Công ty TNHH kiểm toán An Việt

- Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

8. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.

9. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty.

10. Phê duyệt ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu và hợp đồng vận tải xăng dầu năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này.

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 09/4/2026.

- Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay b/c)
- Sở GD&ĐT HN (công bố TT)
- Công bố TT trên website Cty
- HĐQT Tập đoàn XDVN (thay b/c)
- Các TV. HĐQT Cty (để chỉ đạo t/h)
- Các TV. BKS Cty (để kiểm soát)
- Ban GD Cty (để tổ chức t/h)
- Lưu VT, TK HĐQT Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Tự Cường



Số: 135 /PTSHT-BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026



BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (Công ty/PTS Hà Tây) đã được khai mạc vào hồi 8h30 ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường Văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Km17, QL6, phường Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội.

A. Tham dự Đại hội:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, các cổ đông/đại diện cổ đông PTS Hà Tây.

2. Khách mời tham dự:

Đại diện Cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam:

- Ông: Lưu Văn Tuyển – Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Tập đoàn).

- Các Ông/Bà Trưởng/ Phó các Ban thuộc Tập đoàn.

B. Diễn biến Đại hội:

I. Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông:

Ông Ngô Ngọc Vĩnh – Trưởng ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông như sau:

1. Tổng số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội là 84 người, trong đó Đại diện phần vốn của Tập đoàn là 03 người.

2. Tổng số cổ phần của các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội là 3.292.488 cổ phần chiếm 93,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

3. Tất cả 84 cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội đều đủ tư cách cổ đông, những người đại diện cổ đông đều được ủy quyền dự họp hợp pháp bằng văn bản.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành. Các cổ đông hiện diện có quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

II. Nội dung Đại hội:



MSI NIT 1.0.1 HN

1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu, chương trình Đại hội, Thê lệ biểu quyết: 100 % cổ đông dự họp tán thành.

2. Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội:

*** Đoàn chủ tịch Đại hội, gồm:**

- Ông Lê Tự Cường, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Chủ tọa Đại hội;

- Ông Nguyễn Tử Bình, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

- Ông Nguyễn Tiến Cường, ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

*** Thư ký Đại hội:**

Bà Ngô Thị Vui, Thư ký HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, cổ đông cá nhân.

*** Ban kiểm phiếu:**

1- Ông Đỗ Văn Định – Trưởng ban

2- Ông Nguyễn Thế Tài – Thành viên

3. Các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội:

3.1 Ông Lê Tự Cường, Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch năm 2026

3.2 Ông Nguyễn Tử Bình, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 mục tiêu định hướng và giải pháp năm 2026 của Ban quản lý điều hành Công ty.

3.3 Bà Dương Tú Oanh, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

4.3 Ông Nguyễn Tiến Cường, ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty trình bày: Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2025; Tờ trình Phương án về quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2026; Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty; Tờ trình phê duyệt ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu và hợp đồng vận tải xăng dầu năm 2026; Nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.

4. Thảo luận và phát biểu tại Đại hội:

Có 02 cổ đông phát biểu ý kiến:

Ông: Trịnh Minh Phúc - Cổ đông cá nhân:

Tôi thấy toàn bộ báo cáo trình bày tại Đại hội tuy năm 2025 có khó khăn nhưng Công ty đã đạt được kết quả tốt, tiền lương NLĐ tăng, tôi rất phấn khởi. Năm 2026 Tập đoàn XDVN trực tiếp chỉ đạo, Công ty phải đưa vào báo cáo những gì Tập đoàn đã chỉ đạo tốt, những gì cần Tập đoàn can thiệp, hỗ trợ. Ví dụ như việc ký kết hợp đồng vận tải với các Công ty xăng dầu thành viên. Tới đây việc kinh doanh vận tải phải có giá thành

tốt hơn vì Nhà nước có chỉ thị cho kinh tế tư nhân phát triển do vậy Công ty phải cạnh tranh được .

Là cổ đông của Công ty tôi rất phấn khởi được trả cổ tức năm 2025 tỷ lệ 9%. Tôi xin cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo, điều hành tốt hoạt động SXKD của Công ty.

Kế hoạch năm 2026: Chính phủ chỉ đạo tăng trưởng hai con số nhưng Công ty chỉ xây dựng các chỉ tiêu tăng trưởng một con số. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2026 đặt ra là 8% thấp hơn so với thực hiện năm 2025 là lý do gì.

Ông: Trịnh Quang Khanh - Cổ đông cá nhân:

Sau khi nghe các báo cáo, tờ trình được trình bày tại Đại hội tôi hoàn toàn nhất trí và đồng ý với các báo cáo, tờ trình đó.

Là cổ đông tôi xin được chia sẻ những khó khăn của Công ty chịu ảnh hưởng do địa chính trị, bão lụt, OPEC +,... Với sự chỉ đạo của Tập đoàn XDVN và nỗ lực của Công ty, Công ty đã đạt được kết quả tốt: Lợi nhuận, ROE, Thu nhập, cổ tức đều tăng so với năm 2024. Là nhà đầu tư tôi yên tâm đầu tư tại Công ty. Các mảng kinh doanh chính của Công ty đều có lãi, hoạt động kinh doanh đúng định hướng, tuân thủ pháp luật. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực. Kết quả kinh doanh đáng khích lệ. Tôi đồng ý việc Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty hiện tại đang quá thấp. Tại đây tôi xin cảm ơn HĐQT, Ban GD, Ban KS, Các phòng nghiệp vụ Công ty đã rất nỗ lực để đạt được KQKD và trả cổ tức với mức 9%. Cảm ơn Tập đoàn XDVN đã chỉ đạo, tạo cơ chế kinh doanh, tạo điều kiện thị trường cho Công ty.

Tôi đề nghị làm rõ thêm Báo cáo của Giám đốc về kế hoạch đầu tư năm 2026 là 36 tỷ đồng mà Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ có 17 tỷ đồng, như vậy số thiếu Công ty lấy vốn ở đâu để đầu tư, tại sao Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.

Nhà nước phấn đấu tăng trưởng hai con số, Tập đoàn chắc chắn cũng được Chính phủ giao chỉ tiêu tăng trưởng hai con số. Vậy mà Công ty đặt ra kế hoạch năm 2026 tăng trưởng có một con số. Công ty có 11 cửa hàng XD, mỗi CHXD phấn đấu tăng trưởng 10.000 m³ như vậy toàn Công ty sẽ tăng trưởng được ít nhất 8%, tuy nhiên cũng có địa bàn tăng trưởng khó như địa bàn Phú Thọ. Công ty phải quản trị cửa hàng thế nào để tăng trưởng sản lượng bán lẻ.

Tôi kiến nghị với Công ty: Xem xét lại kế hoạch sản lượng bán lẻ, tỷ lệ trả cổ tức năm 2026.

Kiến nghị với Tập đoàn XDVN: Đề nghị Tập đoàn xem xét cho Công ty được bán trực tiếp cho các đơn vị, đối tượng trực tiếp SXKD; Đề nghị Tập đoàn giao tăng chỉ tiêu sản lượng vận tải cho Công ty.

Cuối cùng, tôi xin ước cảm ơn Công ty đã nỗ lực để có được kết quả kinh doanh tốt, cổ tức cho cổ đông; Xin đọc cảm ơn Tập đoàn XDVN đã tạo điều kiện về cơ chế kinh doanh và thị trường cho Công ty.

Ông Lê Tự Cường – Chủ tọa Đại hội đã có ý kiến giải trình những ý kiến chất vấn của cổ đông Trịnh Minh Phúc và cổ đông Trịnh Quang Khanh. Thay mặt Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp của cổ đông Trịnh Minh Phúc và cổ đông Trịnh Quang Khanh.

Ông Lưu Văn Tuyển - TV HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Đại diện cổ đông chỉ phối phát biểu chỉ đạo tại Đại hội.

Với tư cách là đại diện cổ đông chi phối của Công ty, thay mặt Lãnh đạo Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chúc mừng Công ty đã được ĐHĐĐ năm 2026 thông qua 100% các nội dung, báo cáo của Công ty tại Đại hội.

Nhìn nhận năm 2025, tình hình kinh tế, chính trị phức tạp, chính sách thuế đối ứng... ảnh hưởng lớn đến HĐKD. Tổng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu toàn thị trường trong nước tăng 3,1%, tuy nhiên mức tăng trưởng của Tập đoàn là 10,2%, tương đương 1,9 triệu m³.

Những tồn tại của Công ty trong năm 2025: Vốn điều lệ duy trì mức 35 tỷ từ rất lâu; Chất lượng phương tiện không đảm bảo, xe cũ nát, đầu tư công nghệ ít, chưa quản lý hiệu quả đến từng tuyến đường/phương tiện vận chuyển; Năng lực quản lý điều hành còn chưa cao, phải đào tạo lái xe về văn hóa vì Công ty nằm trong chuỗi giá trị của Tập đoàn.

Năm 2026 Tập đoàn cam kết: Luôn đồng hành cùng Công ty, thị trường vận tải sẽ được sắp xếp lại và vận hành vận tải theo DOC. Đề nghị Công ty phải luôn tuân thủ các quy định của pháp luật; Từ giữa tháng 4/2026, Tập đoàn sẽ triển khai bán xăng E10, nhu cầu vận chuyển xăng E10 sẽ khác về đường vận động; Tập đoàn sẽ điều chỉnh cước vận chuyển kịp thời theo biến động của giá nhiên liệu; Tập đoàn sẽ giữ ổn định lãi gộp kinh doanh xăng dầu, đối với nhiên liệu chất lượng cao sẽ tăng lãi gộp; Đối với chính sách NLĐ Công ty phải quan tâm và có trách nhiệm đối với NLĐ thì Công ty mới phát triển được.

Đề nghị Công ty:

- Tập trung tái cơ cấu đoàn phương tiện;
- HĐQT Công ty phải tổ chức triển khai công nghệ số;
- Công ty phải có kế hoạch thay đổi nhận diện thương hiệu theo nhận diện thương hiệu mới của Tập đoàn, đầu tư hệ thống công nghệ, phần mềm kết nối với Tập đoàn;
- Tối ưu hóa chi phí, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật phải thường xuyên rà soát, đưa KPI vào để tối ưu hóa chi phí;
- Chuyển đổi số toàn diện trong quản lý vận tải;
- Tập trung công tác an toàn trên toàn diện các mặt hoạt động của Công ty;
- Nâng cao năng lực quản trị của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc;
- Quan tâm đến đời sống NLĐ;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Ông Lê Tự Cường – Chủ tọa Đại hội trân trọng cảm ơn ý kiến phát biểu của ông Lưu Văn Tuyển TV HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Đại diện cổ đông chi phối và xin hứa sẽ triển khai triệt để các giải pháp để hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch Tập đoàn giao.

6. Cổ đông biểu quyết đạt 100% nhất trí thông qua các nội dung Đại hội .

6.1 Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
Tổng số phiếu hợp lệ	3.292.488	
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	

Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.2 Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025, mục tiêu, định hướng và giải pháp năm 2026.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.3 Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.4 Thông qua Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.5 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.6 Thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2025 và Tờ trình Phương án về quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2026.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.7 Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.8 Thông qua Tờ trình nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	

Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

6.9 Thông qua Tờ trình ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu và hợp đồng vận tải xăng dầu năm 2026.

Tổng số phiếu biểu quyết	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu hợp lệ</i>	3.292.488	
<i>Tổng số phiếu không hợp lệ</i>	0	
Tổng số phiếu tán thành	3.292.488	chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến	0	chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết

7. Thư ký Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí là 3.292.488 phiếu chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện cổ đông dự họp.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực và được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua.

Ông Lê Tự Cường, Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Buổi họp kết thúc 11h30 cùng ngày./.

THƯ KÝ

Bà Ngô Thị Vui

CHỦ TỌA
CƠ PHÂN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX
HÀ TÂY

Ông Lê Tự Cường



Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1	Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
2	Tên cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
3	Mã cổ phiếu	:	PTH
4	Loại cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện nay	:	35.031.640.000 đồng
7	Số cổ phiếu đang lưu hành	:	3.503.164 cổ phiếu
8	Cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	1.751.582 cổ phiếu
10	Tổng giá trị cổ phần chào bán dự kiến (theo mệnh giá)	:	17.515.820.000 đồng
11	Phương thức chào bán	:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
12	Đối tượng chào bán	:	Tất cả cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện

		quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
13	Nguyên tắc xác định giá chào bán	: Bảng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu
14	Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
15	Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán (tính theo Giá chào bán)	: 17.515.820.000 đồng
16	Tỷ lệ chào bán	: 1:2 (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán)
17	Tỷ lệ thực hiện quyền	: 2:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 2 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)
18	Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) và phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua	- Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1255 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông sẽ có 1255 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được quyền mua thêm $1255 \times 1/2 = 627,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 627 cổ phiếu. Như vậy cổ đông A được mua 627 cổ phiếu chào bán thêm.</i> - Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tiếp tục phân phối (quyết định đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối, giá chào bán với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu) hoặc ra quyết định hủy bỏ số cổ phiếu nêu trên và kết thúc đợt chào bán. - Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ

		phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. - Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn <i>(nếu có)</i>), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
19	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. - Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. - Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
20	Phương thức phân phối	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu tương ứng tỷ lệ sở hữu của cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
21	Phương thức thanh toán	Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.
23	Phương án đảm bảo việc chào bán đáp ứng quy	ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua và triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp

	định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài		ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.
24	Thời gian dự kiến chào bán	:	Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện trong Quý III, IV/2026.
25	Hạn chế chuyển nhượng		- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng. - Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

II. MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là **17.515.820.000 đồng** (tính theo giá chào bán), sẽ được phân bổ sử dụng như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng từ nguồn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Mua xe 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m ³ vận chuyển xăng dầu	17.515.820.000	Trong năm 2026
Tổng		17.515.820.000	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu đảm bảo lợi ích của cổ đông và đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp số lượng cổ phần chào bán không phân phối hết theo dự kiến và giá trị vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN BỔ SUNG

Toàn bộ số cổ phần chào bán thêm sẽ được điều chỉnh tăng số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu theo quy định pháp luật.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại VSDC và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn tất việc chào bán phù hợp với quy định pháp luật.

IV. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ:

Sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu tại Điều 5 và cập nhật Phụ lục 01 trong Điều lệ Công ty theo Vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị cập nhật, sửa đổi các nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần cổ phiếu tại Điều 5 và Phụ lục 01 trong Điều lệ Công ty theo Vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu.

V. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN VÀ GIAO CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT thực hiện và hoàn tất các thủ tục liên quan đến triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- a. Triển khai phương án chào bán, quyết định thời điểm triển khai thực hiện phương án chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty, thực hiện các thủ tục cần thiết với cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu;
- b. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua, xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu theo yêu cầu của các cơ quan quản lý (nếu có), nhằm triển khai phương án chào bán cổ phiếu đạt được hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ Công ty và quyền lợi cổ đông Công ty;
- c. Điều chỉnh tỷ lệ chào bán, tỷ lệ thực hiện quyền cho phù hợp để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu chào bán không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- d. Thông qua và triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.
- e. Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ bảo đảm lợi ích cổ đông;
- f. Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;
- g. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty các nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu;
- h. Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết và lựa chọn thời điểm thích hợp để điều chỉnh tăng số lượng chứng khoán đăng ký tại VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu theo quy định;

- i. Lập phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật. Lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối, giá chào bán với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu) hoặc ra quyết định hủy bỏ số cổ phiếu nêu trên và kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn đối tượng phân phối phải đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.
- j. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được giao cho Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.
- k. Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc chào bán theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Lưu: VT, Hồ sơ Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CHỦ TỊCH
Lê Đức Cường

Số: 204 /2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**
(Về việc Triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu
ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 195/PTSHT-NQ-DHDCĐ ngày 09/04/2026;
- Căn cứ Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 135/PTSHT-BB-DHDCĐ ngày 09/04/2026
- Căn cứ Tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu ngày 09/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 04 ngày 03/6/2026;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã thảo luận và nhất trí thông qua nội dung dưới đây:

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị

quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 195/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026

Chi tiết như sau:

1	Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
2	Tên cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
3	Mã cổ phiếu	:	PTH
4	Loại cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu phổ thông
5	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Vốn điều lệ hiện nay	:	35.031.640.000 đồng
7	Số cổ phiếu đang lưu hành	:	3.503.164 cổ phiếu
8	Cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
9	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	1.751.582 cổ phiếu
10	Tổng giá trị cổ phần chào bán dự kiến (theo mệnh giá)	:	17.515.820.000 đồng
11	Phương thức chào bán	:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
12	Đối tượng chào bán	:	Tất cả cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
13	Nguyên tắc xác định giá chào bán	:	Bảng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu
14	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu
15	Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán (tính theo Giá chào bán)	:	17.515.820.000 đồng

16	Tỷ lệ chào bán	1:2 (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán)
17	Tỷ lệ thực hiện quyền	2:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 2 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)
18	Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) và phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua	- Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1255 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông sẽ có 1255 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được quyền mua thêm $1255 \times 1/2 = 627,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 627 cổ phiếu. Như vậy cổ đông A được mua 627 cổ phiếu chào bán thêm.</i> - Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định tiếp tục phân phối cho đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc ra quyết định hủy bỏ số cổ phiếu nêu trên và kết thúc đợt chào bán. - Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
19	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy

			định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. - Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. - Để đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước. - Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
20	Phương thức phân phối	:	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu tương ứng tỷ lệ sở hữu của cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
21	Phương thức thanh toán	:	Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.
22	Thời gian dự kiến chào bán	:	Dự kiến thực hiện trong Quý III, IV/2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.
23	Hạn chế chuyển nhượng	:	- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng. - Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là **17.515.820.000 đồng** (tính theo giá chào bán), sẽ được phân bổ sử dụng như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng từ nguồn phát	Thời gian sử dụng dự kiến
----	----------------------	---------------------------------------	---------------------------

		hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (đồng)	
1	Mua 05 chiếc xe ô tô 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22m ³ vận chuyển xăng dầu	17.515.820.000	Quý III, IV/2026
Tổng		17.515.820.000	

Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu đảm bảo lợi ích của cổ đông và đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp số lượng cổ phần chào bán không phân phối hết theo dự kiến và giá trị vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Thông qua phương án chi tiết đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định:

Phương án chi tiết đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây ở mức 0% theo công văn số 4448/UBCK-PTTT ngày 25/05/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo Danh sách cổ đông tại ngày 01/06/2026 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây do VSDC cung cấp như sau:

- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Phương án để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa khi thực hiện việc chào bán như sau:

- Khi thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 2:1 của phương án chào bán cổ phiếu, trường hợp toàn bộ cổ đông thực hiện quyền mua của mình sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại PTH.
- Đối với việc chuyển nhượng quyền mua để đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PTH: Các cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho Nhà đầu tư trong nước.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có): Hội đồng quản trị chỉ thực hiện phân phối tiếp cho các đối tượng khác là Nhà đầu tư trong nước.

Điều 4: Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chỉ đạo các phòng ban, cá nhân có liên quan thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu thành công.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;
- Ban GD (thực hiện);
- Lưu VP Công ty

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH
Lê Lưu Trường

Số: 226 /2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026



**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

*(Về việc Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu
ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 195/PTSHT-NQ-DHĐCD ngày 09/04/2026;
- Căn cứ Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 135/PTSHT-BB-DHĐCD ngày 09/04/2026
- Căn cứ Tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu ngày 09/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 204/2026/NQ-HĐQT ngày 03/6/2026;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 09/BB-PTSHT-HĐQT ngày 13/8/2026;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã thảo luận và nhất trí thông qua nội dung dưới đây:



Điều 1: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật. Bao gồm:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu;
2. Bản cáo bạch;
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 195/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026;
4. Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 135/PTSHT-BB-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026;
5. Tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu ngày 09/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
6. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 204/2026/NQ-HĐQT ngày 03/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
7. Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
8. Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
9. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
10. Hợp đồng tư vấn số 70/2026/FPTS/FCF-HN/PTH ký ngày 02/03/2026 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Công ty Cổ phần chứng khoán FPT;
11. Hợp đồng tư vấn số 187/2025/FPTS/FCF-HN/PTH ký ngày 21/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Công ty Cổ phần chứng khoán FPT;
12. Văn bản số 267/PTS-HĐQT ngày 04/6/2026 Cam kết của Hội đồng quản trị triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
13. Văn bản số 266/PTS-HĐQT ngày 04/6/2026 Cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
14. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 10 năm 2025; Giấy phép hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 1778 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 9 năm 2015, cấp lần thứ 2 ngày 27 tháng 12 năm 2021;
15. Hồ sơ liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Điều 2: Thông qua việc hủy bỏ nghị quyết Hội đồng quản trị số 205/2026/NQ-HĐQT ngày 04/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây về việc Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Điều 3: Điều khoản thi hành:



Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, triển khai thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;
- Ban GD (thực hiện);
- Lưu VP Công ty.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH

Lê Đức Cường



ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY**

Tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

PHÂN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	7
Điều 3. Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty	7
Điều 4. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	24
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	34
Điều 34. Thư ký công ty	37
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	38
Điều 36. Người điều hành Công ty	38
Điều 37. Giám đốc Công ty	38
Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc	39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	39
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	40
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát	40
Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	41
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	41
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	43
Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	44
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	44
Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý công ty	44
Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	45
Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát.....	45

Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	46
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	47
Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	48
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	48
Điều 53. Quyền điều tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	48
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	49
Điều 55. Phân phối lợi nhuận.....	49
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
Điều 56. Tài khoản ngân hàng	50
Điều 57. Năm tài chính.....	50
Điều 58. Chế độ kế toán	51
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	51
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	51
Điều 60. Báo cáo thường niên	52
Điều 61. Kiểm toán	52
CHƯƠNG XVI. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON.....	52
Điều 62. Đơn vị phụ thuộc và công ty con	52
Điều 63. Mối quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc.....	52
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	53
Điều 64. Con dấu	53
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP	53
Điều 65. Giải thể công ty.....	53
Điều 66. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	53
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	55
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi điều lệ	55
Điều 69. Ngày hiệu lực	55
PHỤ LỤC 01	57

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 09 tháng 04 năm 2026.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây*" trong Điều lệ này gọi tắt là Công ty;
2. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
3. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
4. "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
5. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
6. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
7. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
8. "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân *được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán*;
9. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;
10. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
11. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

12. "*Địa chỉ liên lạc*" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ hộ khẩu thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.

13. "*Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần*" là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

14. "*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*" là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.

15. "*Góp vốn*" là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

16. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

17. "*Cổ phần đã bán*" là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.

18. "*Cổ phần được quyền chào bán của Công ty*" là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.

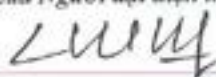
19. "*Cổ phần chưa bán*" là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.

20. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

21. "*Chào bán cổ phần*" là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

22. "*Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu*" là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

b) Tên tiếng Anh: HATAY PETROLIMEX TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT-STOCK COMPANY

d) Tên viết tắt: PTS HATAY

3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ: Km17 - Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

b) Điện thoại: 0243 3535 228

c) Fax: 0243 3531 214

d) Website: www.ptshatay@petrolimex.com.vn

5. Các chi nhánh trực thuộc:

Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình:

- Tên viết tắt: Chi nhánh PTS Hòa Bình

- Trụ sở đăng ký: Km47+800 Quốc lộ 6, Xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

6. Trừ trường hợp giải thể theo Điều 59 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu kinh doanh của Công ty:

a) Gia tăng giá trị cho vốn góp của cổ đông, mang lại lợi ích cho người lao động, cộng đồng; nâng cao giá trị cuộc sống; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Nâng cao hiệu quả kinh doanh trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và điều hành, nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tổ chức hợp lý thị trường, quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- a) Vận tải xăng dầu và hàng hóa;
- b) Kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas, nước giặt và vật tư hàng hóa khác;
- c) Đại lý bảo hiểm;
- d) Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- đ) Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- e) Dịch vụ cho thuê kho, bãi;
- g) Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

Điều 4. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

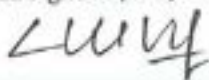
1. Vốn điều lệ của công ty là: 35.031.640.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba lăm tỷ không trăm ba một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.503.164 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.



6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thực được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

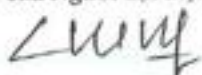
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của công ty, sẽ được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần



1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho công ty.

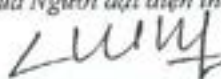
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu nêu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ tối đa không quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm thu hồi, theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.



CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc công ty.

Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán.

g) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

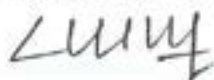
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f) Tổng số tiền thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;



h) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;

l) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

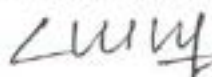
e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f) Lựa chọn công ty kiểm toán;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;



b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

6. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

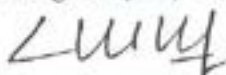
c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 12 của Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.



5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

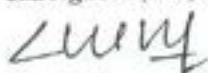
1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;



c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của công ty sẽ không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 15 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các quy định của công ty;

d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

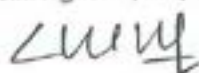
đ) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên website của công ty, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc



•

10

D. S. S.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

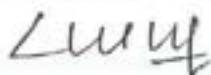
b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:



a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết, bầu cử trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được nêu rõ trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

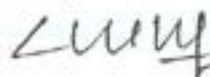
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;



- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

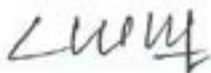
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.



6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

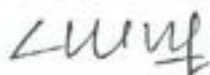
c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;



4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số công ty;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.



8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

j) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

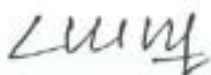
Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét triệu tập lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.



2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

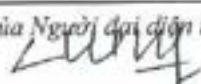
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật



Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - đ) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác theo phân cấp về công tác tổ chức cán bộ của công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quy chế của công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

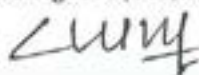
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 1, Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.



d) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp (ngoại trừ họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 34. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 36. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 37. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các Thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương, quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch lao động định biên của HĐQT công ty phê duyệt;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát Công ty có ba (03) Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường Ban kiểm soát

phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Trưởng ban kiểm soát và có quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
3. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
5. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
7. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

17. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các Biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác thực hiện theo quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy

định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao

dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử

dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tong giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 53. Quyền điều tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và

những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty sẽ phải lưu bản Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên Website của công ty.

CHƯƠNG XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp, mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Công ty không chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch tại sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ vào ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm Tài chính của công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính của công ty phải được công bố trên website của công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của công ty, tại trụ sở chính của công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Ban kiểm soát. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON

Điều 62. Đơn vị phụ thuộc và công ty con

Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với Nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua và quy định của Pháp luật.

Điều 63. Mối quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của công ty, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Công ty sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 64. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

Điều 65. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.
3. Hồ sơ giải thể công ty theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể công ty.
5. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 4 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể công ty đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 66. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:

a) Quyết định của công ty về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

c) Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

d) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;

đ) Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

4. Công ty có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

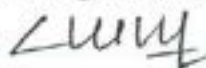
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với công ty; hoặc

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.



2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương, 69 Điều, được Đại hội đồng cổ đông công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 04 năm 2026.

2. Điều lệ được lập thành 11 bản, có giá trị như nhau, nơi gửi:

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát công ty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của công ty. Các cổ đông, cá nhân liên quan, các đơn vị trực thuộc công ty có trách nhiệm tuân thủ và thi hành Điều lệ này.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



LÊ TỰ CƯỜNG

PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY

STT	Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Ghi chú
1	2000	6.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập công ty
2	2003	6.500.000.000	Tăng vốn do nhận bàn giao tài sản kho Đồng Mai thuộc Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam)
3	2006	10.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và cổ đông hiện hữu
4	2009	16.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
5	2017	18.399.750.000	Trả cổ tức năm 2016 (tỷ lệ 15%) bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6	2018	21.894.780.000	Trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 19%) bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
7	2020	35.031.640.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu



BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Cường	Thành viên
Ông Bùi Trung Định	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Thành viên
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tử Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Văn Định	Phó Giám đốc
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Lê Tự Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Quyết định số 97/QĐ-HĐ-HĐQT-PTSHT ngày 18/9/2020 của Hội đồng quản trị ban hành quy định về phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Lê Tự Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Số: 29/2025/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/3/2025, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2986-2024-055-1

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 35372, Nguyên số 02... -SCT/BS

09-05-2026

Người thực hiện chứng thực
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Mai Khanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.301.813.011	20.427.841.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.152.528.774	4.071.947.891
1. Tiền	111	5	1.152.528.774	4.071.947.891
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.044.508.652	8.245.473.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.978.714.815	7.342.704.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		487.679.949	433.804.049
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	578.113.888	468.965.526
III. Hàng tồn kho	140		8.539.201.794	5.751.186.262
1. Hàng tồn kho	141	8	8.539.201.794	5.751.186.262
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.565.573.791	2.359.233.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	1.565.573.791	1.706.349.478
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	652.884.315
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.229.985.424	77.960.298.797
I. Tài sản cố định	220		53.376.142.822	58.272.481.430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.807.603.951	57.541.373.987
- Nguyên giá	222		182.094.448.977	174.068.447.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.286.845.026)	(116.527.073.515)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	568.538.871	731.107.443
- Nguyên giá	228		1.265.480.000	1.265.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.941.129)	(534.372.557)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.404.834.750	6.404.834.750
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	6.404.834.750	6.404.834.750
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.449.007.852	13.282.982.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	13.449.007.852	13.282.982.617
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		95.531.798.435	98.388.140.663

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.807.075.477	48.748.664.604
I. Nợ ngắn hạn	310		32.918.934.785	36.441.826.661
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.910.137.157	3.606.438.930
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		286.940.981	50.325.210
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	782.262.090	163.739.938
4. Phải trả người lao động	314		14.263.454.365	11.447.566.847
5. Chi phí phải trả	315	15	80.683.641	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	246.167.643	232.754.328
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.1	13.318.112.685	20.162.303.131
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.176.223	778.698.277
II. Nợ dài hạn	330		11.888.140.692	12.306.837.943
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.2	11.888.140.692	12.306.837.943
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.724.722.958	49.639.476.059
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	50.724.722.958	49.639.476.059
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18a	35.031.640.000	35.031.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.031.640.000	35.031.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.051.082.000	1.051.082.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	10.465.846.218	10.465.846.218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18b	4.176.154.740	3.090.907.841
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.176.154.740	3.090.907.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		95.531.798.435	98.388.140.663

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025
Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Tự Cường

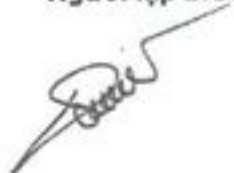
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2024

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	685.344.975.096	736.693.242.925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	685.344.975.096	736.693.242.925
4. Giá vốn hàng bán	11	21	624.405.243.698	684.089.408.084
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		60.939.731.398	52.603.834.841
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.874.086	122.082.660
7. Chi phí tài chính	22	23	1.957.700.201	1.779.188.034
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.853.434.670	1.607.626.899
8. Chi phí bán hàng	25	24.1	25.458.663.692	24.260.290.471
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.2	27.777.581.522	22.732.846.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.750.660.069	3.953.592.315
11. Thu nhập khác	31	25	98.139.363	414.608.929
12. Chi phí khác	32	26	326.407.201	414.881.847
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(228.267.838)	(272.918)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.522.392.231	3.953.319.397
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.346.237.491	862.411.556
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.176.154.740	3.090.907.841
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.192	700

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Tự Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.522.392.231	3.953.319.397
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	10,11	14.409.385.538	12.665.361.548
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(370.173)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22,25	(95.196.779)	(180.675.231)
- Chi phí lãi vay	06	23	1.853.434.670	1.607.626.899
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.689.645.487	18.045.632.613
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.146.150.417)	160.705.876
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.788.015.532)	5.341.083.214
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.891.009.194	213.248
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(25.249.548)	(3.551.903.779)
- Tiền lãi vay đã trả	14	23	(1.853.434.670)	(1.607.626.899)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(1.157.320.371)	(1.470.393.554)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.386.215.095)	(853.720.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.224.269.048	16.063.989.879
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	10	(9.513.046.930)	(23.404.849.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	25	90.909.091	177.463.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	4.287.688	5.640.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.417.850.151)	(23.221.745.143)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	18.144.689.079	16.756.446.941
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(25.407.576.776)	(4.178.536.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.463.320.490)	(3.474.886.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.726.208.187)	9.103.024.358
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.919.789.290)	1.945.269.094
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.071.947.891	2.126.678.797
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		370.173	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	1.152.528.774	4.071.947.891

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đinh Xuân Vũ

Ngô Thị Vui

Lê Tự Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, trụ sở đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500387891 ngày 14/11/2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 26/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại 31/12/2024 là 255 người (tại 01/01/2024 là 249 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình	Xã Lâm Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2024 là 25.310 VND/USD.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	đã khấu hao hết

Đối với một số tài sản vừa sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vừa để cho thuê, Công ty không tách riêng phần cho thuê để trình bày ở chỉ tiêu bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp và phần mềm quản lý cửa hàng. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể:

- Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp được khấu hao với thời gian 84 tháng kể từ khi đưa vào sử dụng;
- Phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã khấu hao hết và còn sử dụng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được bảo hiểm;
- Chi phí thuê cửa hàng và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 02 năm kể từ năm phát sinh;
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh, trong đó, chi phí sắm lắp xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo định ngạch của từng xe và số km lũy kế thực tế phát sinh trong kỳ;
- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, phí gửi xe təc... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là tiền ăn ca của người lao động được ước tính hợp lý trên cơ sở số thực chi đầu năm 2025.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo hoặc không xác định thời hạn trả nợ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 111/NQ-ĐHĐCĐ-PTSHT ngày 10/4/2024.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu và giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lãi mua hàng chậm trả, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Lãi mua hàng chậm trả là khoản lãi phát sinh do mua hàng chậm thanh toán với Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình được ghi nhận theo thông báo lãi hàng quý.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

4.19 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 13, 18, 20, 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***5. TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	723.245.819	1.675.495.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	429.282.955	2.396.452.786
Cộng	1.152.528.774	4.071.947.891

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.978.714.815	7.342.704.345
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	7.435.063.372	5.534.995.054
Công ty Xăng dầu Điện Biên	3.715.114.245	3.667.529.339
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	1.607.758.648	-
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	1.097.769.995	1.349.805.170
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.014.420.484	517.660.545
Các khoản phải thu của khách hàng khác	2.543.651.443	1.807.709.291
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.824.409.738	5.646.064.107
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	-	15.768.044
Công ty Xăng dầu Điện Biên	3.715.114.245	3.667.529.339
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	1.097.769.995	1.349.805.170
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	-	973.917
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	709.463.826	94.327.092
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.014.420.484	517.660.545
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	206.601.035	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	403.152.205	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	1.607.758.648	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	70.129.300	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	578.113.888	-	468.965.526	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	19.187.637	-	2.907.893	-
Phải thu khác	558.926.251	-	462.057.633	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	4.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.708.333.710	-	925.476.568	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	53.980.000	-
Hàng hóa	5.830.868.084	-	4.771.729.694	-
Cộng	8.539.201.794	-	5.751.186.262	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số đầu năm	6.404.834.750	6.260.900.000
Tăng trong năm	9.220.366.930	22.724.889.740
Mua sắm tài sản cố định	9.067.023.496	22.580.954.990
Xây dựng cơ bản	153.343.434	143.934.750
Giảm trong năm	9.220.366.930	22.580.954.990
Kết chuyển sang tài sản cố định	9.220.366.930	22.580.954.990
Số cuối năm	6.404.834.750	6.404.834.750

Chi tiết:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cửa hàng Xăng dầu Đại Đồng (*)	6.404.834.750	6.404.834.750
Cộng	6.404.834.750	6.404.834.750

(*) Là dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu hiện đại tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về đặc thù lĩnh vực đầu tư, an toàn phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật, thẩm mỹ, cũng như về an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Vốn đầu tư của dự án: khoảng 14,9 tỷ đồng.
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm.
- Địa điểm thực hiện dự án: Km34+700 Quốc lộ 32, xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
- Tiến độ thực hiện dự án: quý I/2025 - quý IV/2026.

Năm 2023 và 2024, Công ty không phát sinh thêm chi phí đầu tư do chưa được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 08/3/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 1325/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời, chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MÃ SỐ B09 -

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: \
					Cô
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	14.656.510.328	6.070.741.161	153.047.616.467	293.579.546	174.068.447.5
Tăng trong năm	153.343.434	-	9.359.703.496	-	9.513.046.9
Mua sắm	-	-	9.359.703.496	-	9.359.703.4
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	153.343.434	-	-	-	153.343.4
Giảm trong năm	-	-	1.487.045.455	-	1.487.045.4
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.487.045.455	-	1.487.045.4
Số cuối năm	14.809.853.762	6.070.741.161	160.920.274.508	293.579.546	182.094.448.9
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	12.959.218.390	4.715.379.660	98.558.895.919	293.579.546	116.527.073.5
Tăng trong năm	365.335.381	442.801.703	13.438.679.882	-	14.246.816.9
Khấu hao trong năm	365.335.381	442.801.703	13.438.679.882	-	14.246.816.9
Giảm trong năm	-	-	1.487.045.455	-	1.487.045.4
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.487.045.455	-	1.487.045.4
Số cuối năm	13.324.553.771	5.158.181.363	110.510.530.346	293.579.546	129.286.845.0
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	1.697.291.938	1.355.361.501	54.488.720.548	-	57.541.373.9
Số cuối năm	1.485.299.991	912.559.798	50.409.744.162	-	52.807.603.9

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 67.183.673.500 VND (tại ngày 01/01/2024 là 39.711.451.664 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	1.265.480.000	1.265.480.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.265.480.000	1.265.480.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	534.372.557	534.372.557
Tăng trong năm	162.568.572	162.568.572
Khấu hao trong năm	162.568.572	162.568.572
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	696.941.129	534.372.557
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	731.107.443	731.107.443
Số cuối năm	568.538.871	568.538.871

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024 là 127.500.000 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
12.1 Ngắn hạn	1.565.573.791	1.706.349.478
Chi phí bảo hiểm	1.262.283.289	1.426.891.802
Chi phí khác	303.290.502	279.457.676
12.2 Dài hạn	13.449.007.852	13.282.982.617
Chi phí thuê cửa hàng	4.489.663.550	6.695.257.553
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.979.481.825	3.957.752.476
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.432.047.188	-
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	1.162.380.228	1.198.714.752
Chi phí khác	385.435.061	1.431.257.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	3.910.137.157	3.910.137.157	3.606.438.930	3.606.438.930
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.246.652.479	3.246.652.479	-	-
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực I</i>	<i>2.673.312.641</i>	<i>2.673.312.641</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ và Xây lắp Tân Hoàng Phát</i>	<i>573.339.838</i>	<i>573.339.838</i>	-	-
Các khoản phải trả đối tượng khác	663.484.678	663.484.678	3.606.438.930	3.606.438.930
 Phải trả người bán là các bên liên quan	 3.242.406.386	 3.242.406.386	 3.350.656.013	 3.350.656.013
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.687.334.868</i>	<i>2.687.334.868</i>
<i>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>	<i>181.744.090</i>	<i>181.744.090</i>	<i>184.819.745</i>	<i>184.819.745</i>
<i>Công ty CP Tín học Viễn thông Petrolimex</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>478.501.400</i>	<i>478.501.400</i>
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực I</i>	<i>2.673.312.641</i>	<i>2.673.312.641</i>	-	-
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i>	<i>379.789.655</i>	<i>379.789.655</i>	-	-
<i>Công ty Xăng dầu B12</i>	<i>7.560.000</i>	<i>7.560.000</i>	-	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	38.188.833	5.111.789.343	4.665.889.418	484.088.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.871.554	1.346.237.491	1.157.320.371	241.788.674
Thuế thu nhập cá nhân	72.679.551	725.048.303	741.343.196	56.384.658
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	254.257.093	254.257.093	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	642.234.141	642.234.141	-
Cộng	163.739.938	8.079.566.371	7.461.044.219	782.262.090

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	80.683.641	-
Tiền ăn ca	80.683.641	-

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	246.167.643	232.754.328
Cổ tức phải trả	165.894.700	177.000.390
Kinh phí công đoàn	33.733.271	47.273.705
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.539.672	8.480.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.797.625.056	51.346.193.274
Tăng trong năm trước	-	-	-	3.090.907.841	3.090.907.841
Lãi trong năm	-	-	-	3.090.907.841	3.090.907.841
Giảm trong năm trước	-	-	-	4.797.625.056	4.797.625.056
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.797.625.056	4.797.625.056
Số đầu năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	3.090.907.841	49.639.476.059
Tăng trong năm nay	-	-	-	4.176.154.740	4.176.154.740
Lãi trong năm	-	-	-	4.176.154.740	4.176.154.740
Giảm trong năm nay	-	-	-	3.090.907.841	3.090.907.841
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.090.907.841	3.090.907.841
Số cuối năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.176.154.740	50.724.722.958

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Dịch vụ	17.867.130.000	17.867.130.000	17.867.130.000	17.867.130.000
Xăng dầu Petrolimex				
Các cổ đông khác	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000
Cộng	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000

GAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số đầu năm	35.031.640.000	35.031.640.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	35.031.640.000	35.031.640.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số đầu năm	3.090.907.841	4.797.625.056
Tăng trong năm	4.176.154.740	3.090.907.841
Lãi trong năm	4.176.154.740	3.090.907.841
Giảm trong năm	3.090.907.841	4.797.625.056
Phân phối lợi nhuận năm trước	3.090.907.841	4.797.625.056
Chia cổ tức bằng tiền	2.452.214.800	3.503.164.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	638.693.041	1.294.461.056
Số cuối năm	4.176.154.740	3.090.907.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***c. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.503.164	3.503.164
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.503.164	3.503.164
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>3.503.164</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.503.164	3.503.164
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>3.503.164</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngoại tệ các loại	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	139,43	239,43

20. DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	685.344.975.096	736.693.242.925
Doanh thu bán xăng dầu chính	521.223.566.656	590.234.444.911
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	2.699.032.883	3.892.275.347
Doanh thu bán hàng hóa khác	334.395.929	540.639.634
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	160.635.544.460	141.150.269.100
Doanh thu dịch vụ khác	452.435.168	875.613.933
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	685.344.975.096	736.693.242.925
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	157.664.173.121	138.309.233.229
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>2.979.720</i>	<i>89.903.580</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>39.130.078.271</i>	<i>35.969.275.382</i>
<i>Công ty Xăng dầu Thái Bình</i>	<i>4.732.527</i>	<i>23.801.312</i>
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>	<i>6.193.956.056</i>	<i>1.924.197.427</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i>	<i>56.614.014.838</i>	<i>78.924.873.221</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh</i>	<i>17.357.010.934</i>	<i>18.102.692.748</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>	<i>9.106.290.895</i>	<i>3.274.489.559</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh</i>	<i>2.451.199.558</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam</i>	<i>2.650.592.709</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La</i>	<i>21.947.921.568</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc</i>	<i>2.205.396.045</i>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	490.920.382.425	562.318.461.830
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	2.413.352.190	3.637.999.648
Giá vốn của hàng hóa khác đã bán	277.894.367	478.380.984
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ	130.684.267.348	117.386.071.786
Giá vốn của dịch vụ khác	109.347.368	268.493.836
Cộng	624.405.243.698	684.089.408.084

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	4.287.688	5.640.961
Lãi chênh lệch tỷ giá	586.398	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	116.441.699
Cộng	4.874.086	122.082.660

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	1.853.434.670	1.607.626.899
Lãi mua hàng trả chậm	104.265.531	171.561.135
Cộng	1.957.700.201	1.779.188.034

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
24.1 Chi phí bán hàng	25.458.663.692	24.260.290.471
Chi phí nhân viên	13.466.818.026	13.060.236.845
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.991.845.666	11.200.053.626
24.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.777.581.522	22.732.846.681
Chi phí nhân viên	11.656.365.190	10.351.026.601
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.121.216.332	12.381.820.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	90.909.091	177.463.636
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	(2.429.367)
Các khoản khác	7.230.272	239.574.660
Cộng	98.139.363	414.608.929

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản bị phạt	197.126.941	157.680.301
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	43.316.292	-
Các khoản khác	85.963.968	257.201.546
Cộng	326.407.201	414.881.847

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.592.257.759	53.380.416.170
Chi phí nhân công	67.389.365.438	59.811.785.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.409.385.538	12.665.361.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.187.086.044	24.411.538.174
Chi phí bằng tiền khác	14.451.765.151	14.378.600.932
Cộng	184.029.859.930	164.647.702.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	5.522.392.231	3.953.319.397
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	666.921.324	341.038.381
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	198.194.688	183.358.080
Các khoản bị phạt	197.126.941	157.680.301
Khấu hao của xe ô tô vượt mức quy định	71.157.099	-
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	43.316.292	-
Chi phí không được trừ khác	157.126.304	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	370.173	-
Lãi CLTG đánh giá lại của tiền năm nay	370.173	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	6.188.943.382	4.294.357.778
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (6)=(4)*(5)	1.237.788.676	858.871.556
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (7)	108.448.815	3.540.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6)+(7)	1.346.237.491	862.411.556

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	4.176.154.740	3.090.907.841
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	638.693.041
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	4.176.154.740	2.452.214.800
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.503.164	3.503.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	1.192	700

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2023 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 111/NQ-ĐHĐCĐ-PTSHT ngày 10/4/2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2024 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

31. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Công ty mẹ	-	659.717.092.519
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	111.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	249.368.117	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Cùng Công ty mẹ	2.921.364	-
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng Tập đoàn	2.928.180.960	3.746.661.303
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	325.259.080
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	402.717.236.593	198.282.997
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng Tập đoàn	5.590.639.052	6.618.221.343
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Cùng Tập đoàn	267.009.054	121.782.540
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Tập đoàn	710.545.000	1.165.440.800
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Cùng Tập đoàn	1.322.196.925	881.186.580
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Cùng Tập đoàn	41.607.911	-
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	1.205.513.835	539.997.354
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	Cùng Tập đoàn	-	28.307.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	-	8.014.000.000
Công ty Xăng dầu B12	Cùng Tập đoàn	47.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	Cùng Tập đoàn	1.278.677.693	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	Cùng Tập đoàn	706.226.272	-
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	63.045.846	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hải Dương	Cùng Tập đoàn	14.185.820	-
Công ty Xăng dầu Khu vực I	Cùng Tập đoàn	127.392.070.824	-
Công ty Xăng dầu Khu vực III	Cùng Tập đoàn	401.146	-
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Cùng Tập đoàn	2.761.818	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sơn La	Cùng Tập đoàn	27.206.430	-
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn	2.776.818	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	Cùng Tập đoàn	109.550.012	-
Lãi mua hàng chậm trả			
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Công ty mẹ	-	171.561.135
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	104.265.531	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Dương Tú Oanh	Nguyễn Phó Giám đốc		
Vay tiền		-	1.200.000.000
Lãi vay nhập gốc		72.564.750	899.507
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc		
Vay tiền		2.000.000.000	-
Lãi vay nhập gốc		49.498.229	-
Trả tiền gốc, lãi vay		2.049.498.229	-
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Công ty mẹ		
Cổ tức đã trả		1.250.699.100	1.786.713.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	763.836.000	495.758.000
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	99.097.344	91.679.040
Ông Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	99.097.344	91.679.040
Ông Nguyễn Tử Bình	Giám đốc	685.309.200	446.900.000
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc	663.052.880	394.674.200
Ông Đỗ Văn Định	Phó Giám đốc	504.756.880	386.585.023
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc	663.052.880	507.335.377
Bà Dương Tú Oanh	Trưởng BKS	639.726.880	365.368.200
Ông Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên BKS	458.532.780	403.632.852
Ông Hoàng Đức Diện	Thành viên BKS	368.581.325	327.926.755

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng dầu và bộ phận khác.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ;
- Bộ phận kinh doanh xăng dầu: kinh doanh xăng dầu chính;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024**

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	50.928.430.275	2.310.375.795	137.336.752	53.376.142.822
Xây dựng cơ bản	-	6.404.834.750	-	6.404.834.750
Các khoản phải thu	9.781.714.427	1.151.762.102	111.032.123	11.044.508.652
Hàng tồn kho	2.708.333.710	4.281.465.353	1.549.402.731	8.539.201.794
Tài sản không phân bổ				16.167.110.417
Cộng				95.531.798.435
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	1.042.915.393	3.053.102.296	181.744.090	4.277.761.779
Các khoản vay	11.888.140.692	13.318.112.685	-	25.206.253.377
Nợ phải trả không phân bổ				15.323.060.321
Cộng				44.807.075.477

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2024

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	160.635.544.460	521.223.566.656	3.485.863.980	685.344.975.096
Giá vốn hàng bán	130.684.267.348	490.920.382.425	2.800.593.925	624.405.243.698
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	24.119.418.987	28.645.641.675	471.184.552	53.236.245.214
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	4.874.086	4.874.086
Chi phí tài chính	1.499.189.532	421.035.758	37.474.911	1.957.700.201
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.332.668.593	1.236.506.798	181.484.678	5.750.660.069
Lãi (lỗ) khác				(228.267.838)
Lợi nhuận trước thuế				5.522.392.231
Chi phí thuế TNDN				1.346.237.491
Lợi nhuận sau thuế				4.176.154.740

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 01/01/2024

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	55.103.148.581	2.987.639.704	181.693.145	58.272.481.430
Xây dựng cơ bản	-	6.404.834.750	-	6.404.834.750
Các khoản phải thu	6.218.378.383	1.748.427.708	278.667.829	8.245.473.920
Hàng tồn kho	979.456.568	3.686.068.858	1.085.660.836	5.751.186.262
Tài sản không phân bổ				19.714.164.301
Cộng				98.388.140.663
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	306.108.127	3.165.836.268	184.819.745	3.656.764.140
Các khoản vay	12.306.837.943	20.162.303.131	-	32.469.141.074
Nợ phải trả không phân bổ				12.622.759.390
Cộng				48.748.664.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2023**

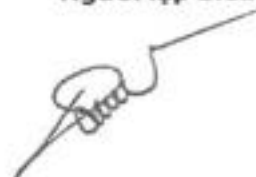
	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	141.150.269.100	590.234.444.911	5.308.528.914	736.693.242.925
Giá vốn hàng bán	117.386.071.786	562.318.461.830	4.384.874.468	684.089.408.084
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	19.060.425.828	27.167.497.157	765.214.167	46.993.137.152
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	122.082.660	122.082.660
Chi phí tài chính	1.317.626.259	435.175.617	26.386.158	1.779.188.034
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.386.145.227	313.310.307	254.136.781	3.953.592.315
Lãi (lỗ) khác				(272.918)
Lợi nhuận trước thuế				3.953.319.397
Chi phí thuế TNDN				862.411.556
Lợi nhuận sau thuế				3.090.907.841

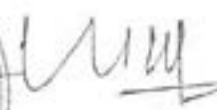
Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Đinh Xuân Vũ**Kế toán trưởng**

Ngô Thị Vui*Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025***Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Lê Tự Cường

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Cường	Thành viên
Ông Bùi Trung Định	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Thành viên
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tử Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Văn Định	Phó Giám đốc
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

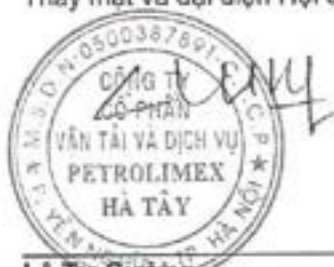
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Lê Tự Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Quyết định số 97/QĐ-HĐ-HĐQT-PTSHT ngày 18/9/2020 của Hội đồng quản trị ban hành quy định về phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Lê Tự Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Số: 24/2026/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/3/2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2023-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2026

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 3.537.0 02 SCT/BS

Ngày 09-05-2026

Người thực hiện chứng thực
(rõ họ, tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thoa
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5264-2025-055-1



CÔNG CHỨNG VIÊN
Dặng Thị Mai Khanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.227.381.803	22.301.813.011
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.206.133.863	1.152.528.774
1. Tiền	111	5	1.206.133.863	1.152.528.774
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.807.704.905	11.044.508.652
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.982.342.832	9.978.714.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		226.685.235	487.679.949
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.598.676.838	578.113.888
III. Hàng tồn kho	140		7.923.455.655	8.539.201.794
1. Hàng tồn kho	141	8	7.923.455.655	8.539.201.794
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.290.087.380	1.565.573.791
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	1.290.087.380	1.565.573.791
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.729.344.370	73.229.985.424
I. Tài sản cố định	220		58.955.789.003	53.376.142.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	58.549.818.704	52.807.603.951
- Nguyên giá	222		198.045.071.034	182.094.448.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.495.252.330)	(129.286.845.026)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	405.970.299	568.538.871
- Nguyên giá	228		1.265.480.000	1.265.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(859.509.701)	(696.941.129)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.404.834.750	6.404.834.750
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	6.404.834.750	6.404.834.750
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.368.720.617	13.449.007.852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	14.368.720.617	13.449.007.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		110.956.726.173	95.531.798.435

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.032.098.295	44.807.075.477
I. Nợ ngắn hạn	310		47.529.067.956	32.918.934.785
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.585.744.067	3.910.137.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		440.581.233	286.940.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	507.857.950	782.262.090
4. Phải trả người lao động	314		14.450.029.620	14.263.454.365
5. Chi phí phải trả	315	15	88.586.569	80.683.641
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	392.136.089	246.167.643
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.1	25.032.032.404	13.318.112.685
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.100.024	31.176.223
II. Nợ dài hạn	330		11.503.030.339	11.888.140.692
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.2	11.503.030.339	11.888.140.692
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.924.627.878	50.724.722.958
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	51.924.627.878	50.724.722.958
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18a	35.031.640.000	35.031.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.031.640.000	35.031.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.051.082.000	1.051.082.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	10.465.846.218	10.465.846.218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18b	5.376.059.660	4.176.154.740
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.376.059.660	4.176.154.740
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		110.956.726.173	95.531.798.435

Người lập biểu

Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng

Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Tự Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	665.804.880.048	685.344.975.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	665.804.880.048	685.344.975.096
4. Giá vốn hàng bán	11	21	604.891.105.599	624.405.243.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		60.913.774.449	60.939.731.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.011.504	4.874.086
7. Chi phí tài chính	22	23	2.001.155.490	1.957.700.201
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.873.107.510	1.853.434.670
8. Chi phí bán hàng	25	24.1	23.975.651.750	25.458.663.692
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.2	28.281.045.406	27.777.581.522
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		6.660.933.307	5.750.660.069
11. Thu nhập khác	31	25	175.591.411	98.139.363
12. Chi phí khác	32	26	34.975.103	326.407.201
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		140.616.308	(228.267.838)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.801.549.615	5.522.392.231
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.425.489.955	1.346.237.491
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.376.059.660	4.176.154.740
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.535	900

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Tự Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.801.549.615	5.522.392.231
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10,11	11.561.961.830	14.409.385.538
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	22	(108.059)	(370.173)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22,25	(176.824.658)	(95.196.779)
- Chi phí lãi vay	06	23	1.873.107.510	1.853.434.670
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.059.686.238	21.689.645.487
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.763.196.253)	(2.146.150.417)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		615.746.139	(2.788.015.532)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.015.842.543	3.891.009.194
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(644.226.354)	(25.249.548)
- Tiền lãi vay đã trả	14	23	(1.873.107.510)	(1.853.434.670)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(1.521.298.197)	(1.157.320.371)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		13.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.035.383.339)	(1.386.215.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.867.063.267	16.224.269.048
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	10	(17.212.414.071)	(9.513.046.930)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		242.727.273	90.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	4.903.445	4.287.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.964.783.353)	(9.417.850.151)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	27.259.672.887	18.144.689.079
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(15.930.863.521)	(25.407.576.776)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.177.592.250)	(2.463.320.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.151.217.116	(9.726.208.187)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		53.497.030	(2.919.789.290)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.152.528.774	4.071.947.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22	108.059	370.173
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	1.206.133.863	1.152.528.774

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đinh Xuân Vũ

Ngô Thị Vui

Lê Tự Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, trụ sở đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500387891 ngày 14/11/2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 20/10/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại 31/12/2025 là 265 người (tại 01/01/2025 là 255 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình	Km 47 800, quốc lộ 6, Xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ	Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2025 là 26.085 VND/USD.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với một số tài sản vừa sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh vừa để cho thuê, Công ty không tách riêng phần cho thuê để trình bày ở chỉ tiêu bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp và phần mềm quản lý cửa hàng. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể:

- Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp được khấu hao với thời gian 84 tháng kể từ khi đưa vào sử dụng;
- Phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã khấu hao hết và còn sử dụng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo số kỳ được bảo hiểm;
- Chi phí thuê cửa hàng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất của kho Đồng Mai (Khu B) và các cửa hàng xăng dầu Phượng Dực, Tân Dân, Tây Phong, Hòa Bình, được phân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất đối với kho Đồng Mai (Khu B), các cửa hàng xăng dầu Phượng Dực, Tân Dân và theo thời gian 50 năm đối với các cửa hàng xăng dầu Tây Phong, Hòa Bình;

- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí sửa chữa xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo định ngạch của từng xe và km lũy kế thực tế phát sinh trong kỳ;
- Chi phí trả trước tiền thuê phương tiện vận tải được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê trong hợp đồng thuê phương tiện;
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn bao gồm cước internet, tiền thuê văn phòng đội xe, chi phí sửa chữa cột bơm, sửa chữa xe... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh. Chi phí trả trước khác dài hạn bao gồm sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, chi phí triển khai nâng cấp hệ thống egas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh và tiền thuê TNCN và GTGT đã nộp để thuê cửa hàng xăng dầu Ba Hàng Đồi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là chi phí khoán các cửa hàng xăng dầu được ước tính hợp lý trên cơ sở số thực chi đầu năm 2025.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo hoặc không xác định thời hạn trả nợ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Trong năm, Công ty có sự thay đổi về cổ đông lớn theo Hợp đồng sáp nhập số 125/2025/PLX-PTC ngày 01/10/2025, Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu của công ty là 1.786.713 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Việc chuyển nhượng cổ phần này không làm thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 111/NQ-ĐHĐCĐ-PTSHT ngày 10/4/2025.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa bán, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ bao gồm:

- Giá vốn hàng hoá: bao gồm giá xuất của xăng dầu, dầu mỡ nhờn, hàng hóa khác là 478.255.421.088 VND và hao hụt xăng dầu trong định mức là 1.572.174.669 VND. Hao hụt được ghi nhận theo tháng, căn cứ theo thực tế phát sinh của từng mặt hàng không vượt định mức công ty ban hành tại Quyết định số 13/PTSHT-QĐ-GĐ ngày 31/01/2023 về việc ban hành định mức hao hụt xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Giá vốn dịch vụ: bao gồm giá vốn dịch vụ vận tải đường bộ và dịch vụ khác là 153.541.367.611 VND được ghi nhận theo thực tế phát sinh chi phí trong kỳ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lãi mua hàng chậm trả, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Lãi mua hàng chậm trả là khoản lãi phát sinh do mua hàng chậm thanh toán với các nhà cung cấp được ghi nhận theo thông báo lãi hàng quý.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

4.19 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 13, 18, 20, 31.

5. TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	375.843.927	723.245.819
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	830.289.936	429.282.955
Cộng	1.206.133.863	1.152.528.774

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	18.982.342.832	9.978.714.815
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	10.877.874.454	5.322.872.893
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	4.655.415.432	1.607.758.648
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	3.650.310.501	3.715.114.245
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	2.572.148.521	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	8.104.468.378	4.655.841.922
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	18.096.842.369	8.824.409.738
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	3.650.310.501	3.715.114.245
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	1.803.713.729	-
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	-	1.097.769.995
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	-	403.152.205
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	1.612.999.995	709.463.826
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	716.351.864	-
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	-	1.014.420.484
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	-	70.129.300
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	2.572.148.521	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	1.789.993.512	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	-	206.601.035
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	4.655.415.432	1.607.758.648
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	1.295.908.815	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.598.676.838	-	578.113.888	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.668.978	-	19.187.637	-
Phải thu thuế TNCN, BHXH của cán bộ CNV	1.423.675.638	-	-	-
Phải thu khác	167.332.222	-	558.926.251	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.300.331.030	-	2.708.333.710	-
Hàng hóa	4.623.124.625	-	5.830.868.084	-
Cộng	7.923.455.655	-	8.539.201.794	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	6.404.834.750	6.404.834.750
Tăng trong năm	14.776.264.889	9.220.366.930
Mua sắm tài sản cố định	14.776.264.889	9.067.023.496
Xây dựng cơ bản	-	153.343.434
Giảm trong năm	14.776.264.889	9.220.366.930
Kết chuyển sang tài sản cố định	14.776.264.889	9.220.366.930
Số cuối năm	6.404.834.750	6.404.834.750

Chi tiết:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Cửa hàng Xăng dầu Đại Đồng (*)	6.404.834.750	6.404.834.750
Cộng	6.404.834.750	6.404.834.750

(*) Là dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu hiện đại tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về đặc thù lĩnh vực đầu tư, an toàn phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật, thẩm mỹ, cũng như về an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Vốn đầu tư của dự án: khoảng 14,9 tỷ đồng.
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm.
- Địa điểm thực hiện dự án: Km34+700 Quốc lộ 32, xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
- Tiến độ thực hiện dự án: quý I/2025 - quý IV/2026.

Ngày 08/3/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 1325/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời, chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án nêu trên. Trong năm, Công ty không phát sinh thêm chi phí đầu tư do Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	14.809.853.762	6.070.741.161	160.920.274.508	293.579.546	182.094.448.977
Tăng trong năm	749.886.955	1.511.922.227	14.776.264.889	174.340.000	17.212.414.071
Mua sắm	-	1.511.922.227	14.776.264.889	174.340.000	16.462.527.116
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	749.886.955	-	-	-	749.886.955
Giảm trong năm	-	676.710.014	585.082.000	-	1.261.792.014
Thanh lý, nhượng bán	-	676.710.014	585.082.000	-	1.261.792.014
Tại ngày 31/12/2025	15.559.740.717	6.905.953.374	175.111.457.397	467.919.546	198.045.071.034
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	13.324.553.771	5.158.181.363	110.510.530.346	293.579.546	129.286.845.026
Tăng trong năm	350.869.700	318.744.160	10.713.869.784	15.909.614	11.399.393.258
Khấu hao trong năm	350.869.700	318.744.160	10.713.869.784	15.909.614	11.399.393.258
Giảm trong năm	-	676.710.014	514.275.940	-	1.190.985.954
Thanh lý, nhượng bán	-	676.710.014	514.275.940	-	1.190.985.954
Tại ngày 31/12/2025	13.675.423.471	4.800.215.509	120.710.124.190	309.489.160	139.495.252.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	1.485.299.991	912.559.798	50.409.744.162	-	52.807.603.951
Tại ngày 31/12/2025	1.884.317.246	2.105.737.865	54.401.333.207	158.430.386	58.549.818.704

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 86.581.649.140 VND (tại ngày 01/01/2025 là 67.183.673.500 VND).

Công ty đã thế chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 13.486.341.819 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	1.265.480.000	1.265.480.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2025	1.265.480.000	1.265.480.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	696.941.129	696.941.129
Tăng trong năm	162.568.572	162.568.572
Khấu hao trong năm	162.568.572	162.568.572
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2025	859.509.701	859.509.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	568.538.871	568.538.871
Tại ngày 31/12/2025	405.970.299	405.970.299

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025 là 127.500.000 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
12.1 Ngắn hạn	1.290.087.380	1.565.573.791
Chi phí bảo hiểm	1.273.078.824	1.262.283.289
Chi phí khác	17.008.556	303.290.502
12.2 Dài hạn	14.368.720.617	13.449.007.852
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.048.973.369	4.489.663.550
Chi phí thuê cửa hàng	4.314.790.903	4.979.481.825
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.760.126.389	2.432.047.188
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	1.126.045.704	1.162.380.228
Chi phí thuê phương tiện vận tải	748.938.272	-
Chi phí khác	369.845.980	385.435.061

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	6.585.744.067	6.585.744.067	3.910.137.157	3.910.137.157
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	5.702.475.579	5.702.475.579	2.855.056.731	2.855.056.731
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	4.985.398.725	4.985.398.725	2.673.312.641	2.673.312.641
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	717.076.854	717.076.854	181.744.090	181.744.090
Các khoản phải trả đối tượng khác	883.268.488	883.268.488	1.055.080.426	1.055.080.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan	5.702.475.579	5.702.475.579	3.242.406.386	3.242.406.386
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	717.076.854	717.076.854	181.744.090	181.744.090
Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	-	-	379.789.655	379.789.655
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	4.985.398.725	4.985.398.725	2.673.312.641	2.673.312.641
Công ty TNHH Petrolimex Quảng Ninh	-	-	7.560.000	7.560.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	484.088.758	5.933.474.537	6.243.307.681	174.255.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.788.674	1.425.489.955	1.521.298.197	145.980.432
Thuế thu nhập cá nhân	56.384.658	2.078.392.443	1.947.155.197	187.621.904
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	238.256.567	238.256.567	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	374.513.321	374.513.321	-
Cộng	782.262.090	10.050.126.823	10.324.530.963	507.857.950

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	88.586.569	80.683.641
Chi phí khoản cửa hàng xăng dầu	88.586.569	80.683.641

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	392.136.089	246.167.643
Cổ tức phải trả	141.150.050	165.894.700
Kinh phí công đoàn	-	33.733.271
Nhận ký quỹ, ký cược	200.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.986.039	46.539.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÀU SỐ B09 - DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	Trong năm VND				31/12/2025 VND
			Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
17.1 Ngắn hạn	25.032.032.404	13.318.112.685					
Các khoản vay	25.032.032.404	13.318.112.685					
17.2 Dài hạn	11.503.030.339	11.888.140.692					
Các khoản vay	11.503.030.339	11.888.140.692					
Các khoản vay							
Vay ngắn hạn	13.318.112.685	13.318.112.685	26.051.215.288	14.337.295.569	25.032.032.404	25.032.032.404	
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển		-	11.000.000.000	6.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
- CN Đông Đô (1)							
Cá nhân (2)	13.318.112.685	13.318.112.685	15.051.215.288	8.337.295.569	20.032.032.404	20.032.032.404	
Vay dài hạn	11.888.140.692	11.888.140.692	1.208.457.599	1.593.567.952	11.503.030.339	11.503.030.339	
Cá nhân (3)	11.888.140.692	11.888.140.692	1.208.457.599	1.593.567.952	11.503.030.339	11.503.030.339	
Cộng	25.206.253.377	25.206.253.377	27.259.672.887	15.930.863.521	36.535.062.743	36.535.062.743	

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đồng Đô theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 106.082/25/DN ngày 24/4/2025. Lãi vay được trả theo các kỳ hạn được thỏa thuận cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Các khoản vay cá nhân với kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng, lãi suất 0,5%/tháng, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

(3) Các khoản vay cá nhân với kỳ hạn trên 01 năm, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	3.090.907.841	49.639.476.059
Tăng trong năm trước	-	-	-	4.176.154.740	4.176.154.740
Lãi trong năm	-	-	-	4.176.154.740	4.176.154.740
Giảm trong năm trước	-	-	-	3.090.907.841	3.090.907.841
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.090.907.841	3.090.907.841
Số đầu năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	4.176.154.740	50.724.722.958
Tăng trong năm nay	-	-	-	5.376.059.660	5.376.059.660
Lãi trong năm	-	-	-	5.376.059.660	5.376.059.660
Giảm trong năm nay	-	-	-	4.176.154.740	4.176.154.740
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.176.154.740	4.176.154.740
Số cuối năm nay	35.031.640.000	1.051.082.000	10.465.846.218	5.376.059.660	51.924.627.878

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	17.867.130.000	17.867.130.000	-	-
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	-	-	17.867.130.000	17.867.130.000
Các cổ đông khác	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000	17.164.510.000
Cộng	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000	35.031.640.000

GIAO DỊCH VỚI VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	35.031.640.000	35.031.640.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	35.031.640.000	35.031.640.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	4.176.154.740	3.090.907.841
Tăng trong năm	5.376.059.660	4.176.154.740
Lãi trong năm	5.376.059.660	4.176.154.740
Giảm trong năm	4.176.154.740	3.090.907.841
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.176.154.740	3.090.907.841
Chia cổ tức bằng tiền	3.152.847.600	2.452.214.800
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.023.307.140	638.693.041
Số cuối năm	5.376.059.660	4.176.154.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.503.164	3.503.164
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.503.164	3.503.164
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>3.503.164</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.503.164	3.503.164
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.503.164</i>	<i>3.503.164</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000
19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	139,43	139,43
20. DOANH THU		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	665.804.880.048	685.344.975.096
Doanh thu bán xăng dầu chính	476.368.078.499	521.223.566.656
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	3.126.257.105	2.699.032.883
Doanh thu bán hàng hóa khác	333.260.153	334.395.929
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	184.264.494.151	160.635.544.460
Doanh thu dịch vụ khác	1.712.790.140	452.435.168
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	665.804.880.048	685.344.975.096
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	181.817.395.428	157.664.173.121
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	-	2.979.720
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	30.779.864.636	39.130.078.271
Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.120.763.560	4.732.527
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	12.240.373.384	6.193.956.056
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	28.478.826.545	56.614.014.838
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	18.362.942.281	17.357.010.934
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	11.776.751.979	9.106.290.895
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	3.820.511.250	2.451.199.558
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	4.000.184.069	2.650.592.709
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	39.052.168.842	21.947.921.568
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	4.087.154.248	2.205.396.045
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	7.938.470.513	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	6.760.313.314	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	4.467.917.135	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	3.554.111.644	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	3.332.088.905	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	2.032.255.347	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	12.697.776	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	448.278.493.492	490.920.382.425
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	2.797.982.957	2.413.352.190
Giá vốn của hàng hóa khác đã bán	273.261.539	277.894.367
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ	153.330.617.451	130.684.267.348
Giá vốn của dịch vụ khác	210.750.160	109.347.368
Cộng	604.891.105.599	624.405.243.698

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	4.903.445	4.287.688
Lãi chênh lệch tỷ giá	108.059	586.398
Cộng	5.011.504	4.874.086

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	1.873.107.510	1.853.434.670
Lãi mua hàng trả chậm	128.047.980	104.265.531
Cộng	2.001.155.490	1.957.700.201

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
24.1 Chi phí bán hàng	23.975.651.750	25.458.663.692
Chi phí nhân viên	13.073.271.696	13.466.818.026
Các khoản chi phí bán hàng khác	10.902.380.054	11.991.845.666
24.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.281.045.406	27.777.581.522
Chi phí nhân viên	14.321.851.744	11.656.365.190
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.959.193.662	16.121.216.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	242.727.273	90.909.091
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(70.806.060)	-
Các khoản khác	3.670.198	7.230.272
Cộng	175.591.411	98.139.363

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản bị phạt	34.975.096	197.126.941
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	43.316.292
Các khoản khác	7	85.963.968
Cộng	34.975.103	326.407.201

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	6.801.549.615	5.522.392.231
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	326.008.216	666.921.324
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	212.051.520	198.194.688
Các khoản bị phạt	34.975.096	197.126.941
Khấu hao của xe ô tô vượt mức quy định	78.611.427	71.157.099
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	43.316.292
Chi phí không được trừ khác	-	157.126.304
Lãi CLTG đánh giá lại của tiền năm trước	370.173	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	6.417.654.310	370.173
Hoàn nhập quỹ tiền lương năm 2024 trong năm 2025	6.417.546.251	-
Lãi CLTG đánh giá lại của tiền năm nay	108.059	370.173
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	709.903.521	6.188.943.382
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (6)=(4)*(5)	141.980.704	1.237.788.676
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (7)	1.283.509.251	108.448.815
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6)+(7)	1.425.489.955	1.346.237.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ (từ 01/10/2025)	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	-	111.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	-	249.368.117
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Cùng Công ty mẹ	1.229.455	2.921.364
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng Công ty mẹ	5.198.244.200	2.928.180.960
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	-	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Công ty mẹ	279.430.882.933	402.717.236.593
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng Công ty mẹ	4.198.581.103	5.590.639.052
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Cùng Công ty mẹ	384.008.478	267.009.054
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	1.011.745.000	710.545.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	Cùng Công ty mẹ	1.212.737.379	1.322.196.925
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	5.241.091	41.607.911
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ	535.432.450	1.205.513.835
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh	Cùng Công ty mẹ	25.315.636	47.000.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh	Cùng Công ty mẹ	3.052.156.973	1.278.677.693
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam	Cùng Công ty mẹ	1.502.133.705	706.226.272
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	Cùng Công ty mẹ	20.179.058	63.045.846
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	-	14.185.820
Công ty Xăng dầu Khu vực I	Cùng Công ty mẹ	74.829.632.256	127.392.070.824
Công ty Xăng dầu Khu vực III	Cùng Công ty mẹ	-	401.146
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	-	2.761.818
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	Cùng Công ty mẹ	-	27.206.430
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ	-	2.776.818
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Phúc	Cùng Công ty mẹ	521.963.388	109.550.012
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	Cùng Công ty mẹ	280.699.461	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hưng Yên	Cùng Công ty mẹ	557.014.288	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	104.196.449.196	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	Cùng Công ty mẹ	1.561.700.065	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ	2.367.920.725	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ	28.524.496.676	-
Lãi mua hàng chậm trả			
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Công ty mẹ	114.744.752	104.265.531
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ	11.099.164	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	2.204.064	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Dương Tú Oanh	Trưởng Ban kiểm soát		
Vay tiền		800.000.000	-
Lãi vay nhập gốc		92.352.427	72.564.750
Trả tiền vay		1.659.508.793	-
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc		
Vay tiền		-	2.000.000.000
Lãi vay nhập gốc		-	49.498.229
Trả tiền gốc, lãi vay		-	2.049.498.229
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Công ty mẹ (trước 01/10/2025)		
Cổ tức đã trả		1.608.041.700	1.250.699.100
Chuyển nhượng vốn		17.867.130.000	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ (từ 01/10/2025)		
Nhận chuyển nhượng vốn		17.867.130.000	-
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Tự Cường	Chủ tịch HĐQT	857.715.273	763.836.000
Ông Vũ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	95.423.184	99.097.344
Ông Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	95.423.184	99.097.344
Ông Nguyễn Tử Bình	Giám đốc	774.454.945	685.309.200
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc	704.275.880	663.052.880
Ông Đỗ Văn Định	Phó Giám đốc	689.059.080	504.756.880
Ông Lê Hồng Tá	Phó Giám đốc	695.653.971	663.052.880
Bà Dương Tú Oanh	Trưởng BKS	673.635.971	639.726.880
Ông Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên BKS	452.010.688	458.532.780
Ông Hoàng Đức Diện	Thành viên BKS	359.362.234	368.581.325

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng dầu và bộ phận khác.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ;
- Bộ phận kinh doanh xăng dầu: kinh doanh xăng dầu chính;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.898.081.255	57.592.257.759
Chi phí nhân công	73.498.652.722	67.389.365.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.561.961.830	14.409.385.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.862.810.547	30.187.086.044
Chi phí bằng tiền khác	13.976.558.413	14.451.765.151
Cộng	205.798.064.767	184.029.859.930

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	5.376.059.660	4.176.154.740
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	1.023.307.140
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	5.376.059.660	3.152.847.600
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.503.164	3.503.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	1.535	900

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2024 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 111/NQ-ĐHĐCĐ-PTSHT ngày 10/4/2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2025 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	55.476.749.105	1.900.149.486	1.578.890.412	58.955.789.003
Xây dựng cơ bản	-	6.404.834.750	-	6.404.834.750
Các khoản phải thu	19.842.201.178	852.148.338	113.355.389	20.807.704.905
Hàng tồn kho	3.300.331.030	3.021.803.320	1.601.321.305	7.923.455.655
Tài sản không phân bổ				16.864.941.860
Cộng				110.956.726.173
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	981.129.972	5.416.705.043	717.076.854	7.114.911.869
Các khoản vay	30.089.490.606	5.323.037.052	1.122.535.085	36.535.062.743
Nợ phải trả không phân bổ				15.382.123.683
Cộng				59.032.098.295

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	184.264.494.151	476.368.078.499	5.172.307.398	665.804.880.048
Giá vốn hàng bán	153.330.617.451	448.278.493.492	3.281.994.656	604.891.105.599
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	24.032.179.297	26.755.420.566	1.469.097.293	52.256.697.156
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	5.011.504	5.011.504
Chi phí tài chính	1.648.108.551	291.561.695	61.485.244	2.001.155.490
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.253.588.852	1.042.602.746	364.741.709	6.660.933.307
Lãi (lỗ) khác				140.616.308
Lợi nhuận trước thuế				6.801.549.615
Chi phí thuế TNDN				1.425.489.955
Lợi nhuận sau thuế				5.376.059.660

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2025

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản cố định	50.928.430.275	2.310.375.795	137.336.752	53.376.142.822
Xây dựng cơ bản	-	6.404.834.750	-	6.404.834.750
Các khoản phải thu	9.781.714.427	1.151.762.102	111.032.123	11.044.508.652
Hàng tồn kho	2.708.333.710	4.281.465.353	1.549.402.731	8.539.201.794
Tài sản không phân bổ				16.167.110.417
Cộng				95.531.798.435
Nợ phải trả				
Các khoản phải trả	1.042.915.393	3.053.102.296	181.744.090	4.277.761.779
Các khoản vay	11.888.140.692	13.318.112.685	-	25.206.253.377
Nợ phải trả không phân bổ				15.323.060.321
Cộng				44.807.075.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	160.635.544.460	521.223.566.656	3.485.863.980	685.344.975.096
Giá vốn hàng bán	130.684.267.348	490.920.382.425	2.800.593.925	624.405.243.698
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	24.119.418.987	28.645.641.675	471.184.552	53.236.245.214
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	4.874.086	4.874.086
Chi phí tài chính	1.499.189.532	421.035.758	37.474.911	1.957.700.201
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.332.668.593	1.236.506.798	181.484.678	5.750.660.069
Lãi (lỗ) khác				(228.267.838)
Lợi nhuận trước thuế				5.522.392.231
Chi phí thuế TNDN				1.346.237.491
Lợi nhuận sau thuế				4.176.154.740

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

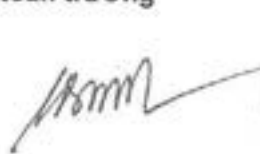
Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu



Đinh Xuân Vũ

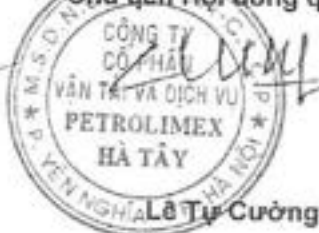
Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Tự Cường



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2026

ĐVT: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		37,063,671,413	31,227,381,803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,746,106,198	1,206,133,863
1. Tiền	111	V.01	2,746,106,198	1,206,133,863
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,530,106,615	20,807,704,905
1. Phải thu khách hàng	131		21,464,295,902	18,982,342,832
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		330,266,269	226,685,235
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1,735,544,444	1,598,676,838
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		8,953,630,732	7,923,455,655
1. Hàng tồn kho	141	V.04	8,953,630,732	7,923,455,655
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,833,827,868	1,290,087,380
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	151		1,364,020,403	1,290,087,380
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		232,145,039	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.06	237,662,426	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250)	200		95,734,479,598	79,729,344,370
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	0	0
II. Tài sản cố định	220		76,713,095,182	58,955,789,003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	76,388,409,169	58,549,818,704
- Nguyên giá	222		221,197,880,902	198,045,071,034
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(144,809,471,733)	(139,495,252,330)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	324,686,013	405,970,299
- Nguyên giá	228		1,265,480,000	1,265,480,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(940,793,987)	(859,509,701)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6,797,751,416	6,404,834,750
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6,797,751,416	6,404,834,750
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12,223,633,000	14,368,720,617
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	261	V.14	12,223,633,000	14,368,720,617
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200)	270		132,798,151,011	110,956,726,173

NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330+340)	300		80,704,819,371	59,032,098,295
I. Nợ ngắn hạn	310		69,824,008,994	47,529,067,956
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	28,517,760,825	6,585,744,067
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81,238,533	440,581,233
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		122,368,550	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	820,278,620	507,857,950
5. Phải trả người lao động	315		12,926,827,301	14,450,029,620
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	5,191,653,284	88,586,569
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			
8. Phải trả ngắn hạn khác	318	V.18	534,974,515	392,136,089
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	319		20,493,705,200	25,032,032,404
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		1,135,202,166	32,100,024
II. Nợ dài hạn	330		10,880,810,377	11,503,030,339
1. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		10,880,810,377	11,503,030,339
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		52,093,331,640	51,924,627,878
I. Vốn chủ sở hữu	410	V22	52,093,331,640	51,924,627,878
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35,031,640,000	35,031,640,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35,031,640,000	35,031,640,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,051,082,000	1,051,082,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,465,846,218	10,465,846,218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,544,763,422	5,376,059,660
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa PP kỳ này	421b		5,544,763,422	5,376,059,660
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		132,798,151,011	110,956,726,173

LẬP BIỂU



PHÓ PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Đinh Xuân Vũ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Ngô Thị Vui



DUYỆT



CHỦ TỊCH
Lê Đức Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I	2	3		5		7
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.25	256,249,237,033	166,365,856,826	452,007,029,286	327,295,680,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	256,249,237,033	166,365,856,826	452,007,029,286	327,295,680,564
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	232,048,812,263	150,494,786,278	405,690,050,655	296,181,785,521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,200,424,770	15,871,070,548	46,316,978,631	31,113,895,043
6. Lãi/lỗ hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.29	1,273,576	1,670,708	2,724,588	2,600,142
7. Chi phí tài chính	23	VI.30	721,839,932	500,581,106	1,334,909,836	909,229,551
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		670,828,206	459,496,965	1,283,898,110	843,709,292
8. Chi phí bán hàng	25		8,186,568,422	6,453,885,922	14,619,918,814	11,821,702,184
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13,038,662,521	7,365,257,156	23,406,479,123	15,228,795,571
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,254,627,471	1,553,017,072	6,958,395,446	3,156,767,879
11. Thu nhập khác	31		123,989,426	0	163,998,354	22,727,273
12. Chi phí khác	32		53,136,072	12,990,954	123,742,158	28,915,425
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		70,853,354	-12,990,954	40,256,196	-6,188,152
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2,325,480,825	1,540,026,118	6,998,651,642	3,150,579,727
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	502,239,809	1	1,453,888,220	1,283,509,251
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=	60		1,823,241,016	1,540,026,117	5,544,763,422	1,867,070,476
18.1 Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		1,823,241,016	1,540,026,117	5,544,763,422	1,867,070,476
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		520		1,583	533

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Đinh Xuân Vũ

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Ngô Thị Vui

Ngày 20 tháng 07 Năm 2026

DUYỆT

CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	N2026	N2025
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6,998,651,642	3,150,579,727
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	5,913,464,617	5,816,656,326
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(126,633,679)	(25,327,415)
- Chi phí lãi vay	06	1,283,898,110	843,709,292
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14,069,380,690	9,785,617,930
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(2,954,546,749)	(3,454,172,979)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(1,030,175,077)	(3,827,595,622)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7,983,211,687	7,986,073,693
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	2,071,154,594	(1,488,433,488)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,283,898,110)	(841,024,360)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(883,553,910)	(1,521,298,197)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(772,880,000)	(1,019,883,339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17,198,693,125	5,627,283,638
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7,453,178,203)	(9,637,459,631)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	123,909,091	22,727,273
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,724,588	2,600,142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7,326,544,524)	(9,612,132,216)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	10,188,896,308	10,488,967,319
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15,349,443,474)	(1,928,588,825)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3,171,629,100)	(3,171,045,705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8,332,176,266)	5,389,332,789
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1,539,972,335	1,404,484,211
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,206,133,863	1,152,528,774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2,746,106,198	2,557,012,985

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Đinh Xuân Vũ

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Vui



Ngày 20 tháng 07 Năm 2026

DUYỆT

CHỦ TỊCH
Lê Thị Cường

11/0007/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, trụ sở đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, P.Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500387891 ngày 14/11/2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 26/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 35.031.640.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình	Xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ	Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp

ban hành tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh Công ty sau khi bù trừ các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ).

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán;

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Đối với phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đã khấu hao hết

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp, phần mềm quản lý cửa hàng. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Cụ thể:

- Phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 84 tháng kể từ khi phát sinh;
- Phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu đã được khấu hao hết và còn sử dụng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo số kỳ được bảo hiểm;
- Chi phí thuê cửa hàng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất của các cửa hàng xăng dầu Đồng Mai, Phượng Dực, Tân Dân, Tây Phong, Hòa Bình, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất đối với các cửa hàng xăng dầu Đồng Mai, Phượng Dực, Tân Dân và theo thời gian 50 năm

đối với các cửa hàng xăng dầu Tây Phong, Hòa Bình.

- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí sửa chữa xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo định ngạch của từng xe và km lũy kế thực tế phát sinh trong kỳ;
- Chi phí trả chờ phân bổ ngắn hạn bao gồm cước internet, tiền thuê văn phòng đội xe... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh. Chi phí trả chờ phân bổ khác dài hạn bao gồm sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, chi phí triển khai nâng cấp hệ thống egas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh và tiền thuế TNCN và GTGT đã nộp để thuê cửa hàng xăng dầu Ba Hàng Đồi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả chờ phân bổ ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: các khoản chi chế độ cho người lao động, chi phí khoán bán hàng tháng 12.2025.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo thực tế phát sinh từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa bán, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ bao gồm:

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lãi mua hàng trả chậm, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

4.19 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

5.1 Tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	889,153,733	375,843,927
- Tiền gửi ngân hàng	1,856,952,465	830,289,936
Cộng	2,746,106,198	1,206,133,863

5.2 Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21,464,295,902	18,982,342,832
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên	11,146,915,240	10,877,874,454
Công ty Xăng dầu Điện Biên	3,081,626,601	3,650,310,501
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	3,082,914,781	2,572,148,521
Công ty Petrolimex Sơn La	4,982,373,858	4,655,415,432
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10,317,380,662	8,104,468,378
Tr.đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	20,266,076,348	18,096,842,369
Công ty Xăng dầu Điện Biên	3,081,626,601	3,650,310,501
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	3,082,914,781	2,572,148,521
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	1,312,515,302	1,181,399,624
CN Petrolimex Bắc Cạn- Petrilimex Thái Nguyên	275,956,002	431,600,371
CN Petrolimex Hòa Bình- Petrilimex Phú Thọ	1,601,032,729	1,397,896,471
CN Petrolimex Vĩnh Phúc- Petrilimex Phú Thọ	427,200,574	392,097,041
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	2,188,491,131	1,590,191,909
CN Petrolimex Hà Nam(Petrolimex Ninh Bình)	414,911,354	213,521,820
Công ty Petrolimex Bắc Ninh	977,038,614	716,351,864
CN Petrolimex Kinh Bắc(Petrolimex Bắc Ninh)	400,917,006	
Công ty Petrolimex Lạng Sơn	1,521,098,396	1,295,908,815
Công ty Petrolimex Sơn La	4,982,373,858	4,655,415,432
Tổng cộng	21,464,295,902	18,982,342,832

5.3. Trả trước người bán

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	330,266,269	226,685,235
Cộng	330,266,269	226,685,235

5.4 Phải thu khác

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1,735,544,444		1,598,676,838	
- Phải thu người lao động;	1,635,587,416		1,423,675,638	
- Phải thu khác.	99,957,028		175,001,200	
Cộng	1,735,544,444		1,598,676,838	

5.5 Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3,351,167,330		3,300,331,030	
Hàng hóa	5,602,463,402		4,623,124,625	
Cộng	8,953,630,732		7,923,455,655	

5.6. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết + CF tư vấn, đền bù đất CH Th.Thất	6,797,751,416	6,797,751,416	6,404,834,750	6,404,834,750
Cộng	6,797,751,416	6,797,751,416	6,404,834,750	6,404,834,750

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	15,559,740,717	6,905,953,374	175,111,457,397	467,919,546			198,045,071,034
- Mua sắm mới	380,564,711		23,290,206,085				23,670,770,796
- Xây dựng cơ bản							
- Thanh lý, nhượng bán	261,211,968	160,200,000	96,548,960				517,960,928
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	15,679,093,460	6,745,753,374	198,305,114,522	467,919,546			221,197,880,902
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	13,675,423,471	4,800,215,509	120,710,124,190	309,489,160			139,495,252,330
- Khấu hao trong năm	158,833,038	165,399,126	5,483,421,901	24,526,266			5,832,180,331
- Tăng khác							
- Thanh lý, nhượng bán	261,211,968	160,200,000	96,548,960				517,960,928
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	13,573,044,541	4,805,414,635	126,096,997,131	334,015,426			144,809,471,733
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình							
- Tại ngày đầu năm	1,884,317,246	2,105,737,865	54,401,333,207	158,430,386			58,549,818,704
- Tại ngày cuối năm	2,106,048,919	1,940,338,739	72,208,117,391	133,904,120			76,388,409,169

5.8 Tàng, giám tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình								
Số dư đầu năm					1,265,480,000			1,265,480,000
- Tàng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm					1,265,480,000			1,265,480,000
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm					859,509,701			859,509,701
- Khấu hao trong năm					81,284,286			81,284,286
- Giảm khác								
Số dư cuối năm					940,793,987			940,793,987
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình								
- Tại ngày đầu năm					405,970,299			405,970,299
- Tại ngày cuối năm					324,686,013			324,686,013

5.9 Chi phí chờ phân bổ

Chi tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	1,364,020,403	1,290,087,380
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn).	1,364,020,403	1,290,087,380
+ Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải, hàng hóa, con người	1,364,020,403	1,273,078,824
+ CF Khác		17,008,556
b) Dài hạn	12,223,633,000	14,368,720,617
+ Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	5,995,177,778	6,048,973,369
+ Chi phí thuê địa điểm KD	2,893,127,261	4,314,790,903
+ Chi phí sửa chữa TSCĐ	1,171,555,106	1,760,126,389
+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	1,099,387,767	1,126,045,704
+ Chi phí thuê PTVT	938,864,198	748,938,272
+ Chi phí khác	125,520,890	369,845,980
Cộng	13,587,653,403	15,658,807,997

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

Chi tiêu	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	20,493,705,200	20,493,705,200	9,433,098,845	13,971,426,049	25,032,032,404	25,032,032,404
- Ngân hàng			5,000,000,000	10,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000
- Cá nhân	20,493,705,200	20,493,705,200	4,433,098,845	3,971,426,049	20,032,032,404	20,032,032,404
b) Vay dài hạn	10,880,810,377	10,880,810,377	755,797,463	1,378,017,425	11,503,030,339	11,503,030,339
- Cá nhân	10,880,810,377	10,880,810,377	755,797,463	1,378,017,425	11,503,030,339	11,503,030,339
Cộng	31,374,515,577	31,374,515,577	10,188,896,308	15,349,443,474	36,535,062,743	36,535,062,743

5.11 Phải trả người bán

Chi tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	28,517,760,825	28,517,760,825	6,585,744,067	6,585,744,067
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số	22,435,346,236	22,435,346,236	5,702,475,579	5,702,475,579
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	4,885,346,236	4,885,346,236	4,985,398,725	4,985,398,725
Công ty TNHH MTV Cơ khí XD Đồng Nai	17,550,000,000	17,550,000,000		
Tổng công ty Hóa dầu			717,076,854	717,076,854
- Phải trả cho các đ.tượng khác	6,082,414,589	6,082,414,589	883,268,488	883,268,488
Tr.đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	26,199,177,445	26,199,177,445	5,702,475,579	5,702,475,579
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	4,885,346,236	4,885,346,236	4,985,398,725	4,985,398,725
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex	387,025,366	387,025,366	717,076,854	717,076,854
CN Petrolimex Hòa Bình-	2,054,264,330	2,054,264,330		
Công ty TNHH MTV Petrolimex	1,159,433,013	1,159,433,013		
Công ty CP tin học VT	163,108,500	163,108,500		
Công ty TNHH MTV Cơ khí XD Đồng Nai(nợ tiền mua 5 xe xi téc)	17,550,000,000	17,550,000,000		
b) Dài hạn				
Tổng cộng	28,517,760,825	28,517,760,825	6,585,744,067	6,585,744,067

5.12, Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

Khoản mục	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	122,368,550	141,150,050

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiêu	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	174,255,614	4,631,835,682	4,806,091,296	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	145,980,432	1,453,888,220	883,553,910	716,314,742
- Thuế thu nhập cá nhân	187,621,904	131,206,493	452,526,945	103,963,878
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		314,747,287	314,747,287	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		647,933,844	647,933,844	
Cộng	507,857,950	7,179,611,526	7,104,853,282	820,278,620

5.13 Chi phí phải trả

Chi tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	5,191,653,284	88,586,569
- CF khoản KDXD, sửa chữa PTVT, chế độ NLĐ	5,191,653,284	88,586,569
Cộng	5,191,653,284	88,586,569

5.14 Phải trả khác

Chi tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	534,974,515	392,136,089
- Kinh phí công đoàn	76,106,502	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	430,000,000	200,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	28,868,013	192,136,089
Cộng	534,974,515	392,136,089

5.15 Vốn chủ sở hữu**a-Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	35,031,640,000	1,051,082,000	14,642,000,958	50,724,722,958
- Lãi trong năm trước			1,867,070,476	1,867,070,476
- PP lợi nhuận trong năm			4,176,154,740	4,176,154,740
Số dư cuối kỳ năm trước	35,031,640,000	1,051,082,000	12,332,916,694	48,415,638,694
Số dư đầu năm nay	35,031,640,000	1,051,082,000	15,841,905,878	51,924,627,878
- Lãi trong năm nay			5,544,763,422	5,544,763,422
- PP lợi nhuận trong năm			5,376,059,660	5,376,059,660
Số dư cuối năm nay	35,031,640,000	1,051,082,000	16,010,609,640	52,093,331,640

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)	17,867,130,000	17,867,130,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	17,164,510,000	17,164,510,000
Cộng	35,031,640,000	35,031,640,000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35,031,640,000	35,031,640,000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	35,031,640,000	35,031,640,000

d. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3,503,164	3,503,164
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,503,164	3,503,164
+ Cổ phiếu phổ thông	3,503,164	3,503,164
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,503,164	3,503,164
+ Cổ phiếu phổ thông	3,503,164	3,503,164
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000
e- Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển:	10,465,846,218	10,465,846,218

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
c) Ngoại tệ các loại:	139.43	139.43

6 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
a. Doanh thu		
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	452,007,029,286	327,295,680,564
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	452,007,029,286	327,295,680,564
* <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>332,981,648,677</i>	<i>238,558,875,241</i>
+ Doanh thu kinh doanh xăng dầu	330,720,537,477	236,790,926,228
+ Doanh thu kinh doanh HH khác	2,261,111,200	1,767,949,013
* <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>119,025,380,609</i>	<i>88,736,805,323</i>
+ Doanh thu kinh doanh dịch vụ vận tải	117,888,617,401	87,972,855,269
+ Doanh thu dịch vụ khác	1,136,763,208	763,950,054
Cộng	452,007,029,286	327,295,680,564
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).	116,319,473,900	86,801,614,993
+ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình		18,896,118,544
+ Công ty xăng dầu Điện Biên	18,225,740,872	15,425,541,213
+ Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh		12,057,855,932
+ Công ty xăng dầu Thái Bình		945,860,452
+ Công ty xăng dầu Bắc Thái	7,015,897,086	4,796,358,031
+ Công ty xăng dầu Hà Bắc		7,139,331,941
+ Công ty xăng dầu Bắc Ninh		2,452,102,607
+ Công ty xăng dầu Vĩnh Phúc		2,706,390,015
+ Công ty TNHH MTV XD Hà Nam		2,654,005,596
+ Công ty TNHH MTV XD Sơn La	28,226,550,251	17,959,138,540
+ Công ty TNHH MTV XD Hưng Yên		1,762,563,234
+ Công ty TNHH MTV XD Hà Tĩnh		6,348,888
+ CN Petrolimex Bắc Cạn(Petrolimex Thái Nguyên)	1,641,068,811	
+ Công ty Petrolimex Ninh Bình	14,426,156,639	

+ CN Petrolimex Hà Nam	3,152,359,103	
+ Công ty Petrolimex Hà Nội	15,603,429,990	
+ Công ty Petrolimex Lạng Sơn	8,146,496,534	
+ Công ty Petrolimex Bắc Ninh	4,932,456,514	
+ CN Petrolimex Kinh Bắc	3,597,093,069	
+ CN Petrolimex Hòa Bình(Petrolimex Phú Thọ)	8,267,236,946	
+ CN Petrolimex Vĩnh Phúc(Petrolimex Phú Thọ)	3,084,988,085	

6.2 Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn bán hàng hóa	306,947,202,051	223,934,658,477
+ Giá vốn kinh doanh xăng dầu	304,973,685,681	222,302,116,814
+ Giá vốn kinh doanh HH khác	1,973,516,370	1,632,541,663
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	98,142,966,772	71,450,801,794
+ Giá vốn dịch vụ vận tải	97,795,851,217	71,277,769,422
+ Giá vốn dịch vụ khác	347,115,555	173,032,372
- Chi phí hao hụt hàng tồn kho	599,881,832	796,325,250
Cộng	405,690,050,655	296,181,785,521

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,724,588	2,600,142
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
Cộng	2,724,588	2,600,142

6.4 Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	1,283,898,110	843,709,292
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	51,011,726	65,520,259
Cộng	1,334,909,836	909,229,551

6.5 Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	123,909,091	22,727,273
- Các khoản khác.	40,089,263	
Cộng	163,998,354	22,727,273

6.6 Chi phí khác

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản bị phạt;	52,141,341	28,915,418
- Các khoản khác.	71,600,817	7
Cộng	123,742,158	28,915,425

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	23,406,479,123	15,228,795,571
- Chi phí nhân viên quản lý	14,677,952,098	8,955,878,464
- Chi phí vật liệu quản lý	255,141,501	243,334,792
- Chi phí đồ dùng văn phòng	450,115,691	269,303,816
- Chi phí khấu hao TSCĐ	357,276,510	249,832,207
- Thuế, phí và lệ phí	36,358,498	52,913,296
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,036,001,030	2,712,458,203
- Chi phí bằng tiền khác	4,593,633,795	2,745,074,793

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	14,619,918,814	11,821,702,184
- Chi phí nhân viên (tiền lương và chế độ NLD, các khoản BH)	7,580,153,779	6,439,407,879
- Chi phí vật liệu, bao bì	29,601,150	
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	304,851,438	355,094,308
- Chi phí khấu hao TSCĐ	183,613,716	346,329,432
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,497,220,272	3,879,562,966
- Chi phí bằng tiền khác	1,024,478,459	801,307,599

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48,485,416,986	31,415,977,336
- Chi phí nhân công	48,457,046,869	38,404,042,033
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,913,464,617	5,816,656,326
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25,184,882,636	16,174,197,165
- Chi phí khác bằng tiền	8,128,553,601	6,690,426,689
Cộng	136,169,364,709	98,501,299,549

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chi tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Tổng lợi nhuận kế toán	6,998,651,642	3,150,579,727
- Các khoản điều chỉnh tăng	270,789,455	350,712,652
+ Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	123,206,400	103,576,320
+ Tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính về thuế	53,141,341	28,915,418
+ Chi phí không được trừ	55,136,000	178,915,200
+ Khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ trên 1.6 tỷ	39,305,714	39,305,714
- Các khoản điều chỉnh giảm	3,707,866,029	6,417,546,251
+ Nguồn lương N2024 còn lại đến 31/3/2025 chưa chi		6,417,546,251
+ Nguồn lương N2025 còn lại đến 31/3/2026 chưa chi	3,707,866,029	
- Tổng lợi nhuận tính thuế	3,561,575,068	(2,916,253,872)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	712,315,014	
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	741,573,206	1,283,509,251
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,453,888,220	1,283,509,251

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngày 20 tháng 07 năm 2026

DUYỆT

CHỦ TỊCH

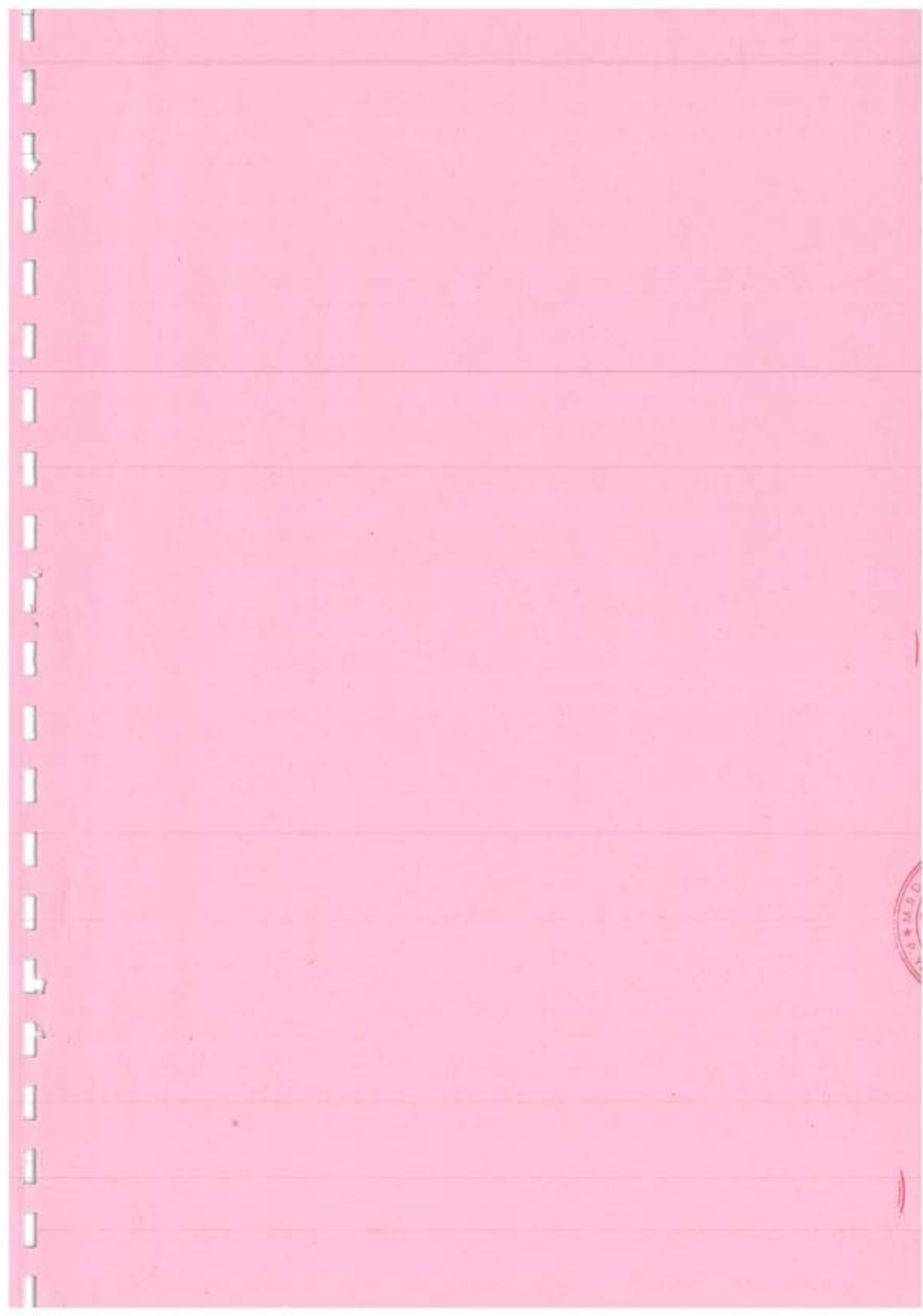
Lê Đức Cường

PHÓ PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Minh Xuân Vũ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngô Thị Vui



Số: 167/QĐ-HĐQT-PTSHT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đầu tư phương tiện vận tải

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;;
Căn cứ Quyết định số 1362/2000/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ
Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Xi nghiệp Vận tải và Dịch vụ
thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình thành Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ
Petrolimex Hà Tây;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Căn cứ quyết định số 13/QĐ-HĐQT-PTSHT ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hội
đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý công tác đầu tư, xây dựng,
nhượng bán, thanh lý tài sản;

Căn cứ Tờ trình số 363/PTSHT-TTr-GĐ ngày 15/12/2025 của Giám đốc Công
ty về việc phê duyệt phương án đầu tư phương tiện vận tải;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BB-PTSHT-HĐQT ngày 19/12/2025
họp ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT-PTSHT ngày 19 tháng
12 năm 2025;

Căn cứ kết quả hỏi ý kiến các thành viên HĐQT số 223/PTSHT-HĐQT ngày
19/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT-PTSHT ngày 19 tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đầu tư phương tiện vận tải, cụ thể như sau:

1. Số lượng, chủng loại đầu tư:
 - 05 xe 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22 m³/xe (Hyundai 320 hoặc chủng loại tương đương);
 - 01 xe đầu kéo (Đầu kéo HINO và Sơmi rơ mooc sitec sắt khoảng 40 m³);
 - 01 xe đầu kéo (Đầu kéo HINO và Sơmi rơ mooc sitec sắt khoảng 33 m³);
2. Giá trị đầu tư dự kiến: 24.682.315.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ sáu trăm tám hai triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng). Giá trị đầu tư đã bao gồm: thuế VAT và các khoản thuế phí, lệ phí để xe hoạt động, dự phòng phí.

Trong đó:

- a) Tổng giá trị đầu tư bao gồm giá trị đầu tư xe và các khoản thuế phí, lệ phí (thuế trước bạ và lệ phí đăng ký) để xe hoạt động: 24.455.520.000 đồng. Cụ thể:



- Giá trị đầu tư 05 xe 4 cầu, sitec sắt, dung tích khoảng 22 m³/xe (chưa bao gồm thuế VAT): 05 xe x 3.300.000.000 đồng/xe = 16.500.000.000 đồng.
- Giá trị đầu tư 01 xe đầu kéo + somi rơ mooc sitec sắt, dung tích khoảng 40 m³ (chưa bao gồm thuế VAT): 01 xe x 2.900.000.000 đồng/xe = 2.900.000.000 đồng.
- Giá trị đầu tư 01 xe đầu kéo + somi rơ mooc sitec sắt, dung tích khoảng 33 m³ (chưa bao gồm thuế VAT): 01 xe x 2.800.000.000 đồng/xe = 2.800.000.000 đồng.
- Thuế VAT được tính tại thời điểm lập dự toán là 8% : 1.776.000.000 đồng.
- Thuế trước bạ và lệ phí đăng ký để xe hoạt động: 479.520.000 đồng.
- b) Chi phí dự phòng: 226.795.000 đồng.
- 3. Hình thức mua sắm: Đấu thầu rộng rãi;
- 4. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.
- 5. Vốn đầu tư: Từ nguồn vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và vốn vay.

Điều 2. Giao Giám đốc Công ty phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai các nội dung tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn và của HDQT Công ty.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng QLKT Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; Ban KS Cty;
- PGĐ Đỗ Văn Định;
- Phòng KTTC, QLKT;
- Lưu: VT, TK.HDQT.



